

Quyển 41

Thứ 15. BỒ TÁT ĐỊA

Phân đầu TRÌ DU GIÀ XỨ

Phẩm 10. TRÌ GIỚI - 2

Như vậy, Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát phải nên biết rõ phạm và không phạm, là nhiễm ô và không nhiễm ô, ở bậc nhẹ, trung bình, nặng sai khác.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, ngày ngày đối với Như Lai, hoặc vì Như Lai kiến tạo tháp; đối với chánh pháp, hoặc vì chánh pháp tạo lập kinh điển, đó là các Ma-đát-ly-ca của Kinh tạng Bồ-tát; đối với Tăng-già, đó là chúng các Bồ-tát ở mười phương cõi giới đã nhập đại địa, nếu không dùng hoặc ít, hoặc nhiều các thứ cúng dường mà vì cúng dường, dưới đến không đem thân một lay cung kính lễ bái, dưới đến không dùng một kệ bốn câu để xưng khen công đức chân thật của Phật, Pháp, Tăng, dưới đến không có một tâm tín thanh tịnh tùy niệm công đức chân thật của Tam

Bảo; đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt. Nếu người không cung kính, lười biếng giải đãi mà phạm, là phạm nhiễm ô. Nếu người lỡ quên mất niệm mà phạm, thì không phải phạm nhiễm ô.

Không phạm: Hoặc người tâm bị cuồng loạn. Hoặc người đã chứng nhập Ý lạc thanh tịnh địa, thường không phạm, do đặc ý lạc thanh tịnh của Bồ-tát. Thí như Bí-sô đã đắc chứng tịnh, pháp nhĩ hằng thời đối với Phật, Pháp, Tăng, dùng đủ các việc thù thắng mà thừa sự cúng dường.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát có đầy đủ các dục mà không biết vui đủ, ở nơi lợi dưỡng cung kính sanh tâm vui đắm không xả. Đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, là phạm nhiễm ô.

Không phạm: Vì đoạn trừ sự vui muốn các dục kia sanh khởi, nên phát siêng tinh tấn nhiếp phục đối trị, tuy nỗ lực ngăn ngừa chế phục, nhưng bị tánh hoặc loạn mạnh mẽ quấy nhiễu, lớp lớp sanh khởi hiện hành.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát thấy các bậc trưởng lão đồng pháp có đức đáng kính đến, bị tâm kiêu mạn ngăn che, ôm tâm hiềm hận, ôm tâm khuể não, không đứng dậy tiếp đón,

không mời ngồi chỗ cao hơn. Nếu có người đến đàm luận, vui vẻ vấn an thăm, mà bị kiêu mạn ngăn che, ôm tâm hiểm hận, ôm tâm khuể não, mở lời đối đáp không thuận chánh lý. Đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, là phạm nhiễm ô. Nếu không bị kiêu mạn ngăn che, không tâm hiểm hận, không tâm khuể não, chỉ do lưỡi biếng giải đãi, tâm quên mất không nhớ, gọi là phạm, có lỗi trái vượt, không phải phạm nhiễm ô.

Không phạm: Hoặc lúc lâm trọng bệnh. Hoặc tâm cuồng loạn. Hoặc đang lúc ngủ nghỉ, người sanh tưởng nhớ, tìm đến gần gũi nương tựa, dùng lời đàm luận vấn an thăm hỏi. Hoặc tự mình vì người tuyên thuyết các pháp, luận nghĩa quyết trạch. Hoặc cùng kia vui vẻ vấn an thăm hỏi đàm luận. Hoặc người thuyết pháp luận nghĩa quyết trạch, chuyên chú lắng tai nghe. Hoặc người có trái phạm thuyết chánh pháp, vì tâm muốn hộ trì người thuyết pháp. Hoặc muốn phương tiện điều phục kia, khiến lìa khỏi bất thiện, an lập nơi thiện. Hoặc hộ trì những phép tắc do Tăng chế lập. Hoặc tâm hộ trì nhiều hữu tình mà không đáp lời. Tất cả việc làm trên đều không phạm.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, khi có người thỉnh mời đến nhà cư sĩ, hoặc đến chùa khác để phụng thí các thức ăn uống, y phục cùng các vật dụng nuôi thân khác... lại bị kiêu mạn ngăn che, ôm tâm hiềm hận, ôm tâm khuể não, không nhận lời mời của kia, không đến chỗ của kia. Đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, là phạm nhiễm ô. Nếu do tâm lười biếng giải đãi, quên mất không nhớ, nên không nhận lời mời, không đến chỗ của kia, thì gọi là phạm, có lỗi trái vượt, không phải phạm nhiễm ô.

Không phạm: Hoặc mắc phải bệnh tật. Hoặc không có sức khỏe. Hoặc tâm cuồng loạn. Hoặc vùng xa xôi. Hoặc đường đi nguy hiểm. Hoặc muốn phương tiện điều phục kia, khiến họ ra khỏi bất thiện, an lập nơi thiện. Hoặc trước đã nhận lời thỉnh khác. Hoặc vì không muốn gián đoạn trong khi tu tập thiện pháp, muốn hộ trì phẩm thiện khiến không tạm bỏ. Hoặc vì dẫn nhiếp nghĩa chưa từng có. Hoặc không muốn thối mất pháp nghĩa đã nghe. Hoặc không muốn thối mất luận nghĩa quyết trạch. Hoặc lại biết kia ôm tâm tổn não, giả dối đến mời thỉnh. Hoặc hộ trì người nhiều

tâm hiềm hận. Hoặc hộ trì những phép tắc do Tăng chế lập. Tất cả việc như vậy, Bồ-tát không đến chỗ của kia, không thọ nhận lời thỉnh của kia đều không phạm.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, nếu có người đem chủng chủng vật báu ma-ni, trân châu, lưu ly... màu sắc rất đáng yêu thích, cùng đem chủng chủng tài lợi đầy đủ thượng diệu ân cần phụng thí. Nhưng Bồ-tát do tâm hiềm hận, hoặc tâm khuể não, từ chối không nhận; đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, là phạm nhiễm ô, vì xả bỏ hữu tình vậy. Nếu do giải đãi lười biếng, quên mất không nhớ, nên từ chối chẳng nhận; đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, không phải phạm nhiễm ô.

Không phạm: Hoặc tâm cuồng loạn. Hoặc tự quán xét thọ nhận rồi, tâm sẽ sanh nhiễm đấm. Hoặc lại quán xét thời gian sau người kia nhất định sẽ hối tiếc. Hoặc lại biết kia mê loạn mà bố thí. Hoặc biết thí chủ tùy thí, nếu mình tùy thọ nhận, do nhân duyên đây chắc chắn thí chủ sẽ nghèo thiếu. Hoặc biết vật đây của Tăng-già, vật đây của tháp. Hoặc biết vật đây do trộm cướp của người mà được. Hoặc biết vật đây là nhân duyên

phát sanh những việc quá hoạn, hoặc giết, hoặc trói, hoặc phạt, hoặc đuổi, hoặc hiềm, hoặc trách. Tất cả việc như vậy, Bồ-tát không nhận đều không phạm.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, khi thấy có người đến cầu pháp, lại ôm tâm hiềm hận, ôm tâm khuể não, sanh lòng tạt đổ thay đổi, không thí pháp cho kia. Đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, là phạm nhiễm ô. Nếu do tâm giải đãi lười biếng, quên mất không nhớ, không thí pháp cho kia, thì gọi là phạm, có lỗi trái vượt, không phải phạm nhiễm ô.

Không phạm: Hoặc các ngoại đạo đến cầu để tìm lỗi thiếu sót. Hoặc có trọng bệnh. Hoặc tâm cuồng loạn. Hoặc muốn phương tiện điều phục kẻ kia khiến ra khỏi bất thiện, an lập nơi thiện. Hoặc đối với pháp đang có, chưa khéo thông lợi. Hoặc lại thấy kia không sanh tâm cung kính, không hổ thẹn, hiện oai nghi ác mà đến nghe thọ. Hoặc lại biết kia tánh độn căn, đối với giáo pháp rộng sâu, pháp rốt ráo sẽ sanh rất kinh sợ, do đây sẽ sanh khởi tà kiến, tăng trưởng tà chấp, bị suy tổn não hoại. Hoặc lại biết được nếu pháp đến tay kẻ kia sẽ

chuyển cho phi nhân. Tất cả việc trên Bồ-tát không thí cho, đều không phạm.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, đối với các hữu tình phạm giới, bạo ác, ôm tâm hiềm hận, ôm tâm khuể não, do kẻ kia phạm giới bạo ác làm duyên, nên Bồ-tát phương tiện xả bỏ, không muốn làm nhiều ích. Đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, là phạm nhiễm ô. Nếu do giải đãi lười biếng mà xả bỏ, do tâm quên mất không nhớ, nên không làm nhiều ích; đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, không phải phạm nhiễm ô. Vì có sao? Vì chư Bồ-tát không được chỉ khởi tâm lân mẫn muốn làm nhiều ích riêng với các hữu tình hành trì tịnh giới, hiện hành nghiệp thân ngữ ý tịch tịnh. Như đối với các hữu tình phạm giới, bạo ác, thì đối với hữu tình hiện đang thọ các nhân khổ cũng vậy.

Không phạm: Hoặc tâm cuồng loạn, hoặc muốn phương tiện điều phục kẻ kia, như trước đã nói rộng. Hoặc tâm hộ trì nhiều hữu tình, hoặc giữ gìn những phép tắc do Tăng chế lập, cho nên Bồ-tát phương tiện xả bỏ không làm nhiều ích, đều không phạm.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-

tát, như Đức Phật trong Tỳ-nại-da Biệt giải thoát vì hộ trì các loại hữu tình, người chưa tịnh tín khiến sanh tịnh tín, người đã tịnh tín khiến tăng trưởng gấp bội, nên kiến lập giá tội, ngăn cấm các Thanh văn khiến không tạo tác. Đối với đây, Bồ-tát nên cùng tu học tất cả như các Thanh văn không sai khác. Vì có sao? Vì các Thanh văn lấy việc tự lợi là hơn, mà còn không xả bỏ việc thủ hộ người: vì khiến các hữu tình chưa tín sanh tín, người đã tín càng tăng trưởng gấp bội, tu học các học xứ. Huống chi Bồ-tát lấy việc lợi người làm trọng.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, như Đức Phật đã thuyết trong Tỳ-nại-da Biệt giải thoát, vì khiến Thanh văn trụ ở nơi ít sự, ít nghiệp, ít mong muốn, nên kiến lập giá tội, ngăn cấm các Thanh văn khiến không tạo tác. Đối với đây, Bồ-tát không nên cùng tu học như các Thanh văn. Vì có sao? Vì các Thanh văn lấy việc tự lợi là hơn, không nghĩ tưởng đến việc lợi người, đối với việc lợi người trụ ít sự, ít nghiệp, ít mong muốn mới gọi là diệu. Như Bồ-tát lấy việc lợi người làm trọng, không nghĩ đến lợi mình, đối với việc lợi

người chẳng phải trụ ít sự, ít nghiệp, ít mong muốn mà được gọi là diệu.

Như vậy Bồ-tát vì lợi người, khi đi đến những nơi không thân quen, xóm làng, trưởng giả, cư sĩ, Bà-la-môn và những thí chủ rộng lòng để khát cầu trăm ngàn chủng chủng y phục, phải quán xét các hữu tình kia có đủ khả năng hay không khả năng, tùy theo đó mà thọ nhận. Như cầu y phục, thì cầu bát cũng vậy. Như cầu y bát, thì cầu chủng chủng loại dây tơ dệt thành y phục cũng vậy. Chỉ vì lợi người thì được tích chứa y phục, các vật nằm ngồi, mỗi thứ đến trăm; những vật sanh sắc có thể nhiễm số đến trăm ngàn muôn muôn ức, lại vượt quá số đây cũng nên giữ gìn tích chứa. Tóm lại, chư Bồ-tát không được cùng chung học với các Thanh văn trụ ở ít sự, ít nghiệp, ít mong muốn. Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, đối với việc lợi người lại ôm lòng hiềm hận, ôm lòng khuể não, trụ ít sự, ít nghiệp, ít mong muốn; đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, là phạm nhiễm ô. Nếu do giải đãi lười biếng, tâm quên mất không nhớ, nên trụ ít sự, ít nghiệp, ít mong muốn; đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, không phải phạm nhiễm ô.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, vì lợi người nên khéo léo sử dụng phương tiện, ít hiện hành các tánh tội. Do nhân duyên đây không phạm giới Bồ-tát, sanh nhiều công đức.

Đó là như Bồ-tát thấy kẻ trộm cướp vì tham tiền của nên muốn giết hại nhiều người, hoặc lại muốn hại Đại đức Thanh văn, Độc Giác, Bồ-tát, hoặc lại muốn tạo nhiều nghiệp vô gián. Thấy việc đây rồi, Bồ-tát khởi tâm suy nghĩ: “Nếu ta đoạn mạng sống của kẻ hung ác kia sẽ đọa nơi địa ngục. Nếu không giết kia, khi nghiệp vô gián thành, kia sẽ thọ khổ lớn. Thà rằng ta giết kia sẽ đọa địa ngục, trọn không khiến kia thọ khổ vô gián”. Bồ-tát đã suy nghĩ như vậy, ý vui thanh tịnh đối với kẻ kia, hoặc sanh tâm lành, hoặc sanh tâm vô ký, đến chỗ của kia sanh sâu thẹn hổ, dùng tâm lân mẫn mà đoạn mạng của kia. Do nhân duyên đây, không phạm giới Bồ-tát, sanh nhiều công đức.

Lại như Bồ-tát thấy có quan chức cấp trên bạo ác, không lòng từ mẫn, chuyên hành bức nã đối với hữu tình. Bồ-tát thấy rồi khởi tâm lân mẫn, phát khởi ý vui làm lợi ích an lạc, nên tùy theo khả năng có được mà phế truất tước vị. Do

nhân duyên đây, không phạm giới Bồ-tát, sanh nhiều công đức.

Lại như Bồ-tát thấy kẻ trộm cướp đoạt tài vật của người, hoặc vật của Tăng-già, hoặc vật của tháp, sau khi lấy nhiều vật rồi, tự chấp là sở hữu của mình nên mặc tình thọ dụng. Bồ-tát thấy vậy khởi lòng lân mẫn, phát sanh ý vui làm lợi ích an lạc đối với hữu tình kia, nên tùy theo khả năng bức ép kia lấy lại tài bảo, tự nghĩ: “Chớ để kia thọ dụng tài bảo như vậy, đê mê dài phải thọ những điều không có nghĩa lợi”. Do nhân duyên đây, đối với tài bảo đã lấy lại, nếu là vật của Tăng-già thì hoàn lại cho Tăng-già, nếu là vật của tháp thì hoàn lại cho tháp, nếu là vật của hữu tình thì hoàn lại cho hữu tình.

Lại thấy chúng sanh coi giữ vườn rừng lấy vật của Tăng-già, lấy vật của tháp, cho là sở hữu của mình, mặc tình thọ dụng. Bồ-tát thấy vậy khởi lòng lân mẫn, suy nghĩ đến kẻ ác kia: “Chớ để kia thọ dụng. Do nhân nghiệp tà thọ dụng đây, đê mê dài sẽ thọ những điều không có nghĩa lợi”. Do vậy, Bồ-tát tùy theo khả năng sức lực mà phế bỏ người kia. Bồ-tát tuy không cho lấy như vậy mà không

phạm, sanh nhiều công đức.

Lại như Bồ-tát ở tại cư gia, có thiếu nữ chưa lập gia đình nhưng tập quen thói dâm dục, tâm muốn gần gũi Bồ-tát, cầu phi phạm hạnh. Bồ-tát thấy như vậy rồi, tác ý tư duy: “Ta chớ khiến tâm giận của kia sanh nhiều điều phi phước. Nếu tùy thuận tâm mong muốn của kia, kia liền được tự tại. Ta phương tiện an lập khiến kia phát sanh căn lành, xả bỏ nghiệp bất thiện”. Bồ-tát trụ tâm từ mẫn mà hành phi phạm hạnh. Bồ-tát tuy hành pháp uesthiệm như vậy mà không phạm, sanh nhiều công đức. Bồ-tát xuất gia, vì hộ trì giới Thanh văn mà bậc Thánh dạy khiến không hoại diệt, thì tất cả không được hành phi phạm hạnh.

Lại như Bồ-tát biết thân mạng khó có được, cũng không nói vọng ngữ, nhưng vì muốn cứu thoát hữu tình khỏi nạn mất mạng, nạn lao tù, nạn chặt chân tay, nạn xẻo mũi xẻo tai, khoét mắt, tuy biết đúng sự việc mà suy nghĩ cân nhắc dùng lời vọng ngữ. Tóm lại, Bồ-tát chỉ xem thấy hữu tình được nghĩa lợi mà làm, không thể không có nghĩa lợi. Tự tâm không nhiễm, giấu những điều đã biết, nói khác đi. Khi nói lời đây không phạm giới Bồ-tát,

sinh nhiều công đức.

Lại như Bồ-tát thấy các hữu tình bị bạn ác nhiếp thọ, gần gũi thương yêu chẳng lìa. Bồ-tát thấy vậy khởi tâm lân mẫn, phát sanh ý vui làm lợi ích an lạc, tùy sức tùy khả năng nói lời ly gián, khiến kia lìa xa bạn ác, xả bỏ sự gần gũi thương yêu. Bồ-tát khởi nghĩ: “Chớ để hữu tình kia gần bạn ác, đem dài sẽ thọ những điều không nghĩa lợi”. Bồ-tát đem lòng nhiều ích như vậy, khéo léo nói lời ly gián để chia cắt kia mà không phạm, sanh nhiều công đức.

Lại như Bồ-tát thấy các hữu tình làm việc không như lý. Bồ-tát dùng lời thô ác quở trách mạnh mẽ, phương tiện khiến kia ra khỏi bất thiện, an lập nơi thiện. Bồ-tát đem tâm nhiều ích như vậy, mở lời thô ác đối với hữu tình kia mà không phạm, sanh nhiều công đức.

Lại như Bồ-tát thấy hữu tình hoặc ham vui ca hát kỹ nhạc, ngâm thơ ca vịnh; hoặc vui chơi, ăn uống, dâm dăng, luận bàn vô nghĩa. Bồ-tát đối với việc như vậy đều rất thiện xảo, đối với các hữu tình kia, khởi tâm lân mẫn, phát sanh ý vui làm lợi ích an lạc, dùng lời ỷ ngữ xứng hợp với các thể

loại đàn ca hát xướng, xứng hợp với ngôn ngữ của bọn giặc cướp, dâm dăng, ăn chơi để dẫn nhiếp hữu tình kia, khiến kia vâng nghe theo mình, được tự tại thoát khỏi các việc trên. Phương tiện giúp đỡ dẫn dắt khiến kia ra khỏi bất thiện, an lập nơi thiện, Bồ-tát hiện dùng ý ngữ như vậy mà không phạm, sanh nhiều công đức.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, sanh khởi dối trá, hiện tướng nói năng hư vọng, phương tiện tìm cầu giả lợi cầu lợi, ham ưa pháp tà mạng, không biết xấu hổ, kiên trì không xả. Đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, là phạm nhiễm ô.

Không phạm: Vì muốn đoạn trừ sự sanh khởi vui muốn như trên, nên phát siêng tinh tấn, nhưng phiền não thiêu đốt mạnh mẽ, thời thời hiện khởi ngăn che nơi tâm.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, bị lao xao quấy động, tâm không tịch tĩnh, không vui tịch tĩnh, lớn tiếng cười đùa huyên não ồn tạp, nóng vội khinh suất, nhẩy nhót, chế giễu người làm vui. Như các duyên đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, là phạm nhiễm ô. Nếu do quên mất

không nhớ nên sanh khởi, thì không phải phạm nhiễm ô.

Không phạm: Vì muốn khiến trừ sự sanh khởi vui muốn, như trước đã nói. Hoặc muốn phương tiện giải trừ khiến dừng sự sanh khởi hiềm hận của người. Hoặc muốn giải trừ sự sanh khởi sầu não của người. Hoặc tánh người thích các việc trên, vì phương tiện nhiếp thọ hộ trì, nên thuận theo người kia mà chuyển. Hoặc hữu tình khác nghi ngờ đối nghịch, trong ôm lòng hiềm hận, có âm mưu ác, ganh ghét chống đối, bên ngoài hiện dáng mặt vui vẻ, tỏ vẻ bên trong thanh tịnh. Tất cả như vậy đều không phạm.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, khởi kiến chấp lập luận thế này: “Bồ-tát đối với Niết-bàn không nên vui thích, chỉ nên sanh khởi chán lìa. Đối với các phiền não và tùy phiền não, không nên khiếp sợ mà cầu đoạn diệt, không nên một hướng sanh tâm chán lìa, bởi chư Bồ-tát trải qua ba vô số kiếp lưu chuyển trong sanh tử cầu Đại Bồ-đề”. Nếu nói lời đây thì gọi là phạm, có lỗi trái vượt, là phạm nhiễm ô. Vì cố sao? Như các Thanh văn gần gũi vui thích đối với Niết-bàn, thâm

tâm chán lìa đối với các phiền não và tùy phiền não, Bồ tát cũng vậy, gần gũi vui thích đối với Niết-bàn, thâm tâm chán lìa đối với phiền não và tùy phiền não. Nhưng Bồ-tát vượt quá Thanh văn kia trăm ngàn muôn muôn ức lần, bởi các Thanh văn chỉ vì tự thân mà siêng tu chánh hạnh để chứng nghĩa tự lợi, Bồ-tát rộng vì tất cả hữu tình mà siêng tu chánh hạnh, chứng nghĩa lợi khắp. Cho nên Bồ-tát phải siêng năng tu tập, tâm không tạp nhiễm. Bồ-tát ở nơi các pháp hữu lậu tùy thuận mà hành, thành tựu thắng vượt so với chư A-la-hán không pháp tạp nhiễm.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, tự mình phát lời không tín trọng như rêu rao việc ác, tán thán việc ác, ca ngợi việc ác, không giữ gìn, không tịnh sạch. Nếu sự việc kia có thật mà không tránh xa phòng hộ, đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, là phạm nhiễm ô. Nếu sự việc kia không thật mà không tịnh sạch, đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, không phải phạm nhiễm ô.

Không phạm: Hoặc ngoại đạo khác, hoặc người ganh ghét tật đố. Hoặc tự xuất gia, dựa vào hạnh hành khát, dựa vào hạnh tu thiện rồi phát lời chê

trách truyền khắp. Hoặc người bị giận hờn ngăn che. Hoặc người tâm điên đảo. Tất cả việc như vậy, Bồ tát dùng lời chê trách rộng khắp đều không phạm.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, thấy các hữu tình giả dối hành chủng chủng gia hạnh khó hành, gia hạnh mạnh mẽ để được lợi dưỡng; ngăn ngừa khiến không hiện hành phiền não ưu sầu. Đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, không phải phạm nhiễm ô.

Không phạm: Tự mình quán xét: “Do nhân duyên đây được chút ít lợi, nhưng sanh nhiều ưu não trong hiện pháp”.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, lúc bị người mắng chửi, liền mắng chửi lại; lúc bị người sân hận, liền sân hận lại; lúc bị người đánh, liền đánh lại; lúc bị người khinh thường, liền khinh thường lại. Đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, là phạm nhiễm ô.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, đối với hữu tình khác bị xâm phạm, nếu mình không làm mà người kia sanh nghi ngờ mình xâm phạm, Bồ-tát do tâm hiềm hận, do tâm chấp giữ

kiêu mạn, không như lý tạ lỗi, không sanh lòng nhẹ nhàng xả bỏ. Đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, là phạm nhiễm ô. Nếu do lười biếng, giải đãi phóng dật nên không tạ lỗi, không nhẹ nhàng xả bỏ, gọi là phạm, có lỗi trái vượt, không phải phạm nhiễm ô.

Không phạm: Hoặc muốn phương tiện điều phục kia, khiến kia ra khỏi bất thiện, an lập nơi thiện. Hoặc các ngoại đạo. Hoặc xem xét người kia không có tội phi pháp hiện hành, mới tạ lỗi. Hoặc biết hữu tình kia tánh ưa đấu tranh, nếu tạ lỗi sẽ sanh nhiều oán ghét giận hờn. Hoặc biết người kia tánh kham nhẫn, tánh không hiềm hận. Hoặc biết nhân việc tạ lỗi, khiến người sanh hổ thẹn. Tất cả việc như vậy, Bồ-tát không tạ lỗi đều không phạm.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, bị người có hành vi xúc phạm rồi như pháp bình đẳng ăn năn tạ lỗi, Bồ-tát lại ôm lòng hiềm hận, muốn tổn não người kia, không nhận sự tạ lỗi của kia. Đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, là phạm nhiễm ô. Tuy Bồ-tát đối với người kia không tâm hiềm hận, không muốn tổn não, nhưng do bầm tánh không thể kham nhẫn, nên không nhận việc tạ lỗi. Đây cũng gọi là phạm, có lỗi trái vượt, không

phải phạm nhiễm ô.

Không phạm: hoặc muốn phương tiện điều phục kia, còn lại nên biết như trước đã nói rộng. Tất cả như vậy, nếu không như pháp, không bình đẳng tạ lỗi, không nhận sự tạ lỗi của kia cũng không phạm.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, mà đối với người luôn ôm tâm oán hận không nguôi, đã sanh thì giữ chặt không xả. Đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, là phạm nhiễm ô.

Không phạm: vì đoạn trừ sự sanh khởi vui muốn như trên, còn lại như trước đã nói rộng.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, tham đắm hầu hạ lực tăng thượng, nên đem tâm ái nhiễm để cai quản lãnh đạo đồ chúng. Đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, là phạm nhiễm ô.

Không phạm: không tham đắm chờ đợi sự hầu hạ, không tâm ái nhiễm để cai quản lãnh đạo đồ chúng.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, lười biếng giải đãi, vui say ngủ nghỉ, vui say nằm ngửa, phi thời, phi lượng. Đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, là phạm nhiễm ô.

Không phạm: Hoặc mắc phải bệnh tật. Hoặc

không có sức khỏe. Hoặc đi đường mỗi nhọc. Hoặc vì đoạn trừ sự sanh khởi vui muốn như trên. Còn lại tất cả nên biết như trước đã nói rộng.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, ôm tâm ái nhiễm, bàn luận thế sự hư huyền uổng phí qua ngày. Đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, là phạm nhiễm ô. Nếu do quên mất không nhớ, uổng phí qua ngày, thì gọi là phạm, có lỗi trái vượt, không phải phạm nhiễm ô.

Không phạm: Khi thấy người bàn luận, ý vì muốn hộ trì người kia, khiến kia an trụ chánh niệm, nên lắng nghe trong chốc lát. Nếu việc kỳ lạ, hoặc tạm hỏi người, hoặc trả lời người hỏi. Tất cả việc như vậy đều không phạm.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, tuy muốn khiến tâm an trụ, muốn khiến tâm định, nhưng lại sanh tâm hiềm hận, chấp giữ kiêu mạn, nên không đến chỗ của thầy để cầu thỉnh dạy trao. Đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, là phạm nhiễm ô. Nếu do lười biếng giải đãi nên không cầu thỉnh dẫn dạy, thì phạm không phải nhiễm ô.

Không phạm: Hoặc mắc phải bệnh tật, hoặc không có sức khỏe. Hoặc biết thầy kia dạy trao

diên đảo. Hoặc mình đã đa văn, tự có trí lực năng khiến tâm an định. Hoặc trước đã được dạy trao những điều cần yếu nên không thưa hỏi. Tất cả như vậy đều không phạm.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, khởi tham dục cái, nhãn thọ không xả. Đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, là phạm nhiễm ô.

Không phạm: Hoặc vui muốn đoạn trừ sự sanh khởi của kia, tuy phát khởi siêng năng tinh tấn, nhưng phiền não thiêu đốt mạnh mẽ thời thời hiện hành chế ngự nơi tâm. Như tham dục cái, thì sân khuể, hôn trầm thù miên, trạo cử ác tác, cùng với nghi cái phải biết cũng vậy.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, tham đắm mùi vị tinh lự, ở nơi mùi vị tinh lự thấy là công đức. Đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, là phạm nhiễm ô.

Không phạm: hoặc vui muốn đoạn trừ sự sanh khởi như trên, còn lại như trước đã nói rộng.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, khởi kiến lập luận thế này: “Bồ-tát không nên lắng nghe, không nên tu học, không nên thọ trì giáo pháp tương ưng Thanh văn thừa. Bồ-tát ứng

dụng gì khi lắng nghe, khi thọ trì, khi tinh siêng tu học giáo pháp tương ứng Thanh văn thừa?”. Đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, là phạm nhiễm ô. Vì có sao? Bồ-tát đối với sách luận của ngoại đạo hãy còn tinh cần nghiên cứu học tập, hà hướng lời Phật dạy.

Không phạm: vì muốn một hướng tu tập ít pháp, nên tạm xả pháp kia mà nói lời như vậy.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát mà chưa nghiên cứu thông tường tạng Bồ-tát, lại từ chối xả bỏ tất cả tạng Bồ-tát, chuyên tâm tu học một hướng tạng Thanh văn thừa. Đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, không phải phạm nhiễm ô. Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, chưa nghiên cứu thông tường lời Phật dạy, lại tinh siêng tu học các luận của đạo khác và các ngoại luận. Đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, là phạm nhiễm ô.

Không phạm: Hoặc rất thông minh nhạy bén, hoặc có khả năng nhanh chóng tiếp thu, hoặc trải qua thời gian lâu mà không quên mất. Hoặc ở nơi nhĩ, có khả năng tư duy, có khả năng thấu đạt. Hoặc đối với lời Phật dạy, quán sát như lý, thành

tự hiểu biết đồng hành không lay động. Hằng ngày thường dùng hai phần để tu học điều Phật dạy và một phần để học bên ngoài. Tất cả việc như vậy đều không phạm.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, tự mình bỏ qua pháp Bồ-tát, mà đối với các luận của đạo khác và các ngoại luận, thâm tâm lại quý trọng, tầm cầu nghiên cứu khéo léo, vui thích chấp đắm, gần gũi tập quen. Đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, là phạm nhiễm ô.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, không sanh tin hiểu đối với những điều thăm sâu, đối với pháp nghĩa chân thật tối thắng thăm sâu, đối với thần lực không thể nghĩ bàn của chư Phật, Bồ-tát lại phát sanh ghét bỏ, chống trái hủy báng, cho là không thể dẫn phát nghĩa, không thể dẫn phát pháp, không phải Như Lai thuyết, không thể lợi ích an lạc hữu tình. Đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, là phạm nhiễm ô. Hủy báng như vậy, hoặc do mình bên trong không như lý tác ý, hoặc thuận theo người mà nói.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, khi được nghe pháp thậm thâm, tối cực thậm

thâm, tâm không tin hiểu. Bấy giờ Bồ-tát phải mạnh mẽ tịnh tín lãnh thọ, không tâm siểm khúc, phải học như vậy: “Ta làm việc chẳng phải thiện, như người mù không có mắt huệ. Ở nơi ngôn ngữ mật ý của Như Lai, ở nơi chánh nhãn chư Như Lai tùy theo mỗi loài mà tuyên thuyết, ta lại sanh phỉ báng”. Bồ-tát tự biết mình vô trí như vậy, chỉ vì ngưỡng mộ chư Như Lai, đối với pháp Phật không pháp nào mà không quán sát rõ biết, theo đó quán xét tất cả. Bồ-tát chánh hành như vậy, tuy không tin hiểu nhưng không sanh phỉ báng, nên không phạm.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, sanh tâm nhiễm ái, sanh tâm sân khúe đối với người, tự khen mình chê người. Đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, là phạm nhiễm ô.

Không phạm: Hoặc vì hàng phục các ngoại đạo ác. Hoặc vì giữ gìn Thánh giáo Như Lai. Hoặc muốn phương tiện điều phục kẻ kia, như trước đã nói rộng. Hoặc muốn khiến người chưa tịnh tín sanh khởi tịnh tín, người đã tịnh tín càng thêm tăng trưởng.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-

tát, biết có chỗ thuyết chánh pháp, luận nghĩa quyết trạch, lại bị kiêu mạn che lấp, ôm tâm hiềm hận, ôm tâm khuể não, nên chẳng đến nghe. Đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, là phạm nhiễm ô. Nếu do lười biếng giải đãi chế phục nên không đến nghe, thì không phải phạm nhiễm ô.

Không phạm: Hoặc không biết, hoặc mắc phải bệnh tật, hoặc không có sức khỏe. Hoặc biết người kia tuyên thuyết điên đảo. Hoặc vì tâm hộ trì người thuyết pháp. Hoặc biết rõ nghĩa mà vị kia tuyên thuyết, tự mình đã nghe nhiều, đã thấu hiểu, đã thọ trì. Hoặc đã nghe nhiều, hành trì đầy đủ. Hoặc không muốn gián đoạn khi tâm đang an trụ một cảnh. Hoặc siêng dẫn phát định thù thắng của Bồ-tát. Hoặc tự rõ biết mình thuộc loại ngu độn bậc thượng, trí tuệ chậm lụt lầm lạc, khó thọ trì pháp được nghe, khó nhiếp tâm định ở nơi sở duyên. Tất cả việc như vậy Bồ-tát không đến nghe đều không phạm.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, cố ý khinh hủy, cười nhạo khinh thường, không sanh tâm cung kính đối với vị thầy thuyết pháp, chỉ nương văn, không nương nghĩa. Đây gọi là phạm,

có lỗi trái vượt, là phạm nhiễm ô.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát mà ôm tâm hiềm hận, ôm tâm khuể não, không làm trợ bạn đối với các hữu tình cần được giúp đỡ. Đó là không làm trợ bạn trên đường đi, hoặc nơi qua chốn lại, hoặc nơi sự nghiệp gia hạnh không diên đảo, hoặc việc bảo quản giữ gìn tài vật, hoặc việc hòa giải chia rẽ, hoặc giúp đỡ lãnh hội, hoặc nơi phước nghiệp. Đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, là phạm nhiễm ô. Nếu bị giải đãi lười biếng chế phục, nên không làm trợ bạn, thì phạm không phải nhiễm ô.

Không phạm: Hoặc mắc phải bệnh tật, hoặc không có sức khỏe. Hoặc rõ biết người kia tự có khả năng làm được công việc. Hoặc biết người cầu tự có nơi nương tựa. Hoặc biết việc làm của người kia dẫn đến những điều phi nghĩa phi pháp. Hoặc muốn phương tiện điều phục kia, như trước đã nói rộng. Hoặc trước đã hứa làm trợ bạn cho người khác. Hoặc chuyển nhờ người có sức hơn trợ giúp. Hoặc đang lúc siêng tu tập thiện pháp không muốn tạm xả. Hoặc tánh ngu độn, nên ở nơi pháp được nghe khó thọ khó trì, như trước đã nói rộng. Hoặc

có ý hộ trì nhiều hữu tình. Hoặc giữ gìn phép tắc do Tăng chế lập. Tất cả việc như vậy Bồ-tát không làm trợ bạn đều không phạm.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, thấy các hữu tình mắc phải trọng bệnh, lại ôm tâm hiềm hận, ôm tâm khêu não, không đến chăm sóc. Đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, là phạm nhiễm ô. Nếu bị lười biếng giải đãi chế phục, không đến chăm sóc, thì phạm không phải nhiễm ô.

Không phạm: Hoặc mình cũng đang mắc bệnh, hoặc không có sức khỏe. Hoặc chuyển nhờ người khác có đủ sức đến chăm sóc. Hoặc biết người bệnh kia đã có nơi nương tựa. Hoặc người bệnh kia tự có sức lực, có khả năng chăm sóc bản thân. Hoặc rõ biết kia mắc bệnh dài lâu, năng tự giữ gìn thân thể. Hoặc vì siêng tu thiện pháp rộng lớn thù thắng không gì hơn. Hoặc muốn hộ trì việc tu tập thiện pháp khiến không gián đoạn. Hoặc tự biết rõ mình thuộc hạng ngu độn bậc thượng, trí tuệ chậm lụt lằm loạn, nên khó thọ khó trì pháp được nghe, khó nhiếp tâm định ở nơi sở duyên. Hoặc trước đã hứa chăm sóc một người khác. Như đối với người bệnh, thì đối với người khổ, vì muốn dứt trừ

khổ của kia, nên làm trợ bạn phải biết cũng vậy.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, thấy các hữu tình vì mong cầu các sự việc ở hiện pháp, hậu pháp, nên rộng hành điều phi lý. Bồ-tát lại ôm tâm hiềm hận, ôm tâm khuể não, không vì kia tuyên nói chánh lý như thật. Đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, là phạm nhiễm ô. Nếu bị giải đãi lười biếng chế phục, nên không vì kia tuyên nói, thì phạm không phải nhiễm ô.

Không phạm: Hoặc tự mình không biết. Hoặc không có sức khỏe. Hoặc chuyển thỉnh người có đủ năng lực để thuyết. Hoặc người kia tự có trí lực. Hoặc kia được bạn lành nhiếp thọ. Hoặc muốn phương tiện điều phục kia, như trước đã nói rộng. Hoặc biết nếu vì kia tuyên nói chánh lý như thật, kia sẽ khởi tâm hiềm hận, hoặc phát lời ác, hoặc lãnh thọ điên đảo, hoặc không kính quý. Hoặc biết kia tánh hư xấu đáng thương. Tất cả việc như vậy, Bồ-tát không vì kia tuyên nói đều không phạm.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, đối với các hữu tình trước đã có ân, mà không biết ân huệ, không nhớ ân huệ, ôm tâm hiềm hận, không muốn hiện tiền trả ân báo đáp. Đây gọi là

phạm, có lỗi trái vượt, là phạm nhiễm ô. Nếu bị lười biếng giải đãi chế phục, hiện không báo đáp, thì phạm không phải nhiễm ô.

Không phạm: Siêng năng làm việc, không có sức khỏe, không có khả năng để báo đáp. Hoặc muốn phương tiện điều phục kia, như trước đã nói rộng. Hoặc muốn báo ân, nhưng người kia không chịu nhận. Tất cả việc như vậy đều không phạm.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, thấy các hữu tình gặp nạn khiến hao tán mất mát tài bảo, quyến thuộc, chức tước, bổng lộc nên sanh nhiều sầu não. Bồ tát lại ôm tâm hiềm hận, không đến động viên khuyên giải. Đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, là phạm nhiễm ô. Nếu bị lười biếng giải đãi chế phục, không đến khuyên giải, thì phạm không phải nhiễm ô.

Không phạm: như phần đối với các sự nghiệp của người không làm trợ bạn đã nói ở trước.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, có các vật thực và các vật dụng nuôi thân, khi thấy người đến cầu xin lại ôm tâm hiềm hận, ôm tâm khêu não, không cung cấp thí cho. Đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, là phạm nhiễm ô. Nếu do

lười biếng giải đãi phóng dật nên không thí cho, thì phạm không phải nhiễm ô.

Không phạm: Hoặc hiện tại không có tài vật dùng để thí. Hoặc kia mong cầu tài vật không như pháp, tài vật không hợp lý. Hoặc muốn phương tiện điều phục kia, như trước đã nói rộng. Hoặc người đến cầu những vật tương xứng với vua, muốn làm đẹp lòng vua. Hoặc giữ gìn phép tắc do Tăng chế lập. Tất cả việc như vậy mà không huệ thí đều không phạm.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, nhiếp thọ đồ chúng mà ôm tâm hiềm hận, không tùy thời dạy trao dạy răn những điều không điên đảo. Biết chúng thiếu thốn mà không đến những nhà tịnh tín, trưởng giả, cư sĩ, Bà-la-môn... như pháp cầu y phục, thức ăn uống, các thứ tọa cụ ngọa cụ, thuốc trị bệnh, tạp vật nuôi thân... tùy thời cung cấp cho họ. Đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, là phạm nhiễm ô. Nếu do lười biếng giải đãi phóng dật, không đến dạy trao, không đến dạy răn, không như pháp cầu các vật, thì phạm không phải nhiễm ô.

Không phạm: Hoặc muốn phương tiện điều.

phục kia, như trước đã nói rộng. Hoặc giữ gìn phép tắc do Tăng chế. Hoặc mắc phải bệnh tật. Hoặc không có sức khỏe, không thể hành trì gia hạnh. Hoặc chuyển nhờ người khác có đủ sức lực hơn. Hoặc biết đồ chúng có phước đức lớn, mỗi người tự có khả năng cầu các thứ y phục và vật dụng để nuôi thân. Hoặc tùy việc cần phải dạy trao dạy răn, đều đã dạy trao dạy răn không điên đảo. Hoặc biết trong chúng có ngoại đạo nghe trộm pháp, kia không thể kham, cũng không thể điều phục. Tất cả việc như vậy đều không phạm.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, đối với hữu tình lại ôm tâm hiềm hận, không tùy thuận mà chuyển tâm người. Đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, là phạm nhiễm ô. Nếu do lười biếng giải đãi phóng dật, không tùy thuận mà chuyển hữu tình, thì phạm không phải nhiễm ô.

Không phạm: Hoặc kẻ kia ưa thích, chẳng phải kia thích hợp trong việc tùy thuận. Hoặc mắc phải bệnh tật. Hoặc không đủ sức khỏe để hành trì gia hạnh. Hoặc giữ gìn phép tắc do Tăng chế. Hoặc kẻ kia ưa thích, tuy kia thích hợp trong việc tùy thuận, nhưng ở trong đại chúng không ưa thích, không

thích hợp. Hoặc vì hàng phục các ngoại đạo. Hoặc muốn phương tiện điều phục kia, như trước đã nói rộng. Tất cả việc như vậy, Bồ-tát không tùy thuận mà chuyển tâm hữu tình đều không phạm.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, ôm tâm hiềm hận, đối với người có thật đức, không muốn hiển dương; đối với người đáng xưng khen, không muốn xưng khen; đối với người diệu thuyết, không tán thán “Lành thay!”. Đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, là phạm nhiễm ô. Nếu do giải đãi lười biếng phóng dật, nên không hiển dương... thì phạm không phải nhiễm ô.

Không phạm: Nếu biết tánh ý người kia ít ưa thích tán thán, vì muốn hộ trì ý kia. Hoặc mắc phải bệnh tật. Hoặc không có sức khỏe. Hoặc muốn phương tiện điều phục kia, như trước đã nói rộng. Hoặc giữ gìn phép tắc do tăng chế. Hoặc biết do duyên hiển dương đây, người kia khởi tạp nhiễm cao ngạo, không có nghĩa lợi, vì muốn ngăn chặn lỗi trái vượt của kia. Hoặc biết công đức của kia chỉ tương tự công đức, mà chẳng phải thật đức. Hoặc biết việc của kia tuy tương tự lành thiện, mà chẳng phải thật lành thiện. Hoặc biết tuyên thuyết của

kia tuy tương tự diệu thuyết, mà chẳng phải thật diệu. Hoặc vì hàng phục các ngoại đạo ác. Hoặc vì đọi ngôn luận của người đến chỗ rốt ráo. Tất cả việc như vậy, Bồ-tát không hiển dương đều không phạm.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, thấy các hữu tình đáng phải quả trách, đáng phải trị phạt, đáng phải đuổi bỏ, lại ôm tâm nhiễm ô mà không quả trách. Hoặc tuy quả trách mà không trị phạt, như pháp dạy răn. Hoặc tuy trị phạt, như pháp dạy răn mà không đuổi bỏ. Đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, là phạm nhiễm ô. Nếu do giải đãi lười biếng phóng dật mà không quả trách cho đến đuổi bỏ, thì phạm không phải nhiễm ô.

Không phạm: Hoặc biết kia không thể sửa trị, không thể dùng lời để nói với kia, kẻ kia sẽ phát lời thô ác, sanh nhiều hiềm hận, cho nên xả bỏ. Hoặc đọi dịp thích hợp. Hoặc thấy nhân đây là dịp khiến đấu tranh kiện tụng. Hoặc thấy nhân đây khiến phá hoại Tăng, gây phá hòa hợp Tăng. Hoặc biết hữu tình kia không ôm tâm siểm khúc. Hoặc biết kia thành tựu tâm quý mạnh mẽ tăng thượng, đã phạm liền nhanh chóng trở lại thanh tịnh. Tất

cả việc như vậy, Bồ-tát không quở trách cho đến đui bỏ, đều không phạm.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, thành tựu đầy đủ chủng chủng thần thông uy lực biến hiện. Đối với hữu tình, kẻ cần điều phục, năng điều phục; kẻ có thể dẫn nhiếp, năng dẫn nhiếp. Bồ-tát vì người tín thí nên né tránh, không hiện thần thông để điều phục, dẫn nhiếp. Đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, chẳng phải phạm nhiễm ô.

Không phạm: Hoặc biết hữu tình kia là ngoại đạo ác, phỉ báng Thánh hiền, sở hữu tà kiến, chấp đấm những điều kỳ lạ. Đối với việc đây, Bồ-tát không hiện thần thông để điều phục dẫn nhiếp, thì không phạm. Lại có những việc không phạm khác: hoặc kia tâm cuồng loạn tăng thượng, hoặc lãnh thọ trọng khổ bức bách, hoặc kia chưa từng thọ luật nghi tịnh giới. Nên biết tất cả việc đây đều không phạm.

Lại nữa, chỗ phát khởi các học xứ của Bồ-tát như vậy, chư Phật tùy chỗ thích hợp đã thuyết rải rác trong Tố-đất-lãm, đó là nương luật nghi giới, nhiếp thiện pháp giới, nhiều ích hữu tình giới. Nay ở trong Ma-đát-lý-ca của tạng Bồ-tát đây, tổng

hợp lại một chỗ mà thuyết. Bồ-tát ở nơi chánh pháp đây phải sanh tâm tôn trọng, an trụ cực cung kính, chuyên cần tu học. Chư Bồ-tát đây từ người đã chánh thọ luật nghi giới, do ý lạc cầu học thiện thanh tịnh, ý lạc Bồ-đề, ý lạc nhiều ích tất cả hữu tình, phải sanh khởi tối cực tôn trọng cung kính. Ngay từ lúc đầu chuyên cần tu học, không nên trái phạm. Giả sử trái phạm, liền nhanh chóng như pháp hối trừ, khiến trở lại thanh tịnh.

Lại chư Bồ-tát phạm tất cả điều nói trên, nên biết đều nhiếp thuộc gây tạo việc ác, phải đi đến những vị có lực năng hiểu biết, năng lãnh thọ pháp Đại thừa, Tiểu thừa, lời nói biểu hiện nghĩa lý, mà phát lồ sám hối dứt trừ. Nếu chư Bồ-tát phạm phẩm triền bậc thượng, như pháp xứ *muốn hơn người* đã nói, mất luật nghi giới, cần phải thọ lại. Nếu trái phạm phẩm triền bậc trung, như pháp xứ *muốn hơn người* đã nói, nên đối trước ba vị, hoặc quá số trên, như pháp phát lồ, đoạn trừ các ác tác. Trước, Bồ-tát nên xưng tên, tường thuật lại những việc đã phạm, nói lời: “Trưởng lão (hoặc Đại đức) chứng minh! Tôi tên... đã phạm Tỳ-nại-da Bồ-tát”, rồi thuật lại những việc phạm ác tác. Ngoài

ra, Bí-sô phát lồ sám hối diệt tội ác tác cũng nói như thế. Nếu chư Bồ-tát phạm phẩm triển bậc hạ, như pháp xứ *muốn hơn người* đã nói và các phạm khác, phải đối trước một vị, như pháp phát lồ sám hối, nên biết như trước. Nếu vị ấy không tùy thuận, Bồ-tát không thể đối trước vị kia phát lồ hối trừ chỗ phạm, bấy giờ Bồ-tát dùng ý lạc thanh tịnh, tự tâm phát khởi thề nguyện: “Ta ở đương lai quyết định tự phòng hộ, trọn không phạm tội trọng”. Như vậy, đối với lỗi đã phạm được ra khỏi, trở lại thanh tịnh.

Lại, chư Bồ-tát muốn thọ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, nếu không gặp bậc có đầy đủ công đức, bấy giờ nên đối trước tượng Như Lai tự thọ luật nghi tịnh giới Bồ-tát. Phải thọ như vậy: trích y vai phải, quỳ gối phải chầm đất, nói lời thế này: “Con tên... ngưỡng cầu tất cả mười phương Như Lai, các chúng Bồ-tát đã nhập đại địa. Con nay muốn đối trước mười phương thế giới chư Phật, chư Bồ-tát thọ tất cả học xứ Bồ-tát, thọ tất cả tịnh giới Bồ-tát, đó là: luật nghi giới, nhiếp thiện pháp giới, nhiều ích hữu tình giới. Học xứ như vậy, tịnh giới như vậy, tất cả Bồ-tát quá khứ đã đầy đủ, tất cả

Bồ-tát vị lai sẽ đầy đủ, tất cả Bồ-tát hiện tại ở khắp mười phương nay đang đầy đủ. Đối với học xứ đây, đối với tịnh giới đây, tất cả Bồ-tát quá khứ đã học, tất cả Bồ-tát vị lai sẽ học, tất cả Bồ-tát hiện tại ở khắp mười phương đang học”. Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy. Nói rồi đứng dậy. Còn lại tất cả nên biết như trước.

Lại ở trong đạo phạm giới của Bồ-tát, Bồ-tát rất ráo không còn phạm tội (tội vô dư). Như Thế Tôn thuyết: “Chư Bồ-tát đây, phần nhiều chỗ khởi phạm ứng với sân, chẳng phải ứng với tham”. Phải biết trong đây là sở thuyết mật ý, đó là chư Bồ-tát vì lực yêu quý các hữu tình, thương xót các hữu tình tăng thượng, phàm có tạo làm tất cả đều là tạo làm của Bồ-tát, không gì chẳng phải. Làm những việc nên làm như vậy, thì không thành phạm. Nếu chư Bồ-tát ganh ghét, ty hiềm đối với các hữu tình, thì không thể tu hành lợi mình, lợi người. Đây là việc không được làm của chư Bồ-tát. Làm điều không được làm như vậy, thì thành phạm.

Lại chư Bồ-tát cần phải rõ biết phạm ở bậc nhẹ, trung bình, nặng sai khác, như trong phần *Nhiếp sự* sẽ nói.

Như vậy, Bồ-tát tự nương tất cả Tỳ-nại-da, tu học các học xứ, thành tựu ba chủng viên mãn, an trụ nơi an lạc: 1. Thành tựu viên mãn gia hạnh; 2. Thành tựu viên mãn ý lạc; 3. Thành tựu viên mãn túc nhân.

Sao gọi là *viên mãn gia hạnh*? Chư Bồ-tát hành trì tịnh giới không khuyết phạm, thân, ngữ, ý hiện hành thanh tịnh, không luôn hủy phạm, tự phát lồ điều ác. Đây gọi là viên mãn gia hạnh.

Sao gọi là *viên mãn ý lạc*? Chư Bồ-tát vì pháp xuất gia, cầu Đại Bồ-đề, chẳng phải không cầu điều đó, không vì tồn tại mạng sống; vì cầu pháp Samôn, vì cầu Niết-bàn, không phải không cầu điều đó. Vì cầu như vậy, nên không trụ giải đãi, tinh tấn yếu ớt, không gây tạo tạp loại các pháp ác bất thiện, hậu hữu tạp nhiễm, bị các khổ dị thực thiêu đốt mạnh mẽ, sở hữu sanh lão bệnh tử ở đời vị lai. Đây gọi là viên mãn ý lạc.

Sao gọi là *viên mãn túc nhân*? Chư Bồ-tát trong các kiếp sống trước đã khéo tu phước, tu thiện, nên trong hiện đời bản thân không bị thiếu thốn chủng chủng y phục, thức ăn uống, tọa ngoại cụ, thuốc trị bệnh, các thứ tạp vật nuôi thân. Lại

năng rộng hành huệ thí cho người. Đây gọi là viên mãn túc nhân.

Như vậy, Bồ-tát nương Tỳ-nại-da siêng năng tu học, thành tựu ba chủng viên mãn, an trụ nơi an lạc. Trái với tướng đây, nên biết thành tựu ba chủng suy tổn, trụ nơi nguy khổ.

Như vậy đã rộng tuyên nói tóm lược tất cả giới của Bồ-tát, hoặc phẩm tại gia, hoặc phẩm xuất gia. Từ đây về sau, ở trong tất cả giới như vậy phân ra các tướng khó hành giới sai biệt cần phải rõ biết.



Quyển 42

Thứ 15. BỒ TÁT ĐỊA

Phân đầu TRÌ DU GIÀ XỨ

Phẩm 10. TRÌ GIỚI - 3

3. Khó hành giới của Bồ-tát: Lược có 3 chủng:

Ngay hiện đời, chư Bồ-tát bản thân tự có đầy đủ tài bảo, dòng tộc cao quý tự tại tăng thượng, lại năng xả bỏ tất cả để thọ trì luật nghi tịnh giới Bồ-tát. Đây gọi là khó hành giới thứ nhất của Bồ-tát.

Chư Bồ-tát đã thọ trì tịnh giới, gặp hiểm nạn bức bách cho đến mất mạng, nơi giới đã thọ vẫn không chút ít khuyết phạm, hà huống phạm tất cả. Đây gọi là khó hành giới thứ hai của Bồ-tát.

Chư Bồ-tát như vậy khắp ở tất cả đi đứng, tác ý, hằng trụ chánh niệm thường không phóng dật. Cho đến lúc mạng chung, ở nơi giới đã thọ cũng không lầm phạm. Đối với tội nhẹ hãy còn không phạm, hà huống tội nặng. Đây gọi là khó hành giới thứ ba của Bồ-tát.

4. Tất cả môn giới của Bồ-tát: Lược có 4 chủng: 1. Chánh thọ giới; 2. Bản tánh giới; 3. Xuyên suốt tu tập giới; 4. Phương tiện tương ứng giới.

Chánh thọ giới: điều đầu tiên mà chư Bồ-tát thọ là ba chủng luật nghi Bồ-tát. Đó là luật nghi giới, nhiếp thiện pháp giới và nhiều ích hữu tình giới.

Bản tánh giới: chư Bồ-tát trụ ở vị chủng tánh, bản tánh hiền nhân, hai nghiệp thân, ngũ tương tục hằng triển chuyển thanh tịnh.

Xuyên suốt tu tập giới: chư Bồ-tát trong những kiếp trước đã từng xuyên suốt tu tập ba chủng tịnh giới. Do lực an trụ giữ gìn của nhân đời trước, nên đời hiện tại không vui hiện hành tất cả pháp ác. Ở trong pháp ác, thâm tâm chán lìa, chỉ vui tu thiện hạnh. Ở trong thiện hạnh, thâm tâm vui thích.

Phương tiện tương ứng giới: chư Bồ-tát nương bốn nhiếp sự, thân ngữ ý nghiệp thiện hằng triển chuyển tương tục đối với các hữu tình.

5. Thiện sĩ giới của Bồ-tát: Lược có 5 chủng:

1. Chư Bồ-tát tự đầy đủ giới; 2. Khuyên người thọ giới; 3. Xưng khen công đức của giới; 4. Thấy bậc đồng pháp, thâm tâm hoan hỷ; 5. Giả sử có hủy phạm, như pháp hồi trừ.

6. Tất cả chủng giới của Bồ-tát: Nên biết giới đây có 6 chủng và 7 chủng, tổng cộng là 13 chủng.

Sáu chủng giới: 1. Giới hồi hướng, vì hồi hướng Đại Bồ-đề; 2. Giới rộng lớn, vì rộng nhiếp tất cả học xứ; 3. Giới xứ hoan hỷ vô tội, vì xa lìa hai biên là dục lạc và tự khổ hạnh; 4. Giới thường hằng, vì tận thọ mạng cũng không xả bỏ sở học giới đã thọ; 5. Giới bền chắc, vì tất cả lợi dưỡng cung kính, các luận khác, các tùy phiền não căn bản, tất cả không thể khuất phục, không thể dẫn đoạt; 6. Giới tương ưng vật trang nghiêm, vì đầy đủ tất cả giới trang nghiêm (Giới trang nghiêm như *Thanh văn địa* đã thuyết).

Bảy chủng giới: 1. Giới ngừng dứt, vì xa lìa tất cả việc giết hại...; 2. Giới chuyển làm, vì nhiếp tất cả thiện, vì nhiều ích hữu tình; 3. Giới phòng hộ, vì hộ trì giới ngừng dứt và giới chuyển làm; 4. Giới

dị thực tướng Đại sĩ; 5. Giới dị thực tăng thượng tâm; 6. Giới dị thực hướng đến khả ái; 7. Giới dị thực lợi ích hữu tình.

7. Thỏa mãn mong cầu giới của Bồ-tát:

Lược có 8 chủng. Đó là chư Bồ-tát tự tư duy chân thật: “Ta mong cầu kia đối với ta chớ đoạn mạng, không cho mà lấy, tà hạnh uế dục, nói lời hư vọng, lời ly gián, lời xấu ác, lời thêu dệt, cũng không cầm các vật nguy hiểm để gia hại ta. Ta mong cầu như vậy rồi, nếu người làm trái lại, khiến ta không thỏa mãn mong cầu, ý ta không vui. Như ta, người kia cũng mong cầu như vậy: ta chớ đối với kia hiện hành đoạn mạng, nói rộng cho đến cầm vật nguy hiểm gia hại người. Kia mong cầu vậy rồi, nếu ta làm trái lại, kia không thỏa mãn mong cầu, ý kia không vui. Vậy thì ta thực hiện việc ấy làm gì?”. Bồ-tát tư duy quán xét sâu xa như vậy, biết nhân duyên thân mạng rất khó được, cũng không đối với người hiện hành tám chủng sự không thỏa mãn mong cầu, không vui ý như vậy. Tám chủng như vậy gọi là tám chủng thỏa mãn mong cầu giới của Bồ-tát.

8. Đời này đời khác vui giới của Bồ-tát:

Lược có 9 chủng. Chư Bồ-tát vì các hữu tình, đối với người nên ngăn chặn, thì chân chánh ngăn chặn; đối với người nên khai dẫn, thì chân chánh thuận khai dẫn; đối với người nên nhiếp thọ, thì chân chánh nhiếp thọ; đối với người nên điều phục, thì chân chánh điều phục. Hai nghiệp thân, ngữ của Bồ-tát thường triển chuyển thành tịnh. Đây là bốn chủng tịnh giới. Lại có tịnh giới đồng hành Bồ-thí, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã Ba-la-mật-đa, tức là năm chủng. Gom chung lại là chín chủng tịnh giới.

Bồ-tát sở hữu tịnh giới như vậy, năng khiến mình, người đều được an lạc ở hiện pháp và hậu pháp. Cho nên gọi là đời này đời khác an vui giới của Bồ-tát.

9. Thanh tịnh giới của Bồ-tát: Lược có 10 chủng: 1. Giới khéo thọ, chỉ vì ba Bồ-đề của Sa-môn, chẳng phải vì mạng sống; 2. Giới không quá chìm, vì lúc phạm, xa lìa yếu hèn, sanh ăn năn hổ thẹn. Giới không quá cao, vì lúc phạm, xa lìa phi xử, sanh ăn năn hổ thẹn; 3. Giới xa lìa giải đãi, vì

không đắm trước ở nơi vui ngủ nghỉ, vui dựa vui nằm, vì đêm ngày siêng tu các thiện pháp; 4. Giới do xa lìa các phóng dật nhiếp thọ, vì tu tập năm điều không phóng dật như trước đã nói; 5. Giới chánh nguyện, vì xa lìa tham lam lợi dưỡng cung kính, vì không nguyện sanh cõi trời mà tự mình vui tu phạm hạnh; 6. Giới do đầy đủ quỹ tắc nhiếp thọ, vì ứng dụng mọi việc đều phù hợp với oai nghi, gia hạnh thiện pháp vi diệu viên mãn, hiện hành thân, ngữ chân chánh như pháp; 7. Giới do đầy đủ tịnh mạng nhiếp thọ, vì xa lìa kiêu mạn, dối trá... tất cả pháp tà mạng lỗi lầm; 8. Giới lìa hai biên, vì xa lìa pháp hai biên là thọ dụng dục lạc và tự khổ hạnh; 9. Giới xuất ly hẳn, vì xa lìa tất cả kiến chấp của ngoại đạo; 10. Giới ở nơi sở học trước đã thọ không làm tổn thất, vì không khuyết giảm, vì không phá hoại ở nơi tịnh giới Bồ-tát đã thọ. Mười chủng như vậy gọi là thanh tịnh giới của Bồ-tát.

Như vậy, Đại tạng Giới của Bồ-tát năng khiến ở đương lai sanh khởi quả Đại Bồ-đề. Tức vì nương đây, Bồ-tát viên mãn Tịnh giới Ba-la-mật-đa, hiện chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Cho đến chưa chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, nương vô lượng

tạng giới Bồ-tát đây chánh siêng tu tập, thường năng thành tựu năm chủng lợi ích thù thắng: 1. Thường được mười phương chư Phật hộ niệm; 2. Lúc sắp xả thân mạng trụ hoan hỷ rộng lớn; 3. Thân đã hoại, về sau sanh ở chốn nào, thường sanh đồng phận trong chúng các Bồ-tát tịnh giới hoặc bằng hoặc hơn, làm bạn đồng pháp, làm thiện tri thức; 4. Thành tựu vô lượng tạng công đức rộng lớn, năng viên mãn Tịnh giới Ba-la-mật-đa; 5. Hiện pháp, hậu pháp thường thành tựu tự tánh tịnh giới, giới thành tánh.

Như vậy đã thuyết tất cả chín chủng giới: tự tánh giới... nên biết nhiếp thuộc ba chủng tịnh giới là luật nghi giới, nhiếp thiện pháp giới và nhiều ích hữu tình giới. Như vậy ba chủng tịnh giới Bồ-tát nói tóm lại là ba việc làm của Bồ-tát: luật nghi giới năng an trụ nơi tâm; nhiếp thiện pháp giới năng tự mình thành thực Phật pháp; nhiều ích hữu tình giới năng thành thực hữu tình.

Như vậy tổng nhiếp hết thấy việc nên làm của Bồ-tát, đó là muốn khiến hiện pháp lạc trú an trụ nơi tâm, thân tâm không mỗi một thành thực Phật pháp, thành thực hữu tình. Tóm lại, tịnh giới

Bồ-tát là vậy, thắng lợi tịnh giới là vậy, sở tác tịnh giới là vậy, ngoài đây ra trọn không có tịnh giới nào vượt quá tịnh giới đã nói trên. Ở trong đây, quá khứ Bồ-tát cầu Đại Bồ-đề đã học như vậy, vị lai Bồ-tát cầu Đại Bồ-đề sẽ học như vậy, hiện tại Bồ-tát khắp mười phương vô lượng vô biên vô tế trong các thế giới cầu Đại Bồ-đề đang học như vậy.

Phần đầu TRÌ DU GIÀ XỨ Phẩm 11. AN NHÃN

Sao gọi là An nhĩn Ba-la-mật-đa của Bồ-tát?
Ốt-Đà-Nam thuyết:

*Tự tánh, tất cả, khó
Tất cả môn, thiện sĩ
Tất cả chủng, toại cầu
Hai đời vui, thanh tịnh
Chín chủng tướng như vậy
Đây lược nói An nhĩn.*

Có chín chủng tướng an nhãn gọi là An nhãn Ba-la-mật-đa của Bồ-tát: **1. Tự tánh nhãn**; **2. Tất cả nhãn**; **3. Khó hành nhãn**; **4. Tất cả môn nhãn**; **5. Thiện sĩ nhãn**; **6. Tất cả chủng nhãn**; **7. Thỏa mãn mong cầu nhãn**; **8. Đời này đời khác an vui nhãn**; **9. Thanh tịnh nhãn**.

1. Tự tánh nhãn của Bồ-tát: Chư Bồ-tát hoặc do lực tư duy phân tích làm chỗ nương tựa, hoặc do tự tánh kham nhẫn tất cả oán hại, nên rộng khắp tất cả đều năng kham nhẫn. Do tâm vô nhiễm thuần từ mãn, nên năng kham nhẫn. Đây lược nói tự tánh nhãn của Bồ-tát.

2. Tất cả nhãn của Bồ-tát: Lược có 2 chủng: 1. Nương nhãn của phẩm tại gia; 2. Nương nhãn của phẩm xuất gia. Hai chủng nhãn đây, mỗi chủng lại có 3 loại: a. Nhẫn chịu người oán hại; b. Nhẫn an thọ các khổ; c. Nhẫn thắng giải tư duy pháp.

a. Sao gọi là nhẫn chịu người oán hại của Bồ-tát? Chư Bồ-tát trường thời sanh khởi chủng chủng mạnh mẽ không gián đoạn, hiện tiền chịu các khổ do người oán hại, phải học như vậy: “Như đây là lỗi

nghiệp của bản thân ta do đời trước gây tạo chủng chủng nghiệp bất tịnh, nên nay thọ chủng chủng quả khổ như vậy. Nay ta nếu không thể nhẫn chịu ở nơi khổ không nghĩa lợi này, thì đây lại là nhân thống khổ ở đời vị lai. Nếu ta ở nơi nhân khổ lớn đây mà tùy thuận chuyển theo, tức tự mình làm điều không đáng yêu thích, tức tự mình sanh kết phước, tức tự mình gây thêm oán hại, chẳng phải do nơi người. Lại sở hữu các hành của thân ta, thân người, tất cả đều dụng tánh khổ làm thể. Vì kẻ kia không biết nên ở nơi thể tánh khổ của thân ta đây, càng gây tạo khiến tăng thêm khổ. Ta đã biết thể, có gì ở nơi thể tánh khổ của thân kia mà gây tạo gia thêm khổ? Lại, các Thanh văn phần nhiều chỉ tu hành nghĩa tự lợi, mà còn chẳng khởi không nhẫn chịu các khổ của mình, của người. Huống chi nay ta đang vì siêng năng tu hành nghĩa lợi người, mà lại chẳng thể nhẫn ư?”. Bồ-tát chánh tư duy phân tích như vậy rồi, siêng tu năm tướng, đối với người oán, người thân, phẩm kém, bằng, hơn; đối với các hữu tình có vui, có khổ, có đức, có lỗi, đều năng an nhẫn tất cả các khổ oán hại.

Sao gọi là năm tướng? 1. Tướng thân đời trước

thân thiện; 2. Tướng tùy thuận chỉ có pháp; 3. Tướng vô thường; 4. Tướng khổ; 5. Tướng nhiếp thọ.

– Sao gọi là Bồ-tát đối với hữu tình có oán hại, tu tập tướng thân đời trước thân thiện? Chư Bồ-tát nên học như vậy: “Chẳng phải dễ có được chút phần hữu tình trải qua nhiều đời vẫn xoay trong các sanh thân khác nhau, mà chưa từng là cha mẹ, anh em, chị em, thân giáo, quý phạm và những bậc đồng hàng đáng tôn trọng”. Chánh tư duy như lý như vậy, nên đối với các hữu tình có oán hại, xả tướng oán ghét, trụ tướng thân thiện. Nương tướng thân thiện đây, đối với các oán hại thấy đều năng kham nhẫn.

– Sao gọi là Bồ-tát đối với hữu tình có oán hại, tu tập tướng tùy thuận chỉ có pháp? Chư Bồ-tát nên học như vậy: “Nương tựa các duyên chỉ là hành, chỉ là pháp. Trong đây đều không có ngã, hữu tình, mạng, sanh; cũng không kẻ mắng, kẻ sân, kẻ đánh, kẻ khinh, kẻ trách; cũng không người bị mắng, người bị sân, người bị đánh, người bị khinh, người bị trách”. Chánh tư duy như lý như vậy, nên đối với hữu tình có oán hại, xả tướng hữu tình, trụ tướng chỉ có pháp. Nương tướng chỉ có

pháp đây, đối với các hữu tình có oán hại thấy đều năng kham nhẫn.

– Sao gọi là Bồ-tát đối với hữu tình có oán hại, tu tướng vô thường? Chư Bồ-tát nên học như vậy: “Các hữu tình hoặc sanh hoặc trưởng, tất cả đều vô thường, đều là pháp chết. Kẻ cực báo oán, đó là kẻ đoạn mạng người, là các hữu tình luôn nghĩ đến đoạn mạng người. Duyên nào khiến bậc trí giả muốn đoạn lại? Như vậy các hữu tình trên là pháp sanh tử tánh vô thường, bậc trí giả còn chẳng nên khởi tâm nhiễm ô, hướng chi lại dùng tay, vật, gậy gia hại, cùng tất cả cách thức để đoạn mạng người”. Chánh tư duy như lý như vậy rồi, xả tướng thường bền chắc, an trụ tướng vô thường không bền chắc. Nương tướng vô thường đây, đối với các hữu tình oán hại thấy đều năng kham nhẫn.

– Sao gọi là Bồ-tát đối với hữu tình có oán hại, tu tập tướng khổ? Chư Bồ-tát nên quán như vậy: “Các hữu tình rất hưng thịnh còn luôn bị ba thứ khổ vây quanh theo đuổi, đó là khổ khổ, hành khổ và hoại khổ. Hướng là các hữu tình đang ở chỗ suy tổn”. Như lý quán rồi, nên học như vậy: “Ta nay đối với các hữu tình thường bị các khổ vây

quanh như thế, nên siêng phương tiện khiến họ lìa khổ, không nên khiến họ tăng thêm khổ”. Chánh tư duy như lý như vậy rồi, nên đoạn diệt tướng vui, sanh khởi tướng khổ. Nương tướng khổ đây, đối với các hữu tình oán hại thấy đều năng kham nhẫn.

– Sao gọi là Bồ-tát đối với hữu tình có oán hại, tu tướng nhiếp thọ? Chư Bồ-tát nên học như vậy: “Ta vì tất cả hữu tình phát tâm Bồ-đề, nhiếp thọ tất cả hữu tình làm quyến thuộc, ta nên vì họ mà làm các việc có nghĩa lợi. Ta nay không được đối với hữu tình muốn làm nghĩa lợi cho họ, mà lại không nhẫn được oán hại của họ, ngược lại gây tạo việc không nghĩa lợi đối với kia”. Chánh tư duy như lý như vậy rồi, nên đối với các hữu tình có oán hại diệt trừ tướng kia, trụ tướng nhiếp thọ. Nương tướng nhiếp thọ đây, đối với các oán hại thấy đều năng kham nhẫn.

Sao gọi là nhẫn? Tự mình không dùng dùng nổi giận, không báo oán lại người, cũng không có tùy miên trôi chảy tương tục, cho nên gọi là nhẫn.

Như vậy gọi là Bồ-tát nhẫn chịu đối với các hữu tình có oán hại.

b. Sao gọi là nhân an thọ các khổ của Bồ-tát?
Chư Bồ-tát nên học như vậy: “Từ xưa đến nay ta nương dục hành chuyển, thường cầu các dục, ý theo đó suy xét chọn lựa. Đó là nhân các khổ, truy cầu chủng chủng tánh khổ của các dục. Trong lúc truy cầu, như là theo đuổi chủng chủng công việc làm nông, vua quan... ta nhân thọ vô lượng khổ mạnh mẽ. Việc truy cầu các khổ vô nghĩa như vậy khiến ta chịu đủ chủng chủng khổ lớn, tất cả như thế đều do lỗi lầm của không trí suy xét gây ra. Ta nay vì cầu an lạc, năng dẫn phẩm thiện thù thắng hơn cả, vẫn phải nên tư trạch nhân thọ trăm ngàn muôn muôn ức khổ lớn, hưởng chi chút khổ nhỏ mà không nhân thọ được sao!”. Chánh tư duy như lý như vậy rồi, vì cầu Đại Bồ-đề nên đều năng nhân thọ tất cả việc khổ.

Sao gọi là tất cả việc khổ? Lược có tám chủng:
1. Khổ ở nơi nương tựa; 2. Khổ ở nơi pháp thế gian;
3. Khổ ở nơi oai nghi; 4. Khổ ở nơi nhiếp pháp; 5.
Khổ ở nơi hành khát; 6. Khổ ở nơi lao nhọc vất vả;
7. Khổ ở nơi lợi tha; 8. Khổ ở nơi việc làm.

Khổ ở nơi nương tựa tức là nương bốn thứ: y phục, thức uống ăn, ngọa cụ, thuốc trị bệnh và các

tạp vật nuôi thân. Do nương đây, xuất gia thọ giới Cụ túc trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da, thành bốn phận Bí-sô. Bồ-tát đối với đây, nếu được đẹp xấu, ít ỏi, chậm trễ, khinh miệt bất kính mà không sanh ưu buồn, chẳng do duyên đây mà giải đãi phế bỏ tinh tấn. Như vậy gọi là nhẫn an thọ khổ ở nơi nương tựa của Bồ-tát.

Khổ ở nơi pháp thế gian lược có chín chủng: 1. Suy; 2. Hủy; 3. Chê; 4. Khổ; 5. Hoại, pháp hoại; 6. Tận, pháp tận; 7. Lão, pháp lão; 8. Bệnh, pháp bệnh; 9. Chết, pháp chết. Pháp thế gian như vậy hoặc chung hoặc riêng, hiện tiền gặp gỡ nhóm họp năng sanh các thứ khổ. Đây gọi là khổ ở nơi pháp thế gian. Bồ-tát xúc chạm các khổ như vậy, trừch nhẫn thọ, chẳng do duyên đây mà giải đãi phế bỏ tinh tấn. Như vậy gọi là nhẫn an thọ khổ ở nơi pháp thế gian của Bồ-tát.

Khổ ở nơi oai nghi tức là bốn oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi. Đêm ngày hằng thời, Bồ-tát trong ấy hoặc đi hoặc ngồi, từ pháp thuận chướng trong lòng tịnh tu, trọn không phi thời mê đắm nằm trên giường, trên cỏ lá. Bồ-tát ở nơi bệnh tật phát sanh khổ thấy đều nhẫn thọ, không do duyên đây

mà sanh giải đãi phế bỏ tinh tấn. Như vậy gọi là nhân an thọ khổ ở nơi oai nghi của Bồ-tát.

Khổ ở nơi nhiếp pháp lược có bảy chủng: 1. Thừa sự cúng dường Tam Bảo; 2. Hầu hạ phụng sự bậc tôn trưởng; 3. Thừa hỏi thọ học chánh pháp; 4. Đã thừa hỏi thọ học rồi, phải rộng vì người thuyết; 5. Dùng âm thanh lớn đọc tụng; 6. Một mình riêng ở chốn không nhân, quán sát xưng lượng, tư duy không điên đảo; 7. Tu tập Du-già, tác ý nhiếp lấy hoặc Chỉ, hoặc Quán. Bồ-tát dùng mãnh lao nhọc thực hành nơi bảy chủng nhiếp pháp như vậy, nên các khổ phát sanh thấy đều nhân thọ, không do duyên đây mà sanh giải đãi phế bỏ tinh tấn. Như vậy gọi là nhân an thọ khổ ở nơi nhiếp pháp của Bồ-tát.

Khổ ở nơi hành khất lược có bảy chủng: 1. Tự phát thệ thay đổi hình hài, cạo bỏ râu tóc, xả bỏ các tướng tốt thế tục; 2. Tự thệ từ bỏ hình sắc, vì thọ trì y hoại sắc; 3. Đi đứng, nói làm đều không mặc tình phóng túng. Tất cả đi đứng, du hành trong thế gian tự nhiếp thận trọng; 4. Nương người để tồn tại mạng sống, xả bỏ sự nghiệp thế gian, vì dùng những vật có được từ người để tồn tại; 5.

Trọn đời từ người khát cầu các thứ vật dụng để nuôi thân, không thọ dùng tài bảo thu được phi pháp, các vật tích trữ lâu; 6. Trọn đời ngăn dứt các dục thế gian, vì xa lìa pháp dâm dục phi phạm hạnh; 7. Trọn đời ngăn dứt xa lìa vui chơi, xem nghe ca nhạc, nhảy múa, diễn tuồng của thế gian, cùng xa lìa bạn hữu đồng tuổi vui chơi nhảy nhót. Hết thấy việc như vậy, chỗ có khó khăn vất vả do hạnh khát cầu phát sanh các thứ khổ, Bồ-tát đều năng nhẫn thọ tất cả, không do duyên đây mà giải đãi phế bỏ tinh tấn. Như vậy gọi là nhẫn an thọ khổ ở nơi hành khát của Bồ-tát.

Khổ ở nơi lao nhọc vất vả: chư Bồ-tát siêng tu thiện pháp là nhân duyên khiến phát sanh chủng chủng mệt mỏi, buồn bã quấy nhiễu. Bồ-tát đều năng nhẫn thọ tất cả, không do duyên đây mà sanh giải đãi phế bỏ tinh tấn. Như vậy gọi là nhẫn an thọ khổ lao nhọc vất vả của Bồ-tát.

Khổ ở nơi việc lợi tha: chư Bồ-tát tu tập 11 loại nghiệp lợi ích hữu tình nên biết như trước, do đây phát sanh chủng chủng ưu khổ. Bồ-tát đều năng nhẫn thọ tất cả, không do duyên đây mà giải đãi phế bỏ tinh tấn. Như vậy gọi là nhẫn thọ khổ

ở nơi việc lợi tha của Bồ-tát.

Khổ ở nơi việc làm: chư Bồ-tát nếu là người xuất gia thì có các nghiệp y, bát...; nếu là người tại gia thì có sự nghiệp buôn bán, làm nông, vua quan... không điên đảo, do đây phát sanh chủng chủng khổ cực. Bồ-tát đều năng nhẫn thọ tất cả, không do duyên đây mà sanh giải đãi phế bỏ tinh tấn. Như vậy gọi là nhẫn an thọ khổ ở nơi việc làm của Bồ-tát.

Lại chư Bồ-tát tuy xúc chạm các thứ khổ, mà đối với Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề chưa chánh siêng tu tập, thì chánh siêng tu tập; đã chánh siêng tu tập, năng không thối chuyển; thường siêng tu tập, ý không đổi dời, tâm không tạp nhiễm. Đây gọi là an nhẫn lãnh thọ các thứ khổ của Bồ-tát.

c. Sao gọi là nhẫn thắng giải tư duy pháp của Bồ-tát? Chư Bồ-tát năng chánh tư duy phân tích tất cả pháp. Do khéo quán sát nên được tuệ hiểu biết thù thắng, năng ở nơi tám chủng xứ sanh khởi thắng giải, khéo an trụ thắng giải.

Sao gọi là tám chủng xứ sanh khởi thắng giải?

1. Xứ công đức Tam Bảo; 2. Xứ chân thật nghĩa; 3. Xứ đại thần lực của chư Phật, Bồ-tát; 4. Xứ nhân;

5. Xứ quả; 6. Xứ nghĩa nên đắc; 7. Xứ tự mình ở nơi nghĩa kia được phương tiện; 8. Xứ nên hành của tất cả sở tri.

Lại thắng giải đây do hai nhân duyên, ở nơi các xứ kia năng khéo an lập: 1. Vì trường thời xuyên suốt tu tập; 2. Vì chứng trí thiện tịnh. Đây gọi là nhân thắng giải tư duy pháp của Bồ-tát.

Như vậy, vì tất cả nhân của hai phẩm xuất gia Bồ-tát và tại gia Bồ-tát đây, nên biết hiển thị rộng các tướng khó hành nhân sai biệt của Bồ-tát.

3. Khó hành nhân của Bồ-tát: Lược có 3 chủng:

Đối với các hữu tình yếu kém, làm những việc không nhiều ích, Bồ-tát năng nhẫn thọ. Đây gọi là khó hành nhân thứ nhất.

Hoặc chư Bồ-tát ở địa vị tôn quý, đối với các hữu tình thấp hơn mình làm những việc không nhiều ích, vẫn kham năng nhẫn thọ. Đây gọi là khó hành nhân thứ hai.

Hoặc chư Bồ-tát đối với hữu tình chủng tánh ti tiện, làm những việc không nhiều ích tăng thượng, mà vẫn kham năng nhẫn thọ. Đây gọi là

khó hành nhẫn thứ ba.

4. Tất cả môn nhẫn của Bồ-tát: Lược có 4 chủng. Đó là chư Bồ-tát đối với người thân làm việc không nhiều ích; đối với người oán làm việc không nhiều ích; đối với người không oán không thân làm việc không nhiều ích, thấy đều năng kham nhẫn. Đối với ba hạng người kia, phẩm hạ liệt, trung bình, thù thắng, gây tạo những hành động không nhiều ích bậc thượng, đều năng kham nhẫn.

5. Thiện sĩ nhẫn của Bồ-tát: Lược có 5 chủng. Đó là chư Bồ-tát trước ở nơi nhẫn đây quán thấy những lợi ích thù thắng: “Nếu bồ-đặc-già-la nào năng kham nhẫn, ở đời vị lai không nhiều oán địch, không nhiều những sự chống trái chia rẽ, được nhiều hỷ lạc, lúc lâm chung không hối hận, sau khi thân hoại sẽ sanh trong đường thiện của cõi trời”. Vì thấy được lợi ích thù thắng đây, nên tự mình năng kham nhẫn, lại khuyến khích người hành trì nhẫn, khen ngợi công đức của nhẫn. Thấy chúng sanh năng hành nhẫn, Bồ-tát ý vui mừng an ủi khích lệ.

6. Tất cả chủng nhân của Bồ-tát: Nhân đây có 6 chủng và 7 chủng, tổng cộng là 13 chủng.

Sáu chủng nhân: 1. Chư Bồ-tát rõ biết nếu không nhân sẽ cảm quả dị thực không đáng yêu thích, vì tránh điều đó nên siêng năng tu hành nhân; 2. Đối với các hữu tình có tâm thương xót, có tâm bi mẫn, có tâm thân yêu, vì muốn thân thiện nên siêng tu hạnh nhân; 3. Đối với Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, vì vui muốn mạnh mẽ, vì viên mãn An nhân Ba-la-mật-đa, do nhân duyên đây nên siêng tu hạnh nhân. Như đức Thế Tôn dạy: “Phàm người xuất gia phải đủ lực an nhân”. Do nhân duyên đây, không nên đã xuất gia thọ Cụ túc giới mà không hành trì an nhân; 4. Do đã lãnh thọ pháp, nên siêng tu hạnh nhân; 5. Chủng tánh đầy đủ, trước kia đã từng xuyên suốt tu tập hạnh nhân. Nay ở hiện tại an trụ tự tánh nhân, nên năng tu hạnh nhân; 6. Biết rõ tất cả pháp xa lìa hữu tình, duy thấy tất cả pháp tánh không hý luận. Vì quán sát pháp sâu chắc, nên năng tu hạnh nhân.

Bảy chủng nhân: 1. Đối với tất cả việc làm không nhiều ích đều nhân, thực hành theo tất cả nhân; 2. Nhân tất cả chỗ, đó là những nơi ẩn

khuất hay trước đại chúng, đều năng tu nhẫn; 3. Nhẫn tất cả thời, đó là hoặc phần đầu ngày, hoặc phần giữa ngày, hoặc phần cuối ngày; hoặc đêm hoặc ngày, hoặc quá khứ, hiện tại, vị lai, đều năng tu an nhẫn; 4. Hoặc bệnh, không bệnh, hoặc ngủ, hoặc thức, đều năng tu an nhẫn; 5. Do thân hành nhẫn, nên không đánh đấm; 6. Do ngữ hành nhẫn, nên không nói những lời không khả ái; 7. Do ý hành nhẫn nên không phát giận dữ, không gìn giữ ý vui xấu ác.

7. Thỏa mãn mong cầu nhẫn của Bồ-tát:

Lược có 8 chủng: 1. Đối với người có khổ đến cầu xin, yêu sách, làm điều tệ ác bức bách, Bồ-tát năng an nhẫn; 2. Đối với các hữu tình ác nghiệp rất hung bạo bậc thượng, Bồ-tát nương pháp đại bi, an nhẫn không làm tổn não; 3. Đối với người xuất gia phạm giới, Bồ-tát nương pháp đại bi, an nhẫn không làm tổn não.

Lại có 5 chủng nhẫn chịu khổ nhọc: 1. Chỗ có khổ nhọc phát khởi do năng kham chịu khiến trừ các khổ của hữu tình; 2. Chỗ có khổ nhọc phát khởi do năng kham chịu để cầu pháp; 3. Chỗ có

khổ nhọc phát khởi do năng kham chịu tùy pháp hành pháp; 4. Chỗ có khổ nhọc phát khởi do năng kham chịu đem pháp ấy vì người rộng thuyết; 5. Chỗ có khổ nhọc phát khởi do năng kham chịu làm trợ bạn đối với các sự nghiệp công việc của hữu tình.

Tám chủng như vậy gọi là thỏa mãn mong cầu nhân, đối với hữu tình gây tổn não, do nhân nên lia; đối với hữu tình có sự mong cầu, do nhân nên cho. Đây gọi là thỏa mãn mong cầu nhân.

8. Đời này đời khác vui nhân của Bồ-tát:

Lược có 9 chủng: 1. Chư Bồ-tát an trụ không phóng dật; 2. Đối với các thiện pháp thấy đều năng kham nhẫn; 3. Đối với nóng lạnh thấy đều năng kham nhẫn; 4. Đối với đói khát thấy đều năng kham nhẫn; 5. Đối với muỗi mòng cắn đốt thấy đều năng kham nhẫn; 6. Đối với nắng gió thấy đều năng kham nhẫn; 7. Đối với bò cạp, rắn độc cắn đốt... thấy đều năng kham nhẫn; 8. Đối với các việc làm nặng nhọc khiến thân tâm mỗi mệt bức não thấy đều năng kham nhẫn; 9. Đối với các hữu tình đọa trong các khổ sanh, lão, bệnh, tử... của sanh tử,

hiện tiền ai mãi xót thương mà tu hạnh nhẫn.

Bồ-tát năng tu hạnh nhẫn như vậy, năng khiến thân mình ở trong hiện đời an trụ an lạc, không bị tất cả pháp ác bất thiện xâm hại tạp loạn, năng dẫn nhân duyên an lạc ở đời sau, cũng năng khiến người tu hành chủng chủng chánh hạnh an lạc hiện pháp hậu pháp. Đây gọi là đời này đời khác vui nhẫn của Bồ-tát.

9. Thanh tịnh nhẫn của Bồ-tát: Lược có 10 chủng. Chư Bồ-tát khi gặp người làm việc không lợi ích: 1. Không gây tổn não trái nghịch; 2. Không phản trả; 3. Không ý giận dữ; 4. Không oán hiềm; 5. Thường hiện tiền ý vui tương tục muốn làm lợi ích an lạc cho kia, trước sau không thay đổi, không chỉ làm một việc lợi ích rồi xả không làm nhiều ích nữa; 6. Đối với người có oán tự đến ăn năn tạ lỗi, không khiến người sanh buồn não mệt mỏi rồi về sau mới nhận tạ lỗi; 7. Ngại kia mỗi mệt chán ngán, nên vừa tạ lỗi liền nhận; 8. Đối với việc không thể nhẫn, tự sanh tâm quý mãnh liệt tăng thượng, nương nơi kham nhẫn; 9. Đối với Đại sư, thành tựu quý kính mãnh liệt tăng thượng; 10. Vì

nương không tổn não các hữu tình, nên thành tự ai mãi yêu quý mãnh liệt của các hữu tình. Vì tất cả pháp không nhẫn, kể cả pháp trợ bạn đều được đoạn trừ, nên ly dục Dục giới.

Do mười tướng đây, nên biết được sự tu hành nhẫn của Bồ-tát thanh tịnh vô cấu. Nên biết trong đây, từ tự tánh nhẫn ban đầu cho đến thanh tịnh nhẫn cuối cùng, năng sanh quả Đại Bồ-đề rộng lớn vô lượng. Chư Bồ-tát lấy nhẫn đây làm chỗ nương, năng viên mãn An nhẫn Ba-la-mật-đa, năng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Phân đầu TRÌ DU GIÀ XỨ Phẩm 12. TINH TẤN

Sao gọi là Tinh tấn Ba-la-mật-đa của Bồ-tát?
Ốt-Đà-Nam thuyết:

*Tự tánh, tất cả, khó
Tất cả môn, thiện sĩ
Tất cả chủng, toại cầu*

*Hai đời vui, thanh tịnh
Chín chủng tướng như vậy
Đây lược nói Tinh tấn.*

Có chín chủng tướng tinh tấn gọi là Tinh tấn Ba-la-mật-đa của Bồ-tát: **1.** Tự tánh tinh tấn; **2.** Tất cả tinh tấn; **3.** Khó hành tinh tấn; **4.** Tất cả môn tinh tấn; **5.** Thiện sĩ tinh tấn; **6.** Tất cả chủng tinh tấn; **7.** Thỏa mãn mong cầu tinh tấn; **8.** Đời này đời khác vui tinh tấn; **9.** Thanh tịnh tinh tấn.

1. Tự tánh tinh tấn của Bồ-tát: Chư Bồ-tát nơi tâm dũng mãnh, kham năng nhiếp thọ vô lượng thiện pháp, làm lợi ích an lạc tất cả hữu tình, mạnh mẽ không gián đoạn, không điên đảo đồng hành với chỗ khởi dụng của thân, ngữ, ý. Đây gọi là tự tánh tinh tấn của sở hành Bồ-tát.

2. Tất cả tinh tấn của Bồ-tát: Lược có 2 chủng: 1. Nương tinh tấn của phẩm tại gia; 2. Nương tinh tấn của phẩm xuất gia. Nên biết hai chủng tinh tấn đây, mỗi chủng lại có ba loại: **a.** Mặc giáp tinh tấn; **b.** Tinh tấn nhiếp thiện pháp; **c.** Tinh tấn nhiều ích hữu tình.

a. Sao gọi là mặc giáp tinh tấn của Bồ-tát? Chư Bồ-tát đã phát gia hạnh tinh tấn làm đầu, tâm dũng mãnh, trước mặc giáp thế nguyện: “Nếu ta vì giải thoát khổ cho một hữu tình, dầu dùng ngàn đại kiếp bằng một ngày đêm ở địa ngục, chẳng phải ở cõi nào khác, cho đến trải qua thời gian như vậy để chúng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, giả sử có vượt qua trăm ngàn bội số muôn muôn ức thời lượng kiếp số đây đi nữa mới chúng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, nhưng sự dũng mãnh của ta cũng không thối khuất. Ta đối với việc cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề không phải chẳng tiến đến. Đã tiến đến rồi, siêng năng dũng mãnh không lười biếng giải đãi. Hướng chi trải qua thời gian khổ ngắn”. Đây gọi là mặc giáp tinh tấn của Bồ-tát.

Nếu có Bồ-tát ở nơi tương mặc giáp tinh tấn của Bồ-tát như vậy mà ít khởi thắng giải, ít sanh tịnh tín, hãy còn trưởng dưỡng tánh Đại Bồ-đề vô lượng dũng mãnh phát siêng tinh tấn. Hướng chi Bồ-tát thành tựu mặc giáp tinh tấn như vậy.

Bồ-tát như vậy vì cầu Đại Bồ-đề nhiều ích hữu tình, không có chút việc khó hành nào mà sanh

tâm khó và phát khởi sợ hãi khiếp nhược.

b. Sao gọi là tinh tấn nhiếp thiện pháp của Bồ-tát? Chư Bồ-tát sở hữu tinh tấn năng là gia hạnh của Bồ thí, Trì giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Trí tuệ Ba-la-mật-đa, cùng năng thành tựu tất cả gia hạnh này.

Nên biết đây lược có 7 chủng: 1. Tinh tấn không lay động, vì phân biệt tất cả, phân biệt chủng chủng căn bản phiền não, chút phần phiền não, tất cả luận khác, tất cả khổ xúc chạm... đều không thể lay động; 2. Tinh tấn kiên cố, vì gia hạnh ân trọng; 3. Tinh tấn vô lượng, vì năng hiện chứng đắc tất cả minh xứ; 4. Tinh tấn phương tiện tương ưng, vì đắc nghĩa đạo không điên đảo, vì tùy thuận mà hành, bình đẳng thông đạt; 5. Tinh tấn không điên đảo, vì chứng đắc “Dục” năng dẫn nghĩa lợi, xứng hợp sở dẫn nghĩa nguyện; 6. Tinh tấn hằng thời, vì gia hạnh không gián đoạn; 7. Tinh tấn xa lìa kiêu mạn, vì siêng năng tinh tấn, xa lìa cao cử.

Bảy chủng tinh tấn nhiếp thiện pháp đây nếu siêng năng gia hạnh khiến chư Bồ-tát nhanh chóng viên mãn Ba-la-mật-đa, mau chứng Vô thượng Chánh

đăng Bồ-đề. Do tinh tấn đây dụng tất cả thiện pháp làm nhân duyên tối thắng năng tu chứng, năng thành tựu Bồ-đề, ngoài đây ra thì không thể thành tựu. Cho nên Như Lai dùng chùng chùng môn xưng khen tinh tấn năng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

c. *Sao gọi là tinh tấn nhiều ích hữu tình của Bồ-tát?* Lược có 11 chùng, như trong phẩm Trì giới đã nói ở trước. Kia nói về giới, đây nói về tinh tấn, nên biết gọi là sự khác nhau của trì giới và tinh tấn.

3. Khó hành tinh tấn của Bồ-tát: Lược có 3 chùng:

Nếu chư Bồ-tát không gián đoạn xa lìa các tướng y phục, tướng ăn uống, tướng ngọa cụ và tướng thân mình; không gián đoạn tu tập các thiện pháp, chưa từng giải đãi phế bỏ. Đây gọi là khó hành tinh tấn thứ nhất.

Nếu chư Bồ-tát tinh tấn như vậy, ở mọi thời từng không giải đãi phế bỏ tất cả chúng đồng phạm. Đây gọi là khó hành tinh tấn thứ hai.

Nếu chư Bồ-tát thông đạt công đức bình đẳng

không chậm chạp, không gấp rút, không điên đảo, năng dẫn nghĩa lợi thành tựu tinh tấn. Đây gọi là khó hành tinh tấn thứ ba.

Như vậy, lực khó hành tinh tấn của Bồ-tát nên biết tức do duyên bi mãn hữu tình cùng với nhân của Bát-nhã năng nhiếp.

4. Tất cả môn tinh tấn của Bồ-tát: Lược có 4 chủng:

Tinh tấn xa lìa pháp nhiễm: chư Bồ-tát sở hữu tinh tấn năng khiến tất cả kiết phược, tùy miên, tùy phiền não triền chưa sanh chẳng sanh, đã sanh được đoạn diệt.

Tinh tấn dẫn phát pháp bạch: chư Bồ-tát sở hữu tinh tấn khiến tất cả thiện pháp chưa sanh được sanh, đã sanh được trụ, được không quên mất, được tăng trưởng rộng lớn.

Tinh tấn tịnh trừ nghiệp: chư Bồ-tát sở hữu tinh tấn năng khiến ba nghiệp đều thanh tịnh, năng điều phục thân, ngữ, ý nghiệp trở nên diệu khéo.

Tinh tấn tăng trưởng trí: chư Bồ-tát sở hữu tinh tấn năng tích tập, năng tăng trưởng tuệ văn, tư, tu.

5. Thiện sĩ tinh tấn của Bồ-tát: Lược có 5 chủng: 1. Tinh tấn không xả bỏ, vì chư Bồ-tát sở hữu tinh tấn không xả bỏ tất cả dục gia hạnh; 2. Tinh tấn không thối giảm, vì chư Bồ-tát sở hữu tinh tấn như điều trước đã thâm nhận lãnh thọ hoặc bằng hoặc hơn, phát siêng tinh tấn theo đó trưởng dưỡng; 3. Tinh tấn không hạ liệt, vì chư Bồ-tát sở hữu tinh tấn dưng mãnh mẽ trường thời không gián đoạn, tinh cần nỗ lực, tâm không khiếp nhược, không thối lui khuất phục; 4. Tinh tấn không điên đảo, vì chư Bồ-tát sở hữu tinh tấn năng dẫn nghĩa lợi, được sự nhiếp giữ của phương tiện thiện xảo; 5. Tinh tấn tinh cần dưng mãnh gia hạnh, vì chư Bồ-tát sở hữu tinh tấn nhanh chóng tiến đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

6. Tất cả chủng tinh tấn của Bồ-tát: Nên biết tinh tấn đây có 6 chủng và 7 chủng, tổng cộng là 13 chủng tinh tấn.

Sáu chủng tinh tấn: 1. Tinh tấn không gián đoạn, vì tất cả thời đều tu gia hạnh; 2. Tinh tấn ân trọng, vì năng tu gia hạnh đầy đủ trọn vẹn; 3. Tinh tấn đẳng lưu, vì lực giữ gìn của nhân đời trước; 4.

Tinh tấn gia hạnh, vì luôn luôn tư trạch chủng chủng phẩm thiện, chân chánh gia hạnh; 5. Tinh tấn không xao động, vì tất cả khổ xúc chạm đều chẳng thể lay động, cũng chẳng khiến thay đổi thành tánh khác; 6. Tinh tấn không vui đủ, vì không vui đủ ở trong chút phần chứng đắc hạ liệt. Bồ-tát vì phát khởi siêng năng tinh tấn nên thành tựu sáu chủng của tất cả chủng tinh tấn như vậy. Do đó nói rằng: “Có thể lực, có siêng năng, có dũng mãnh kiên cố, ở nơi tất cả thiện pháp không xả ách vậy”.

Bảy chủng tinh tấn: 1. Tinh tấn đồng hành với dục khác, vì chư Bồ-tát sở hữu tinh tấn luôn mãnh liệt mong muốn đối với Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, theo nguyện đây trưởng dưỡng; 2. Tinh tấn tương ứng bình đẳng, vì chư Bồ-tát sở hữu tinh tấn năng khiến tâm không bị trói buộc, tâm không bị nhiễm ô bởi một trong số phiền não căn bản hay tùy phiền não hiện hành. Do tinh tấn đây, năng khiến Bồ-tát bình đẳng an trụ tu tập tất cả thiện pháp; 3. Tinh tấn thắng tiến, đó là chư Bồ-tát nếu lúc tâm bị nhiễm ô, tâm bị trói buộc theo một trong số phiền não căn bản và tùy phiền não

hiện hành, vì đoạn các phiền não nên tinh tấn đồng mãnh như diệt lửa cháy dầu; 4. Tinh tấn siêng cầu, vì chư Bồ-tát sở hữu tinh tấn đồng mãnh không hề mỗi một cầu học tất cả minh xứ; 5. Tinh tấn tu học, vì chư Bồ-tát đối với pháp sở học, tùy chỗ thích hợp ở khắp tất cả xứ năng tùy pháp hành pháp; 6. Tinh tấn lợi tha, vì chư Bồ-tát sở hữu tinh tấn nên biết tướng đây như mười một chủng tướng trước đã nói; 7. Tinh tấn khéo phòng hộ, vì chư Bồ-tát sở hữu tinh tấn khởi chánh gia hạnh khéo tự phòng hộ giữ gìn, nếu phạm như pháp hối trừ.

Mười ba chủng tinh tấn của Bồ-tát như vậy gọi là tất cả chủng tinh tấn.

7 và 8. Phần Thỏa mãn mong cầu tinh tấn của Bồ-tát và Đời này đời khác vui tinh tấn: Nên biết như phần *An nhân* đã nói ở trước, chỉ sai khác ở chỗ: kia nói *kham nhân*, đây nói *dũng mãnh tinh tấn* của Bồ-tát.

9. Thanh tịnh tinh tấn của Bồ-tát: Lược có 10 chủng: 1. Tinh tấn tương ưng; 2. Tinh tấn xuyên

suốt tu tập; 3. Tinh tấn không trì hoãn; 4. Tinh tấn khéo nhiếp; 5. Tinh tấn tu tập đúng thời; 6. Tinh tấn thông đạt các tướng; 7. Tinh tấn không khiếm nhược thối lui; 8. Tinh tấn không xả ách; 9. Tinh tấn bình đẳng; 10. Tinh tấn hồi hướng Đại Bồ-đề.

Hoặc chư Bồ-tát bị các tùy phiền não bức bách, vì muốn đoạn dứt tùy phiền não kia, nên tu tập chủng chủng tướng đối trị tương ưng. Đó là: vì muốn đối trị các tham dục, nên tu tập bất tịnh; vì muốn đối trị sân khuể, nên tu tập từ mẫn; vì muốn đối trị ngu si, nên tu tập quán sát duyên khởi của tánh duyên; vì muốn đối trị các tầm tư, nên tu tập A-na-ba-na niệm; vì muốn đối trị các kiêu mạn, nên tu tập giới sai biệt. Hết thấy loại như vậy gọi là *tinh tấn tương ưng* của Bồ-tát.

Hoặc chư Bồ-tát chẳng phải chỉ thành tựu sở hữu tinh tấn ở giai đoạn mới bắt đầu sự nghiệp tu tập. Trong đây, tâm an trụ dạy trao dạy răn chẳng thể không nương gia hạnh xuyên suốt tu tập, gia hạnh tích tập. Cho nên gọi là *tinh tấn xuyên suốt tu tập* của Bồ-tát.

Hoặc chư Bồ-tát không chỉ gia hạnh như trên,

mà trong giai đoạn mới tu nghiệp đây còn thêm gia hạnh không trì hoãn, gia hạnh không gián đoạn, gia hạnh ân trọng. Đây gọi là *tinh tấn không trì hoãn* của Bồ-tát.

Hoặc chư Bồ-tát từ nơi sư trưởng mà tự mình lắng nghe nhiều, có lực hành trì, không diên đảo chấp thủ, phát khởi siêng tinh tấn trụ tâm như vậy. Đây gọi là *tinh tấn khéo nhiếp* của Bồ-tát.

Hoặc chư Bồ-tát đã chấp thủ không diên đảo, lúc nên tu chỉ, năng chánh tu chỉ; lúc nên tu cử, năng chánh tu cử; lúc nên tu xả, năng chánh tu xả. Đây gọi là *tinh tấn tu tập đúng thời* của Bồ-tát.

Hoặc chư Bồ-tát ở nơi chủng chủng tướng chỉ, cử, xả như vậy, năng khéo rõ biết tướng trụ, nhập, xuất, năng không quên mất, năng khéo thông đạt, tu tập không gián đoạn, tu tập ân trọng. Đây gọi là *tinh tấn thông đạt các tướng* của Bồ-tát.

Hoặc chư Bồ-tát nghe thuyết về tinh tấn của Bồ-tát, ở nơi chủng chủng pháp tối cực rộng lớn, tối cực thâm sâu không thể nghĩ bàn, không thể so lường mà không tự khinh miệt mình, tâm không khiếp nhược, không trụ nơi chút phần chứng đắc hạ liệt sai khác mà sanh vui đủ không cầu thắng

tiến. Đây gọi là *tinh tấn không khiếp nhược thối lui* của Bồ-tát.

Hoặc chư Bồ-tát tùy từng giai đoạn mà mật hộ căn môn, ăn uống biết lượng, đầu đêm cuối đêm thường siêng tu tập tỉnh thức Du-già, an trụ chánh biết. Đối với loại tư lương đẳng trì như vậy, năng nhiếp thọ triển chuyển, tức đối trong đây, tu tập sung mãn mạnh mẽ. Ở tất cả thời, đối với những điều năng dẫn nhiếp nghĩa lợi không điên đảo, siêng dụng công gia hạnh. Đây gọi là *tinh tấn không xả ách* của Bồ-tát.

Hoặc chư Bồ-tát phát siêng tinh tấn không chậm chạp, không vội vàng, chuyển vận bình đẳng song song. Khắp tất cả việc nên làm cũng khéo bình đẳng ân trọng tu làm. Đây gọi là *tinh tấn bình đẳng* của Bồ-tát.

Hoặc chư Bồ-tát hành trì tất cả tinh tấn, không gì chẳng vì hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Đây gọi là *tinh tấn hồi hướng Đại Bồ-đề* của Bồ-tát.

Như vậy, từ tự tánh tinh tấn ban đầu cho đến thanh tịnh tinh tấn sau cùng, Bồ-tát đều vì đặc quả Đại Bồ-đề. Bồ-tát nương sở hữu tinh tấn đây

năng viên mãn Tinh tấn Ba-la-mật-đa, năng đối
với Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề nhanh chóng đã
chứng, sẽ chứng, nay chứng.



Quyển 43

Thứ 15. BỒ TÁT ĐỊA Phần đầu TRÌ DU GIÀ XỨ Phẩm 13. TĨNH LỰ

Sao gọi là Tĩnh lự Ba-la-mật-đa của Bồ-tát?
Ốt-Đà-Nam thuyết:

*Tự tánh, tất cả, khó
Tất cả môn, thiện sĩ
Tất cả chủng, toại cầu
Hai đời vui thanh tịnh
Chín chủng tướng như vậy
Đây lược nói Tĩnh lự.*

Có chín chủng tướng tĩnh lự gọi là Tĩnh lự Ba-la-mật-đa của Bồ-tát: **1.** Tự tánh tĩnh lự; **2.** Tất cả tĩnh lự; **3.** Khó hành tĩnh lự; **4.** Tất cả môn tĩnh lự; **5.** Thiện sĩ tĩnh lự; **6.** Tất cả chủng tĩnh lự; **7.** Thỏa mãn mong cầu tĩnh lự; **8.** Đời này đời khác vui tĩnh lự; **9.** Thanh tịnh tĩnh lự.

1. Tự tánh tĩnh lự của Bồ-tát: Chư Bồ-tát ở nơi tạng Bồ-tát lấy văn, tư làm tiền dẫn, sở hữu

diệu khéo tâm tánh nhất cảnh thế gian và xuất thế gian. Tâm chánh an trụ hoặc phẩm Xa-ma-tha, hoặc phẩm Tỳ-bát-xá-na, hoặc chuyển vận đạo song song thông cả hai phẩm. Nên biết tức là sở hữu tự tánh tinh lự của Bồ-tát.

2. Tất cả tinh lự của Bồ-tát: Lược có 2 chủng:

1. Tinh lự thế gian; 2. Tinh lự xuất thế gian. Nên biết hai chủng đây, tùy chỗ thích hợp lại có ba chủng: **a.** Tinh lự hiện pháp lạc trú; **b.** Tinh lự năng dẫn công đức đẳng trì của Bồ-tát; **c.** Tinh lự nhiều ích hữu tình.

a. Hoặc chư Bồ-tát sở hữu tinh lự, xa lìa tất cả phân biệt, năng phát sanh thân tâm khinh an, tối cực tịch tĩnh, xa lìa cao cử, xa lìa ái vị, vắng lặng hết thấy tướng. Đây gọi là tinh lự hiện pháp lạc trú của Bồ-tát.

b. Hoặc chư Bồ-tát sở hữu tinh lự khiến năng dẫn, năng trụ chủng chủng đẳng trì thù thắng không thể nghĩ bàn, không thể so lường, do mười lực chủng tánh nhiếp lấy. Đẳng trì như vậy, tất cả Thanh văn và Độc giác còn không biết tên gọi của kia, huống chi năng nhập.

Hoặc chư Bồ-tát sở hữu tinh lực năng dẫn, năng trụ tất cả giải thoát, thắng xứ, biến xứ, vô ngại giải, vô tránh, nguyện trí của Bồ-tát... và các sở hữu công đức của Thanh văn. Đây gọi là tinh lực năng dẫn công đức đẳng trì của Bồ-tát.

c. Tinh lực nhiều ích hữu tình của Bồ-tát có 11 chủng nên biết như trước: 1. Chư Bồ-tát nương tinh lực năng làm trợ bạn đối với các sự nghiệp dẫn nghĩa lợi của hữu tình; 2. Đối với hữu tình có khổ, năng trừ khổ; 3. Đối với các hữu tình, khéo như lý thuyết; 4. Đối với hữu tình có ân, vì biết ân huệ tức liền báo đáp; 5. Đối với hữu tình đang gặp sợ hãi, năng làm người cứu hộ; 6. Đối với hữu tình gặp sự mất mát người thân, năng cõi giải ưu sầu; 7. Đối với những nơi thiếu thốn, năng thí cho tài vật; 8. Đối với đại chúng, khéo năng lãnh đạo dạy dẫn; 9. Đối với các hữu tình, khéo tùy tâm chuyển; 10. Đối với người có thật đức, tán thán khiến sanh hoan hỷ; 11. Đối với kẻ trái vượt, khéo chân chánh điều phục, biến hiện các thứ thần thông để điều phục, dẫn nhiếp.

Tất cả như vậy gọi chung là tất cả tinh lực của Bồ-tát. Ngoài đây ra trọn không còn hoặc hơn hoặc

thêm một tĩnh lự nào.

3. Khó hành tĩnh lự của Bồ-tát: Lược có 3 chủng:

Nếu chư Bồ-tát đã năng an trụ tĩnh lự thù thắng rộng lớn, cực khéo thành thực, nhiều dẫn phát an trú, tùy vui muốn của mình, xả lạc của các tĩnh lự thù thắng kia, quán hết thấy vô lượng việc vì lợi vui hữu tình. Vì thành thực nghĩa lợi cho hữu tình, nên ý khéo tư duy chọn lựa trở lại sanh vào Dục giới. Đây gọi là khó hành tĩnh lự thứ nhất của Bồ-tát.

Nếu chư Bồ-tát nương tĩnh lự năng phát khởi vô lượng vô số chủng chủng việc không thể nghĩ bàn, vượt qua tất cả Thanh văn, Độc giác, sở hành cảnh giới đẳng trì của Bồ-tát. Đây gọi là khó hành tĩnh lự thứ hai của Bồ-tát.

Nếu chư Bồ-tát nương tĩnh lự, nhanh chóng chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Đây gọi là khó hành tĩnh lự thứ ba của Bồ-tát.

4. Tất cả môn tĩnh lự của Bồ-tát: Lược có 4 chủng: 1. Tĩnh lự có tâm có tứ; 2. Tĩnh lự đồng hành hỷ; 3. Tĩnh lự đồng hành lạc; 4. Tĩnh lự đồng hành xả.

5. Thiện sĩ tinh lự của Bồ-tát: Lược có 5 chủng: 1. Tinh lự không ái vị; 2. Tinh lự đồng hành từ; 3. Tinh lự đồng hành bi; 4. Tinh lự đồng hành hỷ; 5. Tinh lự đồng hành xả.

6. Tất cả chủng tinh lự của Bồ-tát: Nên biết tinh lự đây lược có 6 chủng và 7 chủng, tổng cộng là 13 chủng.

Sáu chủng tinh lự: 1. Tinh lự thiện; 2. Tinh lự vô ký biến hóa; 3. Tinh lự phẩm Xa-ma-tha; 4. Tinh lự phẩm Tỳ-bát-xá-na; 5. Tinh lự chánh tư duy sâu đối với việc tự lợi, lợi tha; 6. Tinh lự năng dẫn phát công đức uy lực thần thông.

Bảy chủng tinh lự: 1. Tinh lự duyên danh; 2. Tinh lự duyên nghĩa; 3. Tinh lự duyên tướng chỉ; 4. Tinh lự duyên tướng cử; 5. Tinh lự duyên tướng xả; 6. Tinh lự hiện pháp lạc trú; 7. Tinh lự nhiều ích hữu tình.

Mười ba chủng như vậy gọi là tất cả chủng tinh lự của Bồ-tát.

7. Thỏa mãn mong cầu tinh lự của Bồ-tát: Lược có 8 chủng: 1. Nương tinh lự năng dứt trừ

hết thấy chủng chủng tai họa như chú thuật, thuốc độc, mưa đá, quỷ mị...; 2. Nương tinh lực năng dứt trừ các thứ bệnh phát sanh do các giới không điều hòa, chống trái lẫn nhau; 3. Đối với những việc đại tai như đói khát, hạn hán... trí tinh lực đem lại trời mưa mát mẻ; 4. Đối với chủng chủng những việc gây hại của người, phi nhân, như làm nước ngập đất... nương tinh lực năng cứu giúp thoát khỏi nạn; 5. Đối với hữu tình ở nơi hoang vắng, thiếu thốn các thức ăn uống, nương tinh lực năng thí thức ăn uống; 6. Đối với việc giáo hóa hữu tình thiếu thốn tiền của địa vị, tinh lực năng bố thí tiền của, địa vị; 7. Đối với hữu tình phóng dật ở mười phương cõi giới, tinh lực năng chân chánh giáo huấn răn dạy; 8. Đối với các hữu tình tùy phát khởi các việc nên làm, tinh lực năng chân chánh trợ giúp.

8. Đời này đời khác vui tinh lực của Bồ-

tát: Lược có 9 chủng: 1. Tinh lực biến hiện thần thông để điều phục hữu tình; 2. Tinh lực biến hiện kỳ thuyết để điều phục hữu tình; 3. Tinh lực biến hiện dạy răn để điều phục hữu tình; 4. Tinh lực thị hiện các đường ác khiến người làm ác thấy được; 5.

Tĩnh lực năng thí biện tài cho người không có biện tài; 6. Tĩnh lực năng thí chánh niệm cho kẻ lạc chánh niệm; 7. Tĩnh lực lập luận không.điên đảo, tán thán ca tụng tụng Ma-đát-ly-ca vi diệu, năng khiến chánh pháp cứu trụ; 8. Đối với các sự nghiệp công xảo khéo léo của thế gian, năng dẫn nghĩa lợi nhiều ích hữu tình, tĩnh lực năng tạo làm hết thảy chủng loại sai biệt như sách vở, thước đo, con dấu, ghế ngồi, dép guốc... các vật dụng nuôi thân; 9. Đối với việc giáo hóa hữu tình, tĩnh lực phóng đại quang minh chiếu đến những chúng sanh nơi đường ác khiến tạm dứt các khổ.

9. Thanh tịnh tĩnh lực của Bồ-tát: Lược có 10 chủng: 1. Thanh tịnh tĩnh lực lìa các ái vị do thế gian thanh tịnh; 2. Thanh tịnh tĩnh lực không có nhiễm ô do xuất thế gian thanh tịnh; 3. Thanh tịnh tĩnh lực do gia hạnh thanh tịnh; 4. Thanh tịnh tĩnh lực do đắc căn bản thanh tịnh; 5. Thanh tịnh tĩnh lực do thắng tiến căn bản thanh tịnh; 6. Thanh tịnh tĩnh lực do nhập, trụ, xuất tự tại thanh tịnh; 7. Thanh tịnh tĩnh lực do xả tĩnh lực rồi, trở lại chứng nhập tự tại thanh tịnh; 8. Thanh tịnh tĩnh lực do

thần thông biến hiện tự tại thanh tịnh; 9. Thanh tịnh tĩnh lự do xa lìa tất cả các cái thấy thú hưởng thanh tịnh; 10. Thanh tịnh tĩnh lự do tất cả phiền não và sở tri chướng thanh tịnh.

Như vậy có vô lượng vô biên tĩnh lự khiến Bồ-tát năng đắc quả Đại Bồ-đề. Bồ-tát nương đây năng viên mãn Tĩnh lự Ba-la-mật-đa, năng đối Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề nhanh chóng đã chứng, sẽ chứng, nay chứng.

Phân đầu TRÌ DU GIÀ XỬ

Phẩm 14. TRÍ TUỆ

Sao gọi là Trí tuệ Ba-la-mật-đa của Bồ-tát?
Ốt-Đà-Nam thuyết:

*Tự tánh, tất cả, khó
Tất cả môn, thiện sĩ
Tất cả chủng, toại cầu
Hai đời vui, thanh tịnh
Chín chủng tướng như vậy*

Đây lược nói Trí tuệ.

Có chín chủng tướng trí tuệ gọi là Trí tuệ Ba-la-mật-đa của Bồ-tát: **1.** Tự tánh tuệ; **2.** Tất cả tuệ; **3.** Khó hành tuệ; **4.** Tất cả môn tuệ; **5.** Thiện sĩ tuệ; **6.** Tất cả chủng tuệ; **7.** Thỏa mãn mong cầu tuệ; **8.** Đời này đời khác vui tuệ; **9.** Thanh tịnh tuệ.

1. Tự tánh tuệ của Bồ-tát: Bồ-tát năng hiểu biết nhập vào tất cả sở tri. Đã hiểu nhập, điều luyện chọn lọc các pháp, rộng duyên tất cả năm minh xứ mà chuyển: 1. Nội minh xứ; 2. Nhân minh xứ; 3. Ý phương minh xứ; 4. Thanh minh xứ; 5. Công nghiệp minh xứ. Đây gọi là tự tánh tất cả tuệ của Bồ-tát.

2. Tất cả tuệ của Bồ-tát: Lược có 2 chủng: 1. Trí tuệ thế gian; 2. Trí tuệ xuất thế gian. Hai chủng đây, mỗi chủng có ba loại: **a.** Trí tuệ năng ở nơi sở tri chân thật, tùy hiểu biết thông đạt; **b.** Trí tuệ năng đối với năm minh xứ và đối với ba tụ, thiện xảo quyết định; **c.** Trí tuệ năng đem đến nghĩa lợi cho tất cả hữu tình.

a. Hoặc chư Bồ-tát sở hữu diệu tuệ, ở nơi pháp

tánh vô ngã là nói năng, hoặc ở nơi chân đế muốn hiểu biết, hoặc ở nơi chân đế lúc đang hiểu biết, hoặc ở nơi chân đế về sau sẽ hiểu biết, tịch tĩnh tối thắng, hiện tiền sáng rõ, không phân biệt, là các hý luận. Nơi tất cả pháp ngộ tánh bình đẳng, nhập tướng chung rộng lớn. Thông đạt rốt ráo tất cả ngàn mé sở tri, xa là hai biên tăng ích và tổn giảm, thuận nhập trung đạo. Đây gọi là tuệ năng ở nơi sở tri chân thật, tùy hiểu biết thông đạt của Bồ-tát.

b. Hoặc chư Bồ-tát sở hữu diệu tuệ thiện xảo quyết định ở nơi năm minh xứ, như phẩm *Chủng tánh lực* đã thuyết ở trước; thiện xảo quyết định ở trong ba tụ, tức là ở nơi tụ pháp năng dẫn nghĩa lợi, tụ pháp năng dẫn chẳng phải nghĩa lợi, tụ pháp năng dẫn chẳng phải nghĩa lợi đều như thật biết; khéo léo nhiếp thọ đối với tám xứ; năng nhanh chóng viên mãn tư lương diệu trí rộng lớn vô thượng, nhanh chóng chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

c. Trí tuệ năng đem đến nghĩa lợi cho tất cả hữu tình có 11 chủng, nên biết như trước. Tức là sở hữu diệu tuệ ở vị kia, nên biết gọi là trí tuệ nhiều ích hữu tình.

3. Khó hành tuệ của Bồ-tát: Lược có 3 chủng:

Nếu chư Bồ-tát năng biết trí pháp thâm sâu vô ngã, đây gọi là khó hành tuệ thứ nhất.

Nếu chư Bồ-tát thường rõ biết trí phương tiện để điều phục hữu tình, đây gọi là khó hành tuệ thứ hai.

Nếu chư Bồ-tát rõ biết trí không chướng ngại ở nơi tất cả cảnh giới sở tri, đây gọi là khó hành tuệ thứ ba.

4. Tất cả môn tuệ của Bồ-tát: Lược có 4 chủng: 1. Trong tạng Thanh văn và tạng Bồ-tát, sở hữu diệu tuệ do văn và do tư mà thành tựu; 2. Tuệ nhiếp thuộc lục tư trạch vì ở trong đó Bồ-tát năng tư duy chọn lọc điều nên làm, nên tùy chuyển; 3. Tuệ nhiếp thuộc lục tư trạch vì ở trong đó Bồ-tát tư duy chọn lọc điều không nên làm, nên dừng dứt; 4. Tuệ vô lượng do lực tu tập nhiếp lấy Tam-ma-hí-da-địa.

5. Thiện sĩ tuệ của Bồ-tát: Lược có 5 chủng:

1. Tuệ do lắng nghe chánh pháp mà huân tập thành; 2. Tuệ đồng hành ý chân chánh bên trong; 3. Tuệ đồng hành phương tiện hành lợi mình, lợi người; 4.

Tuệ khéo léo quyết định không điên đảo ở trong các pháp, pháp trụ, pháp an lập; 5. Tuệ xả phiền não.

Lại có các tuệ khác: 1. Tuệ vi tế, vì hiểu biết nhập vào tánh như sở hữu của sở tri; 2. Tuệ đủ khắp, vì hiểu nhập tánh tận sở hữu của sở tri; 3. Tuệ câu sanh, vì tư lương trí đời trước mà tích tập thành; 4. Tuệ đầy đủ dạy dẫn, vì ở nơi pháp nghĩa đã được nghe từ chư Phật hoặc chúng các Bồ-tát đã nhập đại địa, thọ trì đầy đủ; 5. Tuệ đầy đủ chứng đắc, vì từ *Ý lạc thanh tịnh địa* nhiếp thọ cho đến *Đến cứu cánh địa*.

6. Tất cả chủng tuệ của Bồ-tát: Nên biết tuệ đây lược có 6 chủng và 7 chủng, tổng cộng là 13 chủng.

Sáu chủng tuệ: ở nơi các đế có khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí. Ở vị cứu cánh có tận trí và vô sanh trí. Đây gọi là sáu tuệ.

Bảy chủng tuệ: pháp trí, loại trí, thế tục trí, thần thông trí, tướng trí, mười lực tiền hành trí, chánh đạo lý ở trong bốn đạo lý trí.

7. Thỏa mãn mong cầu tuệ của Bồ-tát:

Lược có 8 chủng: 1. Trí nương pháp dị môn, đó là tuệ ở nơi pháp không ngăn ngại của Bồ-tát; 2. Trí nương tướng pháp, đó là tuệ ở nơi nghĩa không ngăn ngại của Bồ-tát; 3. Trí nương rõ từ pháp, đó là tuệ ở nơi rõ ngôn từ không ngăn ngại của Bồ-tát; 4. Trí nương phẩm loại sai biệt tất cả ngôn cú của pháp, đó là tuệ biện tài không ngăn ngại của Bồ-tát; 5. Tuệ hàng phục tất cả luận khác của Bồ-tát; 6. Tuệ thành lập tất cả tự luận của Bồ-tát; 7. Tuệ chánh dạy dẫn, xử trí tất cả sự nghiệp gia sản tại gia của Bồ-tát; 8. Tuệ khéo hiểu tất cả chủng chủng công việc thế gian của Bồ-tát.

8. Đời này đời khác vui tuệ của Bồ-tát:

Lược có 9 chủng: 1. Chư Bồ-tát ở nơi nội minh xứ, tuệ năng khéo sáng suốt, khéo an trụ; 2. Ở nơi y phương minh xứ, tuệ năng khéo sáng suốt, không an trụ; 3. Ở nơi nhân minh xứ, tuệ năng khéo sáng suốt, không an trụ; 4. Ở nơi thanh minh xứ, tuệ năng khéo sáng suốt, không an trụ; 5. Ở nơi công nghiệp thế gian minh xứ, tuệ năng khéo sáng suốt, không an trụ; 6. Tất cả năm minh xứ trên, Bồ-tát đều dùng trí tuệ khéo léo, sáng suốt, thanh tịnh

làm chỗ nương; 7. Đối với người ngu si, Bồ-tát siêng tu chánh hạnh để giáo hóa, dùng tuệ thị hiện chỉ bảo dẫn dạy; 8. Đối với người phóng dật, Bồ-tát siêng tu chánh hạnh để giáo hóa, dùng tuệ thị hiện khích lệ khen gắng; 9. Đối với người khiếp nhục, Bồ-tát siêng tu chánh hạnh để giáo hóa, dùng tuệ thị hiện vui mừng an ủi.

9. Thanh tịnh tuệ của Bồ-tát: Lược có 10 chủng:

Ở nơi nghĩa chân thật có hai chủng tuệ, vì có được nghĩa chân thật của tánh như sở hữu và tánh tận sở hữu.

Ở nơi nghĩa lưu chuyển có hai chủng tuệ, vì nắm giữ chánh nhân, chánh quả.

Ở nơi nghĩa chấp thọ có hai chủng tuệ, vì như thật rõ biết điên đảo và không điên đảo.

Ở nơi nghĩa phương tiện có hai chủng tuệ, vì như thật rõ biết tất cả điều nên làm và điều không nên làm.

Ở nơi nghĩa rốt ráo có hai chủng tuệ, vì tạp nhiễm, như thật rõ biết tạp nhiễm; thanh tịnh, như thật rõ biết thanh tịnh.

Năm nghĩa thanh tịnh tuệ của Bồ-tát như vậy lược có 10 chủng sai khác. Đây gọi là thanh tịnh tuệ thù thắng không gì vượt hơn.

Như vậy vô lượng diệu tuệ cực khéo quyết định của Bồ-tát, Bồ-tát năng chứng quả Đại Bồ-đề. Bồ-tát nương đây năng viên mãn Trí tuệ Ba-la-mật-đa, nhanh chóng chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Lại nữa, sáu chủng Ba-la-mật-đa như vậy, Đức Thế Tôn xưa đã thuyết nhiều chỗ trong Khế kinh, nay trong đây tổng hợp lại một chỗ mà thuyết. Ở trong Khế kinh, Đức Phật đã thuyết sở hữu Thí Ba-la-mật-đa cho đến Tuệ Ba-la-mật-đa, hoặc nêu chung, hoặc giải thích. Tất cả kia đều nhiếp vào tự tánh thí, nói rộng cho đến hoặc thanh tịnh thí, thú nhập, nhiếp thọ, như chỗ thích hợp đều phải rõ biết. Như vậy còn lại Trì giới cho đến Trí tuệ theo đó mà thuyết và thú nhập, nhiếp thọ, tùy chỗ thích hợp cũng phải rõ biết.

Lại, chư Như Lai khi làm Bồ-tát hành tất cả hạnh Bồ-tát, sở hữu vô lượng bốn sanh tương ứng với khổ hạnh khó hành. Nên biết tất cả khổ hạnh đây tương ứng cùng bố thí, nương tựa bố thí. Như

nói bố thí, thì tương ứng cùng trì giới, an nhẫn, tinh tấn, tinh lự, trí tuệ; nương tựa trì giới, an nhẫn, tinh tấn, tinh lự, trí tuệ, phải biết cũng vậy.

Hoặc chỉ nương bố thí, nói rộng cho đến hoặc chỉ nương trí tuệ, hoặc nương chung cả hai, hoặc nương chung cả ba, hoặc nương chung bốn, hoặc nương chung năm, hoặc nương chung tất cả sáu Ba-la-mật-đa đều phải nên rõ biết.

Như vậy, Bồ-tát vì chứng quả Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề mà tinh cần tu tập sáu Ba-la-mật-đa. Sáu Ba-la-mật-đa đây là biển bạch pháp rộng lớn, gọi là Đại Bạch Pháp Hải; là nhân để tất cả hữu tình, tất cả chủng loại viên mãn, gọi là Suối Nguồn Đại Bảo Tuôn Trào. Là chỗ tích chứa vô lượng tư lương phước trí và không có quả nào khác năng cùng tương xứng, chỉ trừ Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Phân đầu TRÌ DU GIÀ XỨ

Phẩm 15. NHIẾP SỰ

Sao gọi là Bốn chủng nhiếp sự của Bồ-tát? Ôt-Đà-Nam thuyết:

*Tự tánh, tất cả, khó
 Tất cả môn, thiện sĩ
 Tất cả chủng, toại cầu
 Hai đời vui, thanh tịnh
 Chín chủng tướng như thế
 Đây lược nói Nhiếp sự.*

Có chín chủng tướng nhiếp sự gọi là bốn chủng nhiếp sự của Bồ-tát: **1.** Tự tánh nhiếp sự; **2.** Tất cả nhiếp sự; **3.** Khó hành nhiếp sự; **4.** Tất cả môn nhiếp sự; **5.** Thiện sĩ nhiếp sự; **6.** Tất cả chủng nhiếp sự; **7.** Thỏa mãn mong cầu nhiếp sự; **8.** Đời này đời khác vui nhiếp sự; **9.** Thanh tịnh nhiếp sự.

Nhiếp sự của Bồ-tát có bốn tướng: **A.** Bồ thí; **B.** Ái ngữ; **C.** Lợi hành; **D.** Đồng sự.

A. Bồ thí:

Như trong phần Bồ thí Ba-la-mật-đa của Bồ-tát địa đã rộng thuyết

B. Ái ngữ:

1. Tự tánh ái ngữ của Bồ-tát: Chư Bồ-tát đối với các hữu tình thường vui tuyên nói những lời vui vẻ đẹp lòng, lời chân thật, lời như pháp, lời

dẫn nhiếp nghĩa. Đây lược nói tự tánh ái ngữ của Bồ-tát.

2. Tất cả ái ngữ của Bồ-tát: Lược có 3 chủng:

Bồ-tát dùng lời dẫn dụ vấn an. Sử dụng lời nói đây, Bồ-tát hằng thời đối với các hữu tình xa lìa nhãn nhó, trước phát lời tốt lành, dung nhan thư thái, ánh mắt bình chính, vui cười làm đầu hỏi thăm: “Có được an ổn kiết tường không?”, hoặc “Tứ đại có điều hòa không?”, hoặc “Ngày đêm vui vẻ an ổn không?”. Dùng hết thấy tướng như vậy vấn an thăm hỏi hữu tình, thuận theo phép tắc lễ nghi thế gian mà chuyển.

Bồ-tát dùng lời vui mừng hoan hỷ. Sử dụng lời nói đây khi thấy hữu tình có quyến thuộc, vợ con, tài vật đang thời hưng thịnh mà không tự hiểu biết. Cho nên Bồ-tát đối với những điều nên hiểu biết, thì dùng lời vui mừng hoan hỷ mà dẫn dắt. Hoặc biết được người không vui thích về tín, giới, văn, xả, tuệ, cũng lại dùng lời đây.

Bồ-tát dùng lời tăng thêm lợi ích. Sử dụng lời nói đây, Bồ-tát tuyên thuyết lời tương ưng giáo pháp viên mãn tất cả chủng đức khiến lợi ích an

lạc cho tất cả hữu tình. Bồ-tát dùng lời nói đây hằng thường hiện tiền mà làm nhiều ích. Đây gọi là tất cả ái ngữ sai biệt của Bồ-tát.

Tóm lược phần này thế nào? Nên biết ái ngữ lược có 2 chủng: 1. Lời dạy thuận theo lẽ nghi phép tắc thế tục; 2. Lời thuận theo giáo pháp chân chánh. Hoặc lời dẫn dụ vấn an, hoặc lời vui mừng hoan hỷ, đây là lời thuận theo phép tắc thế tục. Hoặc lời tăng thêm lợi ích, đây là lời thuận theo giáo pháp chân chánh.

3. Khó hành ái ngữ của Bồ-tát: Lược có 3 chủng:

Hoặc chư Bồ-tát đối với oan gia hay bạn ác làm hại, dùng tâm thiện tịnh, tâm không uế trước, tư duy chọn lựa hoặc dùng lời dẫn dụ vấn an, hoặc dùng lời vui mừng hoan hỷ, hoặc dùng lời tăng thêm lợi ích vì kia mà thuyết. Đây gọi là khó hành ái ngữ thứ nhất của Bồ-tát.

Hoặc chư Bồ-tát đối với các hữu tình độn căn, ngu si phẩm thượng, tâm không nghi ngờ lo nghĩ, tư duy chọn lựa vì kia mà dẫn dạy chủng chủng pháp. Thệ nhận chịu mọi sự khổ nhọc vất vả, như

lý, như pháp, như thiện mà nhiếp lấy kia. Đây là khó hành ái ngữ thứ hai của Bồ-tát.

Hoặc chư Bồ-tát đối với các hữu tình làm việc tà ác, siểm trá, khi đối Thân giáo sư, Quý phạm sư, các bậc tôn trưởng chân thật phước điền, mà không tâm hiềm hận, không tâm khuể não, tư duy chọn lựa hoặc dùng lời dẫn dụ vấn an, hoặc dùng lời vui mừng hoan hỷ, hoặc dùng lời tăng thêm lợi ích vì kia mà nói. Đây là khó hành ái ngữ thứ ba của Bồ-tát.

4. Tất cả môn ái ngữ của Bồ-tát: Lược có 4 chủng: 1. Đối với người muốn đoạn trừ chướng ngại của các cái, hướng đến đường thiện, chư Bồ-tát trước tiên vì họ nói pháp nên làm; 2. Đối với người muốn điều thiện tâm, xa lìa các cái, chư Bồ-tát vì họ tuyên nói chánh pháp tương ưng bốn Thánh đế; 3. Đối với người tại gia, người xuất gia nhiều phóng dật, chư Bồ-tát khuyên can răn dạy không điên đảo, phương tiện khiến kia xa lìa đời sống phóng dật, an trụ hạnh không phóng dật; 4. Đối với hữu tình còn nhiều nghi hoặc ở nơi giáo pháp, chư Bồ-tát vì khiến kia xa lìa nghi hoặc, nên luận nghĩa quyết trạch tuyên nói chánh pháp.

5. Thiện sĩ ái ngữ của Bồ-tát: Lược có 5 chủng. Đó là chư Bồ-tát vì giáo hóa chúng sanh nên nói như vậy: “Chư Như Lai cùng chư Bồ-tát năng thuyết pháp có nhân duyên, pháp có xuất ly, pháp có chỗ y, pháp có dũng mãnh chắc chắn, pháp có thần biến”.

Nếu pháp nói về nguyên nhân phát khởi kiến lập học xứ, pháp đây gọi là *pháp có nhân duyên*. Nếu pháp nói về thọ học, có hủy phạm, thì thiết trở lại thanh tịnh, pháp đây gọi là *pháp có xuất ly*. Nếu pháp được thuyết nhiếp lấy bốn y, thì thiết chánh hành pháp luật không điên đảo, pháp đây gọi là *pháp có chỗ y*. Nếu pháp được thuyết năng chánh hiển thị ra khỏi các khổ, không thối thất, tái phạm, pháp đây gọi là *pháp có dũng mãnh chắc chắn*. Nếu pháp được thuyết dụng ba thần biến, tất cả sở thuyết trọn không khiến đi vào đường ác, pháp đây gọi là *pháp có thần biến*.

6. Tất cả chủng ái ngữ của Bồ-tát: Nên biết ái ngữ đây có 6 chủng và 7 chủng, tổng cộng là 13 chủng.

Sáu chủng ái ngữ: 1. Đối với người thích hợp

với pháp lắng nghe, dùng ái ngữ để chỉ bày cho họ; 2. Đối với người thích hợp với pháp ngăn dứt, dùng ái ngữ để ngăn dứt; 3. Dùng ái ngữ khai thị pháp môn của các pháp; 4. Dùng ái ngữ khai thị tướng của pháp không điên đảo; 5. Dùng ái ngữ khai thị huấn dạy rõ ràng ngôn từ của các pháp không điên đảo; 6. Dùng ái ngữ khai thị phẩm loại cú sai biệt của pháp không điên đảo.

Bảy chủng ái ngữ: 1. Ái ngữ dẫn dụ vấn an; 2. Ái ngữ vui mừng hoan hỷ; 3. Ái ngữ khiến hữu tình ít mong cầu các thứ vật dụng, đi đến chỗ thiếu dục chân chánh; 4. Ái ngữ trấn an hữu tình khi gặp chủng chủng hãi sợ; 5. Ái ngữ nhiếp vào tuyên thuyết như lý; 6. Ái ngữ vì muốn khiến hữu tình ra khỏi bất thiện, an lập nơi thiện; có chánh kiến về nghe, nghi, nêu cử, quả trách; 7. Ái ngữ thỉnh người có năng lực hơn để nhiều ích.

Như vậy là 13 chủng ái ngữ của Bồ-tát gọi là tất cả chủng ái ngữ.

7. Thỏa mãn mong cầu ái ngữ của Bồ-tát:

Lược có 8 chủng. Đó là chư Bồ-tát nương bốn lời thanh tịnh, phát khởi tám lời thánh. Đây gọi là

thỏa mãn mong cầu ái ngữ của Bồ-tát.

Bốn lời tịnh: xa lìa lời hư vọng, lời ly gián, lời thô ác và lời thù dệt.

Tám lời thánh: đó là thấy nói thấy, nghe nói nghe, hiểu nói hiểu, biết nói biết, không thấy nói không thấy, không nghe nói không nghe, không hiểu nói không hiểu, không biết nói không biết.

8. Đời này đời khác vui ái ngữ của Bồ-tát: Lược có 9 chủng: 1. Ái ngữ thuyết chánh pháp đoạn trừ ưu sầu phát sanh do quyền thuộc khó; 2. Ái ngữ thuyết chánh pháp đoạn trừ ưu sầu phát sanh do tiền tài địa vị khó; 3. Ái ngữ thuyết chánh pháp đoạn trừ ưu sầu phát sanh do khó không có bệnh; 4. Ái ngữ thuyết chánh pháp đoạn trừ các khổ ưu sầu phát sanh do khó giữ tịnh giới; 5. Ái ngữ thuyết chánh pháp đoạn trừ các khổ phát sanh do khó có chánh kiến; 6. Ái ngữ thuyết chánh pháp khen ngợi tịnh giới viên mãn; 7. Ái ngữ thuyết chánh pháp khen ngợi chánh kiến viên mãn; 8. Ái ngữ thuyết chánh pháp khen ngợi quý tặc viên mãn; 9. Ái ngữ thuyết chánh pháp khen ngợi chánh mạng viên mãn.

9. Thanh tịnh ái ngữ của Bồ-tát: Lược có 20 chủng, đó là hai mươi tướng tuyên nói chánh pháp, như phẩm *Lược chủng tánh* đã nói ở trước.

C. Lợi hành:

Nên biết tướng Lợi hành đây rộng như Ái ngữ, nhưng trong lợi hành đây nghĩa có sự sai khác, nay Ta sẽ thuyết. Đó là chư Bồ-tát do nương tất cả phẩm ái ngữ sai biệt, tùy chỗ thích hợp hướng đến nghĩa lợi hành nhiều ích hữu tình. Đây gọi là lợi hành.

1. Tự tánh lợi hành của Bồ-tát: Chư Bồ-tát vì các hữu tình dùng ái ngữ khai thị chỉ bày chánh lý, tùy chỗ thích hợp ở nơi sở học, tùy pháp hành pháp, theo đó ứng dụng nghĩa lợi hành. Như vậy trong việc lợi hành, an trụ tâm bi, tâm không ái nhiễm, khích lệ dẫn dắt điều phục, an đặt kiến lập. Đây gọi là tự tánh lợi hành.

2. Tất cả lợi hành của Bồ-tát: Lược có 2 chủng: 1. Hữu tình chưa thành thực, lợi hành năng thành thực; 2. Hữu tình đã thành thực, lợi hành

khiến giải thoát. Tức lợi hành đây lược có ba môn: a. Lợi hành khích lệ dẫn dắt khiến lợi ích ở hiện pháp; b. Lợi hành khích lệ dẫn dắt khiến lợi ích ở hậu pháp; c. Lợi hành khích lệ dẫn dắt khiến lợi ích ở hiện pháp, hậu pháp.

Lợi hành khích lệ dẫn dắt khiến lợi ích ở hiện pháp tức là chân chánh khích lệ dẫn dắt ứng dụng sự nghiệp như pháp, chứa nhóm giữ gìn tiền của, địa vị khiến tăng trưởng. Nên biết gọi là lợi hành khích lệ dẫn dắt khiến lợi ích hiện pháp. Do đây năng khiến thu được danh tiếng rộng lớn và vui hiện pháp. An vui do việc nhiếp thọ vật dụng.

Lợi hành khích lệ dẫn dắt khiến lợi ích ở hậu pháp tức là chân chánh khích lệ dẫn dắt khiến buông xả tiền của địa vị, thanh tịnh xuất gia, thọ hạnh khát cầu để tồn tại mạng sống. Nên biết đây gọi là lợi hành khích lệ dẫn dắt khiến lợi ích ở hậu pháp. Do đây năng khiến quyết định thu được an lạc ở hậu pháp, không quyết định thu được an lạc ở hiện pháp.

Lợi hành khích lệ dẫn dắt khiến lợi ích ở hiện pháp, hậu pháp tức là chân chánh khích lệ dẫn dắt khiến người tại gia, hoặc người xuất gia

thứ lớp tu hành, hướng đến ly dục. Nên biết gọi là lợi hành khích lệ dẫn dắt khiến lợi ích hiện pháp, hậu pháp. Do đây năng khiến hiện pháp thân được khinh an, tâm được khinh an, an trú nơi an lạc; năng khiến hậu pháp hoặc sanh về cõi Tịnh thiên, hoặc sanh trong Vô dư y Niết-bàn giới mà Bát-niết-bàn.

3. Khó hành lợi hành của Bồ-tát: Lược có 3 chủng:

Hoặc chư Bồ-tát năng hành lợi hành đối với các hữu tình trước chưa hành nhân thiện căn thù thắng. Đây gọi là khó hành lợi hành thứ nhất. Vì cố sao? Vì các hữu tình kia khó khích lệ dẫn dắt.

Hoặc chư Bồ-tát năng hành lợi hành đối với các hữu tình đã gieo nhân thiện, nhưng hiện tiền đấm trước tiên của, địa vị rộng lớn đầy đủ. Đây gọi là khó hành lợi hành thứ hai. Vì cố sao? Vì hữu tình kia đấm trước chuyển theo những việc phóng dật rộng lớn, phóng dật tích cực.

Hoặc chư Bồ-tát năng hành lợi hành đối với các hữu tình đấm trước dị đạo, tà kiến, tà hạnh của các ngoại đạo. Đây gọi là khó hành lợi hành thứ ba.

Vì có sao? Vì kẻ kia ngu si chấp đả tâm mình, sanh chống trái chấp kiến đối với chánh pháp luật.

4. Tất cả môn lợi hành của Bồ-tát: Lược có 4 chủng: 1. Chư Bồ-tát đối với hữu tình chẳng tín, hoặc hữu tình tín viên mãn, đều ân cần khích lệ dẫn dắt cho đến kiến lập; 2. Chư Bồ-tát đối với hữu tình phạm giới, hoặc hữu tình giới viên mãn, đều ân cần khích lệ dẫn dắt cho đến kiến lập; 3. Chư Bồ-tát đối với hữu tình có tuệ ác, hoặc hữu tình có tuệ viên mãn, đều ân cần khích lệ dẫn dắt cho đến kiến lập; 4. Chư Bồ-tát đối với hữu tình keo lẩn, hoặc hữu tình huệ xả viên mãn, đều ân cần khích lệ dẫn dắt cho đến kiến lập.

5. Thiện sĩ lợi hành của Bồ-tát: Lược có 5 chủng: 1. Chư Bồ-tát khích lệ dẫn dắt hữu tình nhập vào nghĩa chân thật; 2. Khích lệ dẫn dắt hữu tình nhập vào đúng thời nghi; 3. Khích lệ dẫn dắt hữu tình nhập vào việc năng dẫn nhiếp nghĩa lợi thù thắng vi diệu; 4. Khích lệ dẫn dắt đối với các hữu tình nhu nhuyến; 5. Khích lệ dẫn dắt đối với hữu tình từ tâm.

6. Tất cả chủng lợi hành của Bồ-tát: Nên biết lợi hành đây có 6 chủng và 7 chủng, tổng cộng là 13 chủng.

Sáu chủng lợi hành: 1. Chư Bồ-tát đối với các hữu tình nên nhiếp thọ, thì chân chánh nhiếp thọ; 2. Đối với hữu tình nên điều phục, thì chân chánh điều phục; 3. Đối với hữu tình ghét bỏ Thánh giáo, thì khiển trừ sự khuể não của kia; 4. Đối với hữu tình trụ không vui không ghét Thánh giáo thì khiến nhập; 5. Đối với hữu tình đã thâm nhập Thánh giáo, khiến chân chánh thành thực nơi đạo Tam thừa; 6. Đối với hữu tình đã thành thực, khiến được giải thoát.

Bảy chủng lợi hành: Chư Bồ-tát an lập giáo hóa hữu tình khiến họ giữ gìn, trưởng dưỡng ở nơi tư lương thiện, đó là hoặc nương hạ thừa mà xuất ly, hoặc nương đại thừa mà xuất ly. Như an lập giáo hóa hữu tình khiến giữ gìn trưởng dưỡng ở nơi tư lương thiện, thì ở nơi hạnh viễn ly, hoặc ở nơi tâm tánh nhất cảnh, hoặc ở nơi thanh tịnh các chướng, hoặc ở nơi tu tập tác ý phải biết cũng vậy. Hoặc hữu tình có chủng tánh Thanh văn, Độc giác, thì chân chánh an lập họ trong Thanh văn thừa, Độc

giác thừa. Nếu hữu tình có chủng tánh Như Lai, thì chân chánh an lập trong Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề tối thượng thừa.

7. Thỏa mãn mong cầu lợi hành của Bồ-tát: Lược có 8 chủng. Đó là chư Bồ-tát thấy các hữu tình đối với việc nên tầm, mà bị quấy nhiễu trói buộc của không tầm triền. Như không tầm triền, như vậy đối với việc nên quý, bị quấy nhiễu trói buộc bởi không quý triền, hoặc thuy miên triền, hoặc hôn trầm triền, hoặc trạo cử triền, hoặc ác tác triền, hoặc tật đố triền, hoặc keo lẩn triền, Bồ-tát phương tiện khai giải khiến họ xa lìa trói buộc quấy nhiễu của các triền kia.

8. Đời này đời khác vui lợi hành của Bồ-tát: Lược có 9 chủng.

Chư Bồ-tát nương thân nghiệp thanh tịnh, khích lệ hữu tình khiến kia xa lìa tất cả sự sát sanh, xa lìa không cho mà lấy, xa lìa các hạnh tà dục, xa lìa hoặc tốt-la, hoặc mê-lợi-đa, hoặc mặt-đà, phóng dật mà rượu là nguyên nhân.

Chư Bồ-tát nương ngữ nghiệp thanh tịnh, khích

lệ hữu tình khiến kia xa lìa tất cả vọng ngữ, khiến kia xa lìa tất cả lời ly gián, khiến kia xa lìa tất cả lời thô ác, khiến kia xa lìa tất cả ý ngữ.

Chư Bồ-tát nương ý nghiệp thanh tịnh, khích lệ dẫn dắt hữu tình khiến kia xa lìa tất cả tham dục, sân khuể, tà kiến.

9. Thanh tịnh lợi hành của Bồ-tát: Lược có 10 chủng. Đó là chư Bồ-tát đối với hữu tình, nương thanh tịnh bên ngoài có 5 lợi hành, nương thanh tịnh bên trong có 5 lợi hành.

Sao gọi là Bồ-tát đối với các hữu tình nương thanh tịnh bên ngoài có năm lợi hành? 1. Lợi hành không tội; 2. Lợi hành không chuyển; 3. Lợi hành thứ lớp; 4. Lợi hành hạnh rộng khắp; 5. Lợi hành thích hợp.

Chư Bồ-tát đối với các hữu tình tạp ác hạnh, người trước đã làm các hành ác, người làm những điều có tội, người hành tạp nhiễm, thì năng chánh an lập họ nơi thiện pháp. Đây gọi là Bồ-tát đối với hữu tình *lợi hành không tội*.

Chư Bồ-tát đối với các hữu tình không ở nơi nhân giải thoát chân thật, không phải định thanh

tịnh, nhưng lại hy cầu được giải thoát chân thật, cầu được định thanh tịnh; thì năng chân chánh khích lệ dẫn dắt. Đây gọi là chư Bồ-tát đối với các hữu tình *lợi hành không chuyển*.

Chư Bồ-tát đối với các hữu tình, trước quán sát sâu kỹ, biết họ có trí huệ thấp kém, liền nói pháp cạn mỏng dễ hiểu, tùy chuyển dạy răn dạy trao thô gần. Biết họ có trí huệ bậc trung, liền vì họ thuyết pháp bậc trung, tùy thuận chuyển pháp dạy răn dạy trao bậc trung. Biết họ có trí huệ rộng lớn, liền vì họ thuyết pháp thâm sâu, tùy chuyển pháp dạy răn dạy trao vi diệu sâu mầu. Bồ-tát khiến tất cả kia lần hồi tu tập thiện pháp. Đây gọi là chư Bồ-tát đối với các hữu tình *lợi hành thứ lớp*.

Chư Bồ-tát đối với tất cả hữu tình nơi bốn tánh là địa ngục, bàng sanh, ngạ quỷ, a-tu-la cho đến trời, người, đều tùy lực, tùy khả năng mà lợi hành nghĩa lợi. Nếu có người cầu lợi ích an lạc, Bồ-tát liền ở ngay đó tùy căn loại mà khuyến dẫn. Đây gọi là Bồ-tát đối với hữu tình *lợi hành hạnh rộng khắp*.

Chư Bồ-tát đối với các hữu tình, người tự hành các thiện pháp phẩm hạ, trung, thượng với công

năng sai biệt, có thể khích lệ dẫn dắt và người nương phượng tiện với công năng sai biệt, có thể khích lệ dẫn dắt, thì tùy chỗ thích hợp như thiện pháp của kẻ kia, như phượng tiện của kẻ kia mà khích lệ dẫn dắt họ. Đây gọi là Bồ-tát đối với các hữu tình *lợi hành thích hợp*.

Đây gọi là Bồ-tát đối với các hữu tình, nương thanh tịnh bên ngoài có năm chủng lợi hành.

Sao gọi là Bồ-tát đối với các hữu tình, nương thanh tịnh bên trong có năm chủng lợi hành? 1. Chư Bồ-tát đối với các hữu tình, hiện tiền ý lạc khởi đại bi rộng lớn mà hành lợi hành; 2. Chư Bồ-tát khi làm nghĩa lợi cho hữu tình, phải thọ nhận tất cả khổ nhọc vất vả, tâm không mỏi mệt, sanh cực hoan hỷ, vì các hữu tình mà hành lợi hành; 3. Chư Bồ-tát tuy thị hiện sở hữu tài sản địa vị viên mãn tối thắng bậc nhất, mà tự khiêm hạ như tô tở, như kẻ hạ tiện dòng Chiên-đà-la, tâm khiêm hạ vâng nghe, tâm xa lìa cao mạn, xa lìa chấp ngã mà hành lợi hành đối với các hữu tình; 4. Chư Bồ-tát đối với các hữu tình, tâm không ái nhiễm, không hư ngụy, chân thật thương xót mà hành lợi hành; 5. Chư Bồ-tát đối với các hữu tình, tâm rất

ráo không thối chuyển, từ mẫn mà hành lợi hành.

Đây gọi là Bồ-tát đối với các hữu tình, nương thanh tịnh bên trong có năm chủng lợi hành.

Như vậy gọi là ở nơi hai chủng thanh tịnh bên trong, bên ngoài, mỗi chủng có năm lợi hành, tổng cộng có mười chủng, gọi là thanh tịnh lợi hành của Bồ-tát.

D. Đồng sự:

Chư Bồ-tát nếu ở nơi nghĩa đây, ở nơi thiện căn đây, khích lệ dẫn dắt người thọ học, thì ở nơi nghĩa ấy, ở nơi thiện căn ấy, tự mình cũng thọ học, hoặc bằng, hoặc hơn. Như vậy Bồ-tát cùng người đồng sự nên gọi là Đồng sự của chư Bồ-tát. Hữu tình được giáo hóa, biết Bồ-tát đây cũng tu đồng sự, liền tự mình thọ học thiện căn kiên cố chắc chắn không thối chuyển. Vì có sao? Kia suy nghĩ: “Bồ-tát khuyên ta thọ học như thế, nhất định muốn làm lợi ích an lạc cho ta”. Do Bồ-tát dạy trao cho người, tức cũng tự mình thực hành. Nếu không thực hành sẽ không thể vì người làm lợi ích an lạc, Bồ-tát như vậy không phải đồng sự khích lệ dẫn dắt hữu tình. Có người sẽ hỏi: “Ông tự chẳng thể

thọ học thiện pháp, sao lại lấy thiện pháp khích lệ dạy trao dạy răn đối với người? Ông nên tự ân cần thưa hỏi thọ học dạy trao dạy răn”.

Có chư Bồ-tát đồng sự với người mà không tự hiển cùng người đồng sự. Đó là Bồ-tát cùng chư Bồ-tát khác đồng có công đức uy lực thủy đều ngang nhau, nhưng vì trọng đạo Bồ-tát, nên ẩn thiện của mình mà không hiển công đức uy lực; lại tự xem chư Bồ-tát khác là thầy, dù công đức uy lực của Bồ-tát này cùng Bồ-tát khác ngang nhau.

Có chư Bồ-tát chẳng phải đồng sự với người, mà tự hiển hiện cùng người đồng sự. Đó là chư Bồ-tát thấy có hữu tình tin hiểu hạ liệt, tâm sanh khiếp sợ nơi pháp thâm sâu, Bồ-tát liền chánh tư duy chọn lựa, muốn phương tiện dẫn hóa kẻ kia, nên tự hiện thân mình cùng kẻ kia đồng pháp, vào những nơi thấp hèn như dòng Chiên-đà-la cho đến hiện thân làm loài chó. Bồ-tát vì muốn điều phục, muốn giáo hóa, muốn làm nhiều ích, muốn trừ tai họa, nên sanh đồng phận trong loài chó, trong dòng họ Chiên-đà-la kia.

Có chư Bồ-tát đồng sự với người, cũng tự hiển hiện cùng người đồng sự. Đó là chư Bồ-tát thấy

hữu tình được giáo hóa, thọ học thiện căn vẫn còn bị khuynh động. Vì muốn kia trụ kiên cố, nên hiện thân cùng đồng sự hoặc bằng hoặc hơn.

Có chư Bồ-tát chẳng phải đồng sự với người, cũng chẳng tự hiển cùng người đồng sự. Đó là chư Bồ-tát tự hành phóng dật, xả bỏ việc lợi người.

Như vậy đã thuyết nhiều chủng của bố thí, trì giới, cho đến rốt sau rộng nói đồng sự. Trong đây, sở hữu Ba-la-mật-đa năng khiến Bồ-tát tự thành thực tất cả Phật pháp, sở hữu Nhiếp sự năng khiến Bồ-tát thành thực tất cả hữu tình. Nên biết đây lược nói tất cả nghiệp sở tác thiện pháp của chư Bồ-tát. Lại như trước đã nói có nhiều chủng bố thí, trì giới, cho đến rốt sau rộng nói đồng sự, rất nhiều như vậy là vô lượng thiện pháp trợ Bồ-đề phần.

Do ba nhân duyên nên biết *hiện hạnh*, đó là do ba nhân duyên của thân, ngữ, ý.

Do hai nhân duyên nên biết *tối thắng*, cũng gọi là *vô thượng*, cũng gọi là *bát cộng*, đó là do các thiện pháp kia rộng lớn, do không tạp nhiễm.

Nên biết trong đây, vì hữu tình không khác, vì sự không khác, vì thời không khác, gọi là rộng

lớn. *Hữu tình không khác*: chư Bồ-tát tu hành thiện căn bố thí... rộng khắp tất cả xứ sở hữu tình, rộng khắp tất cả pháp giới hữu tình, chẳng phải chuyên vì mình. *Sự không khác*: chư Bồ-tát tinh cần thọ học rộng khắp tất cả và tất cả chủng thiện căn bố thí... *Thời không khác*: chư Bồ-tát hoặc đêm, hoặc ngày, hiện pháp, hậu pháp, hằng thường không gián đoạn gia hạnh, không lìa gia hạnh, không xả thiện pháp. Do nhân đây thường hành thiện căn bố thí... không phế bỏ.

Nên biết trong đây, do bốn chủng tướng thành không tạp nhiễm: 1. Chư Bồ-tát tâm thường hoan hỷ tu các thiện pháp, do nhân duyên đây không khổ, không ưu, không thay đổi hối hận; 2. Chư Bồ-tát không tổn não người, không chấp trước kiến thú, không các tạp ác hạnh, tu hành vô lượng thiện căn bố thí...; 3. Chư Bồ-tát ân trọng khắp cả, ở nơi vô lượng thiện pháp bố thí... chỉ thấy công đức, chỉ thấy chân thật, chỉ thấy tịch tịnh; cực thiện chắc chắn, không theo duyên khác, không bị dẫn đoạt bởi các duyên khác; 4. Chư Bồ-tát không dựa vào nhân tu thiện bố thí... mà mong cầu quả dị thực, hoặc Chuyển luân vương, hoặc Thiên Đế Thích,

hoặc Ma, hoặc Phạm, cũng không ở nơi thí mong cầu người đáp trả. Không nương dựa bất kỳ việc gì, không nương tất cả danh dự cung kính thế tục, cho đến chẳng nương lợi dưỡng để tồn tại thân mạng. Do tướng như vậy nên thanh tịnh đồng hành hoan hỷ, không gì chẳng bình đẳng, ân trọng, không nương tựa mà tu hành bố thí... nói rộng cho đến đồng sự, nên biết có vô lượng thiện pháp, gọi là không tạp nhiễm.

Do ba nhân duyên nên biết *thanh tịnh*, đó là: do mạnh mẽ, do không động chuyển, do thiện thanh tịnh. Nếu chư Bồ-tát đã nhập Ý lạc thanh tịnh địa, tất cả thiện căn thấy đều mạnh mẽ, không động chuyển. *Mạnh mẽ*: vì ý lạc thanh tịnh của Bồ-tát đây, nên tất cả thiện pháp chẳng do tư trạch mà mạnh mẽ hiện tiền. *Không động*: vì ý lạc thanh tịnh của Bồ-tát đây, nên sở hữu thiện pháp tùy chỗ thành tựu, tùy chỗ tích tập đều không thối chuyển, ở đời đương lai không bị thối giảm. Bồ-tát trải qua ngày đêm như vậy, tự thân tận độ hết thấy, có được thiện pháp như phần trăng sáng, chỉ tăng không giảm. Nếu chư Bồ-tát trụ Đến cứu cánh địa, còn hệ thuộc thân hậu hữu cuối cùng, sở hữu

thiện pháp gọi là *thiện thanh tịnh*. Vượt qua địa đây, không còn có địa Bồ-tát nào nhiếp pháp thanh tịnh thù thắng hơn.

Như vậy, ban đầu từ Bồ thí... cho đến Đồng sự rốt sau có vô lượng thiện pháp, do ba nhân duyên nên biết hiện hạnh, do hai nhân duyên nên biết tối thắng, do ba nhân duyên nên biết thanh tịnh.

Trong đây, nếu nhiều tu tập, nếu thiện thanh tịnh, nếu đầy đủ viên mãn sở hữu Tất cả thí, Tất cả giới, nói rộng cho đến Tất cả đồng sự, năng chiêu cảm quả Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, thân kim cang kiên cố, chánh pháp cứu trụ.

Trong đây, nếu nhiều tu tập, nếu thiện thanh tịnh, nếu đầy đủ viên mãn sở hữu Khó hành thí, Khó hành giới, nói rộng cho đến Khó hành đồng sự, năng chiêu cảm quả pháp hy hữu kỳ đặc không gì sánh xứng của Như Lai.

Trong đây, nếu nhiều tu tập, nếu thiện thanh tịnh, nếu đầy đủ viên mãn sở hữu Tất cả môn thí, Tất cả môn giới, nói rộng cho đến Tất cả môn đồng sự, năng chiêu cảm tất cả quả tối thắng của Như Lai; hữu tình, trời, người cúng dường.

Trong đây, nếu nhiều tu tập, nếu thiện thanh

tịnh, nếu đầy đủ viên mãn sở hữu Thiện sĩ thí, Thiện sĩ giới, nói rộng cho đến Thiện sĩ đồng sự, năng chiêu cảm quả tối tôn tối thắng của Như Lai trong tất cả loài hữu tình, từ không chân, hai chân, bốn chân, nhiều chân, hữu sắc, vô sắc, hữu tướng, vô tướng, cùng với phi tướng phi phi tướng xứ.

Trong đây, nếu nhiều tu tập, nếu thiện thanh tịnh, nếu đầy đủ viên mãn sở hữu Tất cả chủng thí, Tất cả chủng giới, nói rộng cho đến Tất cả chủng đồng sự, năng chiêu cảm quả vô lượng phước đức thù thắng, ba mươi hai tướng Đại tượng phu, tám mươi tùy hảo trang nghiêm nơi thân của Như Lai.

Trong đây, nếu nhiều tu tập, nếu thiện thanh tịnh, nếu đầy đủ viên mãn sở hữu Thỏa mãn cầu thí, Thỏa mãn cầu giới, nói rộng cho đến Thỏa mãn cầu đồng sự, năng chiêu cảm quả ngôi tòa Bồ-đề của Như Lai, tất cả ma oán chẳng thể xúc não, chẳng thể khuynh động.

Trong đây, nếu nhiều tu tập, nếu thiện thanh tịnh, nếu đầy đủ viên mãn sở hữu Đời này đời khác vui thí, Đời này đời khác vui giới, nói rộng cho đến Đời này đời khác vui đồng sự, năng chiêu cảm quả lạc tối thắng tinh lự giải thoát đẳng trì đẳng chí

của Như Lai.

Trong đây, nếu nhiều tu tập, nếu thiện thanh tịnh, nếu đầy đủ viên mãn sở hữu Thanh tịnh thí, Thanh tịnh giới, nói rộng cho đến Thanh tịnh đồng sự, năng chiêu cảm quả bốn nhất thiết chủng thanh tịnh của Như Lai: sở y tịnh, sở duyên tịnh, tâm tịnh, trí tịnh; cũng chiêu cảm quả ba bất hộ, mười lực, bốn vô sở úy, ba niệm trụ, tất cả pháp Phật bất cộng, quả cực thanh tịnh của Như Lai.

Như vậy, thiện pháp của Bồ-tát từ Bồ thí... cho đến Đồng sự, năng chiêu cảm quả *Đến cứu cánh vô thượng*. Nên biết cũng chiêu cảm lưu chuyển sanh tử thuận Bồ-tát hạnh. Ngoài ra cũng thành tựu vô lượng vô biên quả thù thắng khả ái vô tội.



Quyển 44

Thứ 15. BỒ TÁT ĐỊA

Phần đầu TRÌ DU GIÀ XỨ

Phẩm 14. CÚNG DƯỜNG - THÂN CẬN - VÔ LƯỢNG

Sao gọi là cúng dường, thân cận, tu tập vô lượng của Bồ-tát? Ót-Đà-Nam thuyết:

Cúng Tam Bảo

Gần bạn lành

Tu vô lượng

Là rốt sau.

A. Cúng dường:

Sao gọi là Bồ-tát ở chỗ Như Lai, cúng dường Như Lai? Lược có 10 chủng: 1. Cúng dường xá-lợi; 2. Cúng dường tháp bảo; 3. Cúng dường hiện tiền; 4. Cúng dường không hiện tiền; 5. Tự mình thiết lễ cúng dường; 6. Dạy người thiết lễ cúng dường; 7. Cung kính cúng dường tài bảo; 8. Cúng dường rộng lớn; 9. Cúng dường vô nhiễm; 10. Cúng dường chánh hạnh.

1. Hoặc chư Bồ-tát tự thân hiện tiền cúng dường sắc thân của Như Lai. Đây gọi là cúng dường xá-lợi.

2. Hoặc chư Bồ-tát vì Như Lai dựng lập tất cả hoặc tháp, hoặc đền, hoặc đài, hoặc tháp cũ, hoặc tháp mới, trần thiết các thứ cúng dường. Đây gọi là cúng dường tháp bảo.

3. Hoặc chư Bồ-tát đối với thân Như Lai hay tháp mới, hoặc tự mình đối diện, hoặc tự mình chăm chú nhìn mà trần thiết cúng dường. Đây gọi là cúng dường hiện tiền.

Hoặc chư Bồ-tát đối trước Như Lai và tháp, lúc hiện tiền sắp bày bố thí cúng dường đầy đủ, tâm cùng ý lạc tăng thượng, tâm cùng tịnh tín phát khởi, suy nghĩ thế này: “Hoặc pháp tánh của một Như Lai, tức là pháp tánh của tất cả Như Lai quá khứ, vị lai, hiện tại. Hoặc pháp tánh của một tháp Như Lai, tức là pháp tánh của tất cả tháp Như Lai trong mười phương tất cả thế giới không ngần không mé. Cho nên nay tôi hiện cúng Như Lai, tức là cúng dường ba đời tất cả Như Lai. Nay tôi hiện cúng tháp, tức là cúng dường tháp mười phương tất cả thế giới không ngần không mé hoặc

đền, hoặc đài, hoặc tháp cũ, hoặc tháp mới”. Đây gọi là Bồ-tát cúng dường hiện tiền, không hiện tiền tất cả Như Lai và tháp.

4. Hoặc chư Bồ-tát đối với những nơi không hiện tiền tất cả Như Lai và tháp, liền tác tượng đến Như Lai, rộng vì ba đời tất cả Như Lai, tất cả mười phương tháp Như Lai mà thi thiết cúng dường. Đây gọi là Bồ-tát cúng dường không hiện tiền Như Lai và tháp.

Hoặc sau khi Phật nhập Niết-bàn, chư Bồ-tát vì Như Lai tạo lập hình tượng, hoặc tháp, hoặc điện, hoặc đài. Tùy lực, tùy khả năng mà dựng lập hoặc một, hoặc hai, hoặc nhiều, cho đến trăm ngàn muôn muôn ức số... Bồ-tát đối với Như Lai thiết lập cúng dường rộng lớn không hiện tiền như vậy, sẽ gặt hái vô lượng quả đại phước đức, nhiếp thọ vô lượng phước Đại phạm rộng lớn. Do đây Bồ-tát năng ở trong vô lượng kiếp, đại kiếp, không đọa vào đường ác. Do nhân duyên đây, tư lương Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề không gì không viên mãn.

Trong đây, chư Bồ-tát nếu cúng dường hiện tiền Phật và tháp, nên biết gặt hái quả đại phước;

nếu cúng dường không hiện tiền Phật và tháp, sẽ gặt hái quả đại đại phước; nếu cúng dường hiện tiền, không hiện tiền Phật và tháp, sẽ gặt hái quả tối đại phước không gì sánh được.

5. Hoặc chư Bồ-tát đối với Như Lai và tháp, tự tay mình thiết lễ cúng dường, không sai khiến tôi tớ, không nhờ bạn bè, dân chúng, quyến thuộc, không nương phóng dật giải đãi lười biếng. Đây gọi là tự mình thiết lễ cúng dường của Bồ-tát.

Hoặc đối với Như Lai và tháp, chư Bồ-tát muốn thiết lễ cúng dường, chẳng phải chỉ tự làm mà còn khuyến khích hoặc cha mẹ, vợ con, tôi tớ, bạn bè, dân chúng, quyến thuộc cùng làm, hoặc quốc vương, vương tử, đại thân, trưởng giả, cư sĩ cùng làm, hoặc Bà-la-môn cùng làm, hoặc quốc ấp tụ lạc, thương chủ nhiều tài bảo, dưới cho đến hết thầy nam nữ, lớn nhỏ nghèo cùng, tất cả người khổ dòng Chiên-đà-la cùng làm, hoặc thân giáo sư, quý phạm sư, những người cộng trú, cận trú, người đồng phạm hạnh, các vị xuất gia, hết thầy chúng ngoại đạo cùng làm. Bồ-tát khiến họ đối với Như Lai và tháp, tùy sức tùy khả năng sắp xếp các sự cúng dường. Đây gọi là mình và người cùng cúng dường của Bồ-tát.

6. Hoặc chư Bồ-tát hiện có ít tài vật đem dâng cúng, hưng khởi tâm bi mẫn, suy nghĩ thí cho người nghèo khổ thiếu phước không sức kia, khiến họ dùng vật thí đó cúng dường hoặc Như Lai hoặc tháp, nguyện người kia ở đời vị lai thọ nhiều an lạc. Người kia được vật đây dùng để cúng dường Như Lai và tháp. Bồ-tát đối với việc ấy, tự mình không làm việc cúng dường. Đây gọi là chỉ dạy người cúng dường của Bồ-tát.

Trong đây, chư Bồ-tát nếu tự mình cúng dường Phật và tháp, chỉ gặt hái quả đại phước; nếu chỉ dạy người cúng dường, sẽ gặt hái quả đại đại phước; nếu mình và người cùng cúng dường, sẽ gặt hái quả tối đại phước không gì sánh được.

7. Hoặc chư Bồ-tát đối với Như Lai và tháp Như Lai, hoặc dùng các thứ y phục, thức ăn uống, ngọc cụ, thuốc trị bệnh cùng các tạp vật nuôi thân... để cúng dường. Chắp tay thành kính lễ bái, dâng cúng chuông chuông huân hương, mặt hương, đồ hương, tràng hoa, kỹ nhạc, tràng phan, bảo cái, đèn sáng. Ca tụng khen ngợi, năm luân quy mạng, đi nhiều quanh bên phải mà vì cúng dường. Hoặc phụng cúng thí vô lượng tiền của. Hoặc phụng thí ma-ni,

trân châu, lưu ly, loa bối, bích ngọc, san hô, xa cừ, mã não, hổ phách, kim ngân, xích châu... tất cả trân bảo như vậy. Hoặc lại phụng thí các thứ trang sức như vòng đeo tay, vòng đeo tai... cho đến phụng thí chuông chuông linh báu. Hoặc phân phát các thứ trân kỳ quý lạ, buộc dây lụa báu mà vì cúng dường. Đây gọi là Bồ-tát đối với Như Lai và tháp cung kính cúng dường tài bảo.

8. Hoặc chư Bồ-tát đối với Như Lai và tháp, trường thời sắp đặt cung kính cúng dường tài bảo như trên, hoặc cúng vật dụng nhiều, hoặc cúng vật dụng thượng diệu, hoặc hiện tiền, hoặc không hiện tiền, hoặc tự mình làm, hoặc dạy người làm, hoặc tâm thanh tịnh thẳng giải mạnh mẽ hiện tiền cúng dường, dùng các chủng thiện căn như vậy hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Bảy chủng như vậy gọi là cúng dường rộng lớn của Bồ-tát.

9. Hoặc chư Bồ-tát đối với Như Lai và tháp tự tay cúng dường, không ôm tâm khinh mạn bảo người cúng dường. Không trụ phóng dật giải đãi, lười biếng bất kính mà thiết lễ cúng dường. Không khinh khi trích thượng, tâm không xao lãng, tâm không tạp nhiễm mà thiết lễ cúng dường. Không

được vì tiền của cung kính, mà đối trước quốc vương, đại thần, các nhà tôn quý tin Phật, giả dối bày đặt chửi chửi việc cúng dường hư vọng. Không dùng màu sắc lòe loẹt, không dùng chửi chửi hương cục-quật-la, át-già-la... cùng vật bất tịnh khác để cúng dường. Sáu chửi như vậy gọi là cúng dường không nhiệm của Bồ-tát.

Lại chư Bồ-tát lúc dùng tài bảo rộng lớn, không nhiệm cung kính cúng dường Như Lai và tháp như vậy, tài bảo thu được hoặc do năng lực tự tay mình tích chứa, hoặc do từ người mà cầu, hoặc có được đầy đủ tài bảo tự tại, năng làm vô lượng việc cúng dường như vậy.

Chư Bồ-tát đã được đầy đủ tự tại, hóa thân làm hoặc một, hoặc hai, hoặc rất nhiều, cho đến trăm ngàn muôn muôn ức số... tất cả thân đây đều đối trước Như Lai và tháp cung kính lễ bái. Lại từ mỗi mỗi hóa thân như vậy, hóa ra nhiều tay, hoặc trăm, hoặc ngàn, hoặc quá số đây. Tất cả tay đây đều cầm vô lượng hương hoa mỹ diệu của các cõi trời, chửi chửi thân bảo thù thắng khả ái phụng rải lên Như Lai và tháp. Lại từ tất cả hóa thân như vậy, hóa xuất vô lượng âm thanh thượng diệu

ca ngợi công đức chân thật thắm sâu rộng lớn của Như Lai. Lại từ tất cả hóa thân như vậy, hóa xuất vô lượng vòng xuyên, các thứ trang nghiêm tối thượng tối diệu, cùng chủng chủng tràng phan bảo cái cúng dường đầy đủ Như Lai và tháp. Tất cả việc như vậy, Bồ-tát đã thành tựu tự tại đầy đủ trong việc thiết lập cúng dường, đều thuộc tự tâm. Bồ-tát như vậy lại không mong cầu Như Lai ra đời. Vì có sao? Vì Bồ-tát đây đã được chứng nhập Bất thối chuyển địa, qua lại tất cả quốc độ chư Phật đều không ngăn ngại để mà cúng dường.

Lại chư Bồ-tát hoặc không đủ lực tích tập tài bảo, cũng không từ người cầu để có được tài bảo, cũng không thu hoạch tài bảo đầy đủ tự tại để sắp đặt cúng dường. Nhưng ở nơi sở hữu hoặc Thiệm bộ châu, hoặc bốn đại châu, hoặc ở ngàn thế giới, hoặc ở hai ngàn thế giới, hoặc Tam thiên đại thiên thế giới, cho đến mười phương không ngần không mé các thế giới, phẩm thượng, trung, hạ, cúng dường đầy đủ tất cả Như Lai. Bồ-tát ở nơi các việc kia, dùng tâm tịnh tín đồng hành thắng giải, tư duy tùy hỷ rộng khắp tất cả. Bồ-tát như vậy ít dùng công sức mà phát khởi cúng dường rộng lớn vô biên,

nhiếp thọ tư lương Bồ-đề rộng lớn. Bồ-tát ở nơi đây, hằng thời không gián đoạn khởi tâm chân thiện, khởi tâm hoan hỷ, tinh cần tu học.

10. Hoặc chư Bồ-tát, ít thời ít thời, thoảng chốc thoảng chốc, cho đến như chừng mảy lông, rộng khắp tất cả hữu tình cho đến loài xuẩn động, tâm đồng tu tập từ, bi, hỷ, xả. Nơi tất cả hành tu tướng vô thường, tướng vô thường khổ, tướng khổ vô ngã. Đối với Niết-bàn tu tướng thù thắng lợi ích. Đối với Phật, Pháp, Tăng, Ba-la-mật-đa, tu tập tùy niệm. Tuy ít thời ít thời, thoảng chốc thoảng chốc, mà ở nơi tất cả pháp, trí Nhẫn phẩm hạ tin hiểu chân như, pháp tánh lìa lời, tâm trụ vô phân biệt, trụ vô tướng còn sanh khởi ít phần, hà hướng đối việc đây thực hành hơn thời gian như vậy.

Như vậy, Bồ-tát thủ hộ luật nghi giới đã thọ, tinh siêng tu học pháp Xa-ma-tha, pháp Tỳ-bát-xá-na, pháp Bồ-đề phần; chân chánh siêng tu học tất cả Ba-la-mật-đa và các nhiếp sự. Đây gọi là cúng dường chánh hạnh của Bồ-tát. Cúng dường như vậy là tối bậc nhất, tối thượng, tối thắng, tối diệu không gì vượt hơn. Cúng dường như vậy vượt quá việc dùng tất cả chủng đầy đủ cúng dường ở

phần trước trăm lần, ngàn lần, cho đến ô-ba-ni-sát-đàm lần.

Mười tướng đây đều gọi là đầy đủ tất cả chủng cúng dường Như Lai. Như cúng dường Phật, thì cúng dường hoặc Pháp, hoặc Tăng, tùy chỗ thích hợp phải biết cũng vậy.

Như vậy, Bồ-tát cúng dường Tam bảo có 10 chủng. Lúc phát khởi cúng dường, phải nên duyên Như Lai sanh khởi sáu chủng ý vui tăng thượng: 1. Ý vui tăng thượng ruộng công đức rộng lớn không gì hơn; 2. Ý vui tăng thượng có ân đức rộng lớn không gì hơn; 3. Ý vui tăng thượng rất tôn quý trong tất cả loài hữu tình không chân, hai chân và nhiều chân; 4. Ý vui tăng thượng như hoa ưu-đàm vi diệu rất khó gặp; 5. Ý vui tăng thượng xuất hiện độc nhất trong tam thiên đại thiên thế giới; 6. Ý vui tăng thượng là chỗ nương của tất cả nghĩa, khiến viên mãn tất cả công đức của thế gian và xuất thế gian. Do sáu chủng ý vui tăng thượng đây, Bồ-tát đối với Như Lai, hoặc Pháp, hoặc Tăng, tuy tư duy chút phần hãy còn gặt hái quả công đức vô lượng, hà huống nhiều tư duy.

B. Thân cận:

Bồ-tát thành tựu bao nhiêu tướng năng làm bạn lành? Bao nhiêu chủng tướng năng làm bạn lành không hư dối? Thành tựu bao nhiêu tướng khiến tánh bạn lành làm chỗ nương tựa tin tưởng? Bồ-tát bạn lành có bao nhiêu chủng năng làm các việc bạn lành giáo hóa chúng sanh? Bồ-tát có bao nhiêu chủng thân cận bạn lành? Bao nhiêu chủng tướng nên ở nơi bạn lành lắng nghe chánh pháp? Có bao nhiêu chủng xứ, khi ở nơi bạn lành lắng nghe chánh pháp, không tác ý khác đối với vị thầy thuyết pháp?

1. Nên biết Bồ-tát thành tựu tám chi năng viên mãn các tướng bạn lành: 1. An trụ giới, tức là diệu khéo an trụ ở trong luật nghi giới Bồ-tát không khuyết không hở; 2. Đa văn, tức là thành tựu giác tuệ; 3. Chứng đầy đủ, tức là tùy thuận các phẩm thiện thù thắng do tu mà thành tựu như là pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na; 4. Trong tâm đầy đủ từ bi ai mẫn, tức là năng xả tự kỷ, hiện pháp lạc trú, tinh siêng không lười mỗi đối với việc nhiều ích người; 5. Vô úy, tức là khi vì người tuyên thuyết dạy trao chánh pháp, không do hãi sợ khiến quên

mất nhớ nghĩ; 6. Thấy đều năng kham nhẫn, tức là đối với sự cười nhạo khinh miệt, đối với lời nói chống trái không kính quý, đối với hết thấy lời nói phi ái, đối với chủng chủng ác hạnh, thấy đều năng kham nhẫn; 7. Không mỗi một, tức là dùng tất cả năng lực mạnh mẽ có được, nhiều tư trách, vì bốn chúng tuyên thuyết chánh pháp, dùng lời nói không rắc rối, dễ nghe dễ hiểu, tâm không nhàm chán mỗi một; 8. Khéo dùng từ, tức là dùng ngôn ngữ đầy đủ viên mãn, dùng ngôn từ biện biệt rõ ràng, không hoại mất pháp tánh.

2. Chư Bồ-tát đầy đủ các đức tương ưng năm chủng tướng, năng làm bạn lành không hư dối: 1. Đối với người, trước muốn cầu làm lợi ích an lạc; 2. Đối với lợi ích an lạc của kia, như thật biết rõ tường tận, hiểu biết không điên đảo; 3. Đối với người, khéo quyền phương tiện thuận thời nghi thuyết pháp, có lực có khả năng trong việc điều phục; 4. Tâm nhiều ích không nhàm mỏi; 5. Đối với các hữu tình ở phẩm liệt, phẩm trung, phẩm thắng, tâm không thiên lệch, đầy đủ đại bi bình đẳng.

3. Chư Bồ-tát thành tựu năm tướng khiến tánh

bạn lành làm chỗ nương tựa tin tưởng, khiến người ở xa nghe được cũng hết lòng sanh tịnh tín, hướng là những người gần gũi thấy được: 1. Thắng diệu, oai nghi viên mãn, oai nghi tịch tĩnh, oai nghi đầy đủ, tất cả chi phần đều không tháo động; 2. Thành khẩn cung kính, ba nghiệp hiện hành không trạo cử, không nhiễu loạn; 3. Không kiêu mạn, không giả hiện oai nghi nghiêm chỉnh để dối gạt người; 4. Không ganh ghét, trọn không được đối với lợi dưỡng cung kính của người thuyết pháp mà sanh khởi không kham nhẫn; lại thường khuyến thỉnh người thuyết pháp, cũng hằng khuyến thỉnh người khác rộng thí lợi dưỡng cung kính đối với vị kia, tâm không siểm nịnh dối trá, tâm thuần tịnh với người; thấy người thuyết pháp thu được tài bảo cung kính, sanh sâu tùy hỷ như chính mình được lợi dưỡng cung kính; thấy người được lợi dưỡng cung kính, tâm hoan hỷ vượt hơn như vậy; 5. Tiết kiệm đơn giản, cất chứa rất ít các vật dụng, tùy được, tùy xả.

4. Bồ-tát bạn lành do năm chủng tướng năng làm bạn lành giáo hóa chúng sanh: 1. Năng khuyên can khiến dừng dứt lỗi lầm; 2. Năng khiến nhớ

ngĩ; 3. Năng dạy trao; 4. Năng dạy răn; 5. Năng thuyết pháp. Các câu như vậy nên biết đã biện trong *Dạy răn dạy trao* của *Thanh văn địa*, rộng như phẩm “*Chúng tánh lực*” ở trước.

5. Do bốn chủng tướng khiến Bồ-tát viên mãn thân cận bạn lành: 1. Đối với bạn lành có bệnh, không bệnh, tùy thời chăm sóc cung cấp, hằng thời phát khởi tịnh tín thương quý; 2. Đối với bạn lành, tùy thời kính hỏi, lễ bái đón tiếp, chấp tay ân cần, tu nghiệp hòa kính mà vì cúng dường; 3. Đối với bạn lành, tùy thời như pháp cúng dường y phục, thức ăn uống, ngọa cụ, thuốc trị bệnh, các vật nuôi thân; 4. Đối với bạn lành ở nơi nghĩa hoặc hòa hợp hoặc chia lìa đã như pháp tùy chuyển tự tại, không bị khuynh động, thì xem là chỗ nương tựa chân chánh, như thật hiển phát, tâm thuận hành như lời dạy, tùy thời đến đi, cung kính phụng sự, thưa hỏi nghe thọ.

6. Chư Bồ-tát lúc muốn thỉnh pháp, nên năng thuận theo bạn lành lắng nghe chánh pháp, khởi năm chủng tướng: 1. Nghĩ tưởng “*Thật quý báu*”, vì nghĩa khó được; 2. Nghĩ tưởng “*Là mất*”, vì nghĩa tánh nhân năng đắc diệu tuệ câu sanh rộng lớn; 3.

Nghĩ tưởng “Sáng suốt”, vì nghĩa tuệ nhãn câu sanh rộng lớn, soi chiếu tất cả chúng sở tri như thật; 4. Nghĩ tưởng “Quá rộng lớn, công đức thù thắng”, vì nghĩa tánh nhân năng đặc Niết-bàn và dấu tích vi diệu của ba Bồ-đề vô thượng; 5. Nghĩ tưởng “Hoan hỷ rộng lớn không tội”, vì nghĩa hiện pháp chưa đặc Niết-bàn cùng ba Bồ-đề, thì ở nơi pháp Chỉ Quán như thật điều luyện, tánh nhân của lạc rộng lớn không tội.

7. Chư Bồ-tát khi muốn từ bạn lành lắng nghe chánh pháp, chỉ đem tâm thuần tịnh để lắng nghe chánh pháp, có năm chủng khiến không tác ý khác đối với người thuyết pháp: 1. Đối với người phạm giới, không tác ý khác; tức là không phát khởi tâm “Đây là người phá giới, không an trụ luật nghi, ta nay chẳng nên theo kia để nghe pháp”; 2. Đối với người thuộc dòng tộc thấp kém, không tác ý khác; tức là không khởi tâm “Đây là người chủng tánh thấp kém, ta nay chẳng nên theo kia để nghe pháp”; 3. Đối với người dung mạo xấu, không tác ý khác; tức là chẳng khởi tâm “Đây là người xấu xí, ta nay chẳng nên theo kia để nghe pháp”; 4. Đối với người văn dở, không tác ý khác; tức là chẳng khởi tâm

“Kia ở nơi ngôn từ chẳng khéo văn hoa, ta nay chẳng nên theo kia để nghe pháp”, nên chỉ nương nghĩa, không nương văn; 5. Đối với người phát lời không vi diệu, không tác ý khác; tức là chẳng khởi tâm “Đây là lời thô ác, nhiều phần khuể, chẳng dùng lời mỹ diệu để thuyết các pháp, ta nay chẳng nên theo kia để nghe pháp”.

Bồ-tát khi muốn nghe pháp, không nên tác ý năm điều như vậy, chỉ nên cung kính nhiếp thọ chánh pháp. Đối với vị pháp sư chưa từng gặp mặt, nếu Bồ-tát có huệ yếu kém, tâm sanh khinh thường, chẳng muốn theo để nghe chánh pháp, nên biết hành động đây chẳng cầu tự lợi, lui mất thắng tuệ.

C. Vô lượng:

Sao gọi là Bồ-tát tu bốn vô lượng Từ, Bi, Hỷ, Xả? Lược có 3 chủng tu bốn vô lượng của chư Bồ-tát: 1. Vô lượng duyên hữu tình; 2. Vô lượng duyên pháp; 3. Vô lượng duyên không.

Hoặc chư Bồ-tát đối với ba tụ của tất cả hữu tình đây, an lập là không khổ không vui, có khổ, có vui. Trước tiên, đối với hữu tình muốn cầu vui, Bồ-tát phát khởi ý lạc tăng thượng cho vui, thắng

giải hữu tình duyên khắp mười phương, an trụ không điên đảo, tu tâm câu hữu với Từ. Đây gọi là *Từ duyên hữu tình*.

Hoặc chư Bồ-tát trụ tướng “chỉ có pháp, giả nói hữu tình”, tu tâm câu hữu với Từ. Đây gọi là *Từ duyên pháp*.

Hoặc chư Bồ-tát ở nơi pháp, xa lìa phân biệt, tu tâm câu hữu với Từ. Đây gọi là *Từ duyên không*.

Như Từ duyên ba loại sai biệt là duyên hữu tình, duyên pháp, duyên không, thì Bi, Hỷ, Xả nên biết cũng vậy.

Hoặc chư Bồ-tát đối với người có khổ, phát khởi ý lạc tăng thượng trừ khổ rộng khắp mười phương, tu tâm câu hữu với Bi. Đây gọi là Bi.

Hoặc chư Bồ-tát đối với người có vui, phát khởi ý lạc tăng thượng tùy hỷ rộng khắp mười phương, tu tâm câu hữu với Hỷ. Đây gọi là Hỷ.

Hoặc chư Bồ-tát đối với hữu tình không khổ không vui, có khổ, có vui, tùy theo thứ lớp mà phát khởi ý lạc tăng thượng, xa lìa si sân tham, rộng duyên khắp mười phương, tu tâm câu hữu với Xả. Đây gọi là Xả. Trong đây, vô lượng Từ, Bi, Hỷ, Xả nếu duyên hữu tình, thì tướng đây cùng chung với

các ngoại đạo; nếu duyên pháp, thì tướng đây cùng chung với các Thanh văn, Độc giác, không cùng chung với các ngoại đạo.

Lại ba chủng vô lượng Từ, Bi, Hỷ của Bồ-tát nên biết nhiếp vào ý vui an lạc. Một chủng vô lượng Xả của Bồ-tát nên biết nhiếp vào ý vui lợi ích. Tất cả vô lượng của Bồ-tát như vậy gọi là ai mãn. Vì chư Bồ-tát nương đây thành tựu, cho nên gọi là bậc Ai mãn. Trong đây Bồ-tát đối với hữu tình giới, quán thấy có 110 chủng khổ, nên tu vô lượng Bi đối với các hữu tình.

Những gì gọi là 110 chủng khổ? Có 1 chủng khổ nương khổ của sự lưu chuyển không khác biệt. Tất cả hữu tình, không hữu tình nào chẳng đọa khổ lưu chuyển.

Lại có 2 khổ: 1. Dục là căn bản khổ, như sự vật khả ái bị biến hoại, do đây phát sanh khổ; 2. Si dị thực phát sanh khổ. Như thân thể lãnh thọ mạnh mẽ sự xúc chạm, tức ở nơi tự thể chấp ngã, ngã sở, ngu si mê muội sanh giận dữ oán thán. Do nhân duyên đây thọ nhận hai mũi tên thọ, đó là thân thọ mũi tên khổ và tâm thọ mũi tên khổ.

Lại có 3 khổ: 1. Khổ khổ; 2. Hành khổ; 3.

Hoại khổ.

Lại có 4 khổ: 1. Biệt ly khổ, đó là khổ phát sanh do thương yêu mà phải chia lìa; 2. Đoạn hoại khổ, đó là khổ phát sanh do chết, xa lìa chúng đồng phạm; 3. Tương tục khổ, đó là khổ phát sanh do từ đây về sau, lớp lớp sanh tử triển chuyển tiếp nối không dừng; 4. Rốt ráo khổ, đó là nhất định không có pháp Bát-niết-bàn.

Lại có 5 khổ, đó là năm thủ uẩn khổ của các loại hữu tình: 1. Khổ phát sanh do duyên tham dục triền; 2. Khổ phát sanh do duyên sân khuể triền; 3. Khổ phát sanh do duyên hôn trầm thùy miên triền; 4. Khổ phát sanh do duyên trạo cử ác tác triền; 5. Khổ phát sanh do duyên nghi cái triền.

Lại có 6 khổ: 1. Nhân khổ, vì tích tập nhân đi vào nẻo ác; 2. Quả khổ, vì sanh vào các đường ác; 3. Cầu tiền của, địa vị khổ; 4. Siêng năng giữ gìn khổ; 5. Không chán đủ khổ; 6. Biến hoại khổ. Sáu chủng như vậy nói chung là khổ.

Lại có 7 khổ: 1. Sanh khổ; 2. Già khổ; 3. Bệnh khổ; 4. Chết khổ; 5. Oán ghét gặp nhau mà khổ; 6. Thương yêu chia lìa mà khổ; 7. Mong cầu chẳng được mà khổ.

Lại có 8 khổ: 1. Lạnh khổ; 2. Nóng khổ; 3. Đói khổ; 4. Khát khổ; 5. Không tự tại khổ; 6. Tự bức não khổ, đó là các ngoại đạo như Vô Hệ...; 7. Bức não của những điều khác nên khổ, như sự xúc chạm do người khác cầm các vật ném quăng, xúc chạm của ruồi muỗi; 8. Giữ một loại oai nghi trong thời gian dài nên khổ.

Lại có 9 khổ: 1. Tự suy tổn khổ; 2. Người làm suy tổn khổ; 3. Thân thuộc suy tổn khổ; 4. Tiền của, địa vị suy tổn khổ; 5. Trước không bệnh, sau bị suy tổn khổ; 6. Giới suy tổn khổ; 7. Thấy suy tổn khổ; 8. Hiện pháp khổ; 9. Hậu pháp khổ.

Lại có 10 khổ: 1. Thiếu thốn các thứ để ăn nên khổ; 2. Thiếu thốn các thứ để uống nên khổ; 3. Thiếu thốn các phương tiện đi lại nên khổ; 4. Thiếu các thứ y phục nên khổ; 5. Thiếu thốn các thứ trang nghiêm nên khổ; 6. Thiếu thốn các vật dụng nên khổ; 7. Thiếu thốn hương hoa trang sức nên khổ; 8. Thiếu thốn kỹ nhạc, ca múa nên khổ; 9. Thiếu các thứ đèn sáng nên khổ; 10. Thiếu kẻ nam, người nữ phụng sự nên khổ.

Ngoài ra lại có 9 chủng khổ: 1. Tất cả khổ; 2. Rộng lớn khổ; 3. Tất cả môn khổ; 4. Tà hạnh khổ;

5. Lưu chuyển khổ; 6. Không toại ý nên khổ; 7. Chia rẽ khổ; 8. Rong ruổi khổ; 9. Tất cả chủng khổ.

Trong *tất cả khổ* lại có 2 khổ: 1. Nhân đời trước phát sanh khổ; 2. Duyên hiện tại phát sanh khổ.

Trong *rộng lớn khổ* lại có 4 khổ: 1. Trường thời khổ; 2. Mãnh liệt khổ; 3. Tạp loại khổ; 4. Không gián đoạn khổ.

Trong *tất cả môn khổ* cũng có 4 khổ: 1. Địa ngục khổ; 2. Bàn sanh khổ; 3. Thế giới quý khổ; 4. Niếp vào đường thiện khổ.

Trong *tà hạnh khổ* lại có 5 khổ: 1. Do hiện tại xúc phạm người, người làm việc chẳng nhiều ích nên phát sanh khổ; 2. Do thọ dụng thức ăn uống không điều hòa, tứ đại không quân bình nên phát sanh khổ; 3. Do hiện pháp gặp khổ bức bách, tự nhiên tạo tác phát khởi khổ; 4. Do hằng ở trong tác ý phi lý, nên thọ các phiền não và tùy phiền não triền khiến sanh khởi các khổ; 5. Do phát khởi chủng chủng thân ngữ ý ác hạnh, dẫn đến đời sau thọ các khổ ở đường ác.

Trong *lưu chuyển khổ* lại có 6 chủng lưu chuyển sanh tử bất định, chỗ phát sanh khổ: 1. Tự thân

bất định, như là trước kia đã từng làm chủ, về sau làm tôi tớ; 2. Cha mẹ bất định; 3. Vợ con bất định; 4. Tôi tớ sai khiến bất định; 5. Bạn bè, quan chức, quyến thuộc bất định, như là trước kia từng làm cha mẹ cho đến quyến thuộc, đời sau xoay vần chuyển lưu thành kẻ oan gia và ác tri thức; 6. Tiền tài, địa vị bất định, như là trước kia từng giàu có sung túc, về sau nghèo cùng khốn khổ.

Trong *không toại ý nên khổ* có 7 chủng: 1. Muốn cầu trường thọ nhưng sanh mạng ngắn ngủi, không toại ý nên khổ; 2. Muốn cầu đonan chánh nhưng sanh xấu xí, không toại ý nên khổ; 3. Muốn sanh dòng tộc cao sang nhưng lại sanh dòng bản tiện, không toại ý nên khổ; 4. Muốn cầu giàu có lại sanh nghèo hèn, không toại ý nên khổ; 5. Muốn cầu sức mạnh nhưng lại sanh yếu kém, không toại ý nên khổ; 6. Muốn cầu hiểu biết các cảnh giới sở tri, nhưng ngu si vô trí hiện hành, không toại ý nên sanh khổ; 7. Muốn cầu hơn người nhưng trái lại người hơn, không toại ý nên sanh khổ.

Trong *chia rẽ nên khổ* lại có 8 chủng: 1. Người tại gia có vợ con... bị tổn giảm nên khổ; 2. Người xuất gia vẫn còn hết thấy tham phiền não hưng

thạnh nên khổ; 3. Cơ hiểm nên khổ; 4. Oán địch bức bách nên khổ; 5. Sống ở nơi nguy hiểm hoang vắng, bị sợ hãi bức bách nên khổ; 6. Hệ thuộc người nên khổ; 7. Chi phần không đầy đủ, bị tổn nã nên khổ; 8. Bị giết hại, trói cột, xua đuổi, đánh đập, bức nã nên khổ.

Trong *rong ruổi theo khổ* có 9 khổ, đó là nương tám pháp thế gian có tám chủng khổ: 1. Pháp hoại, đến lúc hoại khổ; 2. Pháp tận, đến lúc tận khổ; 3. Pháp già, đến lúc già khổ; 4. Pháp bệnh, đến lúc bệnh khổ; 5. Pháp chết, đến lúc chết khổ; 6. Không lợi nên khổ; 7. Không tiếng khen nên khổ; 8. Bị sự chê trách nên khổ. Đây là tám khổ. Thêm mong cầu nên khổ là 9.

Trong *tất cả chủng khổ* có 10 khổ, đó là ngược lại với năm lạc đã nói ở trước, là năm chủng khổ: 1. Nhân khổ; 2. Thọ khổ; 3. Duy chỉ không lạc, khổ; 4. Thọ không đoạn dứt, khổ; 5. Xuất ly, viễn ly, tịch tĩnh, Bồ-đề, vui sở trị, nhà, kiết Dục giới, tâm, dị sanh khổ. Đây gọi là năm khổ.

Lại có 5 khổ: 1. Bức bách nên khổ; 2. Thiếu thốn các thứ vật chất nên khổ; 3. Tứ đại không quân bình nên khổ; 4. Thương yêu nhưng bị biến

hoại nên khổ; 5. Ba cõi phiền não phẩm thô trọng nên khổ. Đây gọi là năm khổ. Trước có năm, đây có năm, cộng chung là mười khổ. Đây gọi là tất cả chủng khổ.

Trước có 55, nay có 55, tổng cộng có 110 chủng khổ. Bồ-tát ở nơi cảnh giới sở duyên Bi, vì duyên cảnh đây nên chư Bồ-tát sanh khởi tu tập tăng trưởng viên mãn tâm Bi.

Lại chư Bồ-tát ở nơi khổ uẩn lớn, duyên 19 khổ phát khởi Đại Bi. Những gì là 19 khổ? 1. Ngu si dị thực khổ; 2. Hành khổ nhiếp lấy khổ; 3. Rốt ráo khổ; 4. Nhân khổ; 5. Sanh khổ; 6. Tự làm bức não khổ; 7. Giới suy tổn khổ; 8. Kiến suy tổn khổ; 9. Nhân đời trước khổ; 10. Rộng lớn khổ; 11. Địa ngục khổ; 12. Đường thiện nhiếp lấy khổ; 13. Tất cả tà hạnh phát sanh khổ; 14. Tất cả lưu chuyển khổ; 15. Vô trí khổ; 16. Tăng trưởng khổ; 17. Rong ruổi khổ; 18. Thọ khổ; 19. Thô trọng khổ.

Do bốn duyên nên Bi được gọi là Đại Bi: 1. Do duyên khổ của hữu tình thắm sâu, vi tế khó rõ làm cảnh sanh Bi; 2. Do trường thời tích tập mà thành, đó là chư Bồ-tát trải qua vô lượng trăm ngàn đại kiếp tích tập thành tựu; 3. Do tác ý mạnh mẽ nơi

sở duyên mà phát khởi. Đó là chư Bồ-tát giữ gìn tác ý Bi đây, vì nhân duyên dứt các khổ hữu tình nên năng xả bỏ trăm ngàn thân mạng cùng với tài bảo, hà huống một thân mạng; đều năng kham nhẫn ở nơi tất cả thống khổ; 4. Cực thanh tịnh, đó là chư Bồ-tát đã đạt đến rốt ráo thanh tịnh của Bồ-tát, hay chư Như Lai đạt đến thanh tịnh Phật địa Như Lai.

Lại chư Bồ-tát do 110 chủng khổ đã nói ở trước, đối với các hữu tình lúc tu tâm Bi, tức là tu tập tất cả sở hữu tâm Bi của Bồ-tát. Lại năng nhanh chóng chứng ý lạc thanh tịnh, chứng nhập Ý lạc thanh tịnh địa của Bồ-tát. Đối với các hữu tình, Bồ-tát thành tựu tâm rất gần gũi, tâm rất nhớ quý, tâm muốn thi ân, tâm không nhàm mỏi, tâm thay thế chịu khổ, tâm có thể kham nhẫn tự tại, nhu hòa uyển chuyển. Chư Thánh Thanh văn đã đắc chứng nhập khổ để hiện quán, đã đạt đến rốt ráo, ở nơi khổ, tâm đồng hành nhằm chán sâu xa tương tục mà chuyển. Bồ-tát không như thế, xem thấy chúng sanh bị đọa trong số 110 chủng cực khổ uẩn lớn, trước tiên hành tâm Bi đối với các hữu tình. Như vậy, Bồ-tát lấy sự tu tập Bi mà

huân ướp nơi tâm, đối với các sự trong ngoài, không có chút phần nào mà chẳng thể xả, không có giới luật nghi nào mà chẳng thể học, không người oán hại nào mà chẳng thể nhẫn, không có tinh tấn nào mà chẳng phát khởi, không có tinh lực nào mà chẳng thể chứng, không có diệu tuệ nào mà chẳng thể nhập. Cho nên, nếu có ai thỉnh hỏi Như Lai: “*Lấy gì kiến lập Bồ-đề của Bồ-tát?*”. Như Lai đều chánh trả lời: “*Bi là chỗ kiến lập Bồ-đề của chư Bồ-tát*”.

Như trước đã nói, mỗi một vô lượng đều có vô lượng Bồ-tát tròn đầy đức như ý tùy chuyển, đều năng nhiếp thọ vô lượng quả đáng yêu thích, đều có vô lượng chủng chỉ chuyển theo một hướng là diệu thiện vô tội. Nên biết Bồ-tát tinh siêng tu học vô lượng như vậy, năng thành tựu bốn chủng công đức lợi ích thù thắng. Đó là do tu tập vô lượng đây, trước tiên đặc hiện pháp lạc trú tối thắng; nhiếp thọ tăng trưởng vô lượng tư lương phước đức tối thắng; năng đối Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, ý lạc bền chắc; vì muốn nhiều ích các hữu tình, nên ở trong sanh tử kham năng nhẫn thọ tất cả đại khổ.

Phần đầu TRÌ DU GIÀ XỨ
Phần 17. BỒ ĐỀ PHẦN - 1

Sao gọi là pháp Bồ-đề phần của Bồ-tát? Ót-Đà-Nam thuyết:

*Tàm quý, lược kiên trì
 Không nhàm, luận, thế trí
 Chánh y, vô ngại giải
 Tư lương, Bồ-đề phần
 Chỉ Quán, tánh thiện xảo
 Đà-la-ni, chánh nguyện
 Có ba Tam-ma-địa
 Bốn pháp Ót-Đà-Nam.*

Tàm quý của Bồ-tát:

Lược có 2 chủng: 1. Tự tánh; 2. Chỗ nương.

Tự tánh: Chư Bồ-tát đối với tội hiện hành, năng nhận thức chân chánh: “Ta làm điều phi pháp”, trong lòng sanh hổ thẹn, đây gọi là *tàm*. Túc ở trong đây năng nhận biết chân chánh, đối với người sợ hãi, bên ngoài sanh hổ thẹn, đây gọi là *quý*. Bồ-tát vốn có bản tánh hổ thẹn mạnh mẽ

như vậy, hướng chi lại thêm tu tập. Đây gọi là tự tánh tầm quý của Bồ-tát.

Chỗ nương, lược có bốn chủng. Hoặc chư Bồ-tát đối với việc nên làm mà không tùy thuận, không kiến lập, nên sanh khởi hổ thẹn. Đây gọi là chỗ nương thứ nhất.

Hoặc chư Bồ-tát đối với việc không nên làm, lại tùy thuận kiến lập, nên sanh hổ thẹn. Đây gọi là chỗ nương thứ hai.

Hoặc chư Bồ-tát tự mình đã làm các việc ác, phát sanh hổ thẹn. Đây gọi là chỗ nương thứ ba.

Hoặc chư Bồ-tát tự mình sanh khởi các việc ác tác hữu y, theo đuổi không xả nên sanh hổ thẹn. Đây gọi là chỗ nương thứ tư. Như vậy gọi là chỗ nương tầm quý của Bồ-tát.

Tánh lực hành trì kiên cố của Bồ-tát:

Tánh đây lược có hai chủng: 1. Tự tánh; 2. Chỗ nương.

Tự tánh: là tánh năng ngăn chặn tâm nhiễm ô, tánh không tùy thuận, không tự tại hành theo phiền não, tánh kham nhẫn khổ. Tuy hiện tại có nhiều chủng chủng hãi sợ mạnh mẽ, mà tánh gia

hạnh chân chánh không lay động, nên thành tựu tánh lực hành trì kiên cố. Như vậy gọi là tự tánh của tánh lực hành trì kiên cố.

Tánh lực hành trì kiên cố của Bồ-tát lược có 5 chỗ nương: 1. Gặp gỡ luân chuyển trong sanh tử, nơi có chủng chủng đại khổ mà giáo hóa hữu tình có chủng chủng tà hạnh; 2. Vì nhiều ích hữu tình, nên thệ thọ trường thời lưu chuyển trong sanh tử; 3. Lúc tuyên dương pháp nghĩa trong đại chúng, gặp phải các bè phái luận khác đấu tranh nạn vấn; 4. Thệ thọ tất cả học xứ của Bồ-tát; 5. Lắng nghe pháp rộng lớn thâm sâu khó nghĩ bàn.

Như vậy gọi là chỗ nương tánh lực hành trì kiên cố của Bồ-tát.

Tâm không nhàm mỏi của Bồ-tát:

Do năm nhân duyên Bồ-tát chánh gia hạnh rộng khắp trong tất cả mà tâm không nhàm mỏi: 1. Tánh Bồ-tát tự có lực nên không nhàm mỏi; 2. Bồ-tát tâm không nhàm mỏi như vậy, lớp lớp xuyên suốt tu hành nên không nhàm mỏi; 3. Bồ-tát phương tiện nhiếp thọ tinh tấn dũng mãnh, năng chân chánh tùy quán trước sau, đạt được sở

đắc triển chuyển thù thắng, nên không nhàm mỗi; 4. Bồ-tát thành tựu diệu tuệ mãnh lợi tăng thượng, có lực chánh tư trạch, nên không nhàm mỗi; 5. Bồ-tát hằng thường hiện tiền tâm Bi mãnh liệt, tâm cực ai mẫn đối với các hữu tình, nên không nhàm mỗi.

Khéo biết các luận của Bồ-tát:

Chư Bồ-tát đối với danh, cú, văn, thân của năm minh xứ tương ứng các pháp, từ người khéo lãnh thọ, khéo tập học thông lợi. Tức là ở nơi diệu nghĩa của các pháp như vậy, hoặc từ người mà khéo lắng nghe khéo xác quyết, hoặc tự mình tinh cần khéo tư duy biết pháp biết nghĩa. Bồ-tát như vậy, nơi pháp nơi nghĩa không bị quên mất, hằng thường tinh cần không xả gia hạnh.

Lại vì muốn rõ biết pháp nghĩa khác, càng về sau, càng mới, càng sai biệt, nên tuy văn, tư, tu đã đến rốt ráo, nhưng vì do đây cho nên dần dần thứ lớp mới được thành thực, ở nơi pháp nghĩa thu được tinh tín. Do hành tướng đây, nên trí Bồ-tát biết các luận không điên đảo, năng viên mãn vô lượng.

Khéo biết thế gian của Bồ-tát:

Chư Bồ-tát đối khắp tất cả hữu tình thế gian, như thật rõ biết thế gian như vậy thật là hiểm nạn, thật là ngu muội. Đó là tuy có sanh, lão, tử... lớp lớp sanh tử chồng chất, mà các hữu tình ở nơi sanh, lão, tử ấy... lên lên xuống xuống chẳng tự hay biết.

Lại chư Bồ-tát như thật rõ biết hữu tình thế gian có các uế trước, lúc các uế trước ở đời trước tăng, không các uế trước ở đời trước giảm, đó là nương năm trước: 1. Thọ mạng trước; 2. Hữu tình trước; 3. Phiền não trước; 4. Kiến trước; 5. Kiếp trước.

Thời nay thọ mạng của người giảm dần, người sống trường thọ chẳng quá trăm năm. Thời xưa không vậy. Đây gọi là *thọ mạng trước*.

Thời nay hữu tình phần nhiều không tôn trọng cha mẹ, không tôn trọng Sa-môn, Bà-la-môn, không tôn trọng bậc gia trưởng đáng kính, những người làm các việc có nghĩa có lợi, những người làm việc đáng làm. Họ không biết sợ hãi, chỉ làm các việc có tội ở đời này, có tội ở đời sau. Họ không tu huệ thí, không làm nghiệp phước, không thọ trai pháp,

không thọ tịnh giới. Thời xưa không vậy. Đây gọi là *hữu tình trước*.

Thời nay hữu tình phần nhiều tập hành tham lam phi pháp, tham không bình đẳng, có sức chỉ để cầm nắm đao kiếm, cầm nắm binh khí đấu tranh lẫn nhau. Phần nhiều hành siểm khúc, dối trá, vọng ngữ, nhiếp thọ tà pháp, hiện hành vô lượng pháp ác bất thiện hiện có thể thấy được. Thời xưa không vậy. Đây gọi là *phiền não trước*.

Thời nay phần nhiều hữu tình vì hoại chánh pháp, vì diệt chánh pháp, tạo lập nhiều việc tương tự chánh pháp, tà pháp, tà nghĩa, mong cầu hư vọng. Thời xưa không vậy. Đây gọi là *kiến trước*.

Thời nay hữu tình dần dần nhập trong kiếp đói khổ, như hiện có nhiều nơi đói khổ; dần dần nhập vào kiếp dịch bệnh, như hiện có nhiều dịch bệnh lan tràn; dần dần nhập trong kiếp binh đao, như hiện có nhiều nơi dùng binh đao để sát hại lẫn nhau. Tất cả đều có thể thấy được. Thời xưa không vậy. Đây gọi là *kiếp trước*.

Như vậy gọi là Bồ-tát như thật rõ biết hữu tình thế gian.

Lại chư Bồ-tát như thật rõ biết sự thành lập,

sự hủy hoại của các khí thể gian, đó là nhìn thấy rõ sự sai biệt của chúng.

Lại chư Bồ-tát sống nơi thế gian đều như thật biết nơi thế gian tập, nơi thế gian diệt, nơi thế gian năng hưởng đến tập hành, nơi thế gian năng hưởng đến diệt hành, nơi thế gian ái vị, quá hoạn, xuất ly.

Lại chư Bồ-tát như thật rõ biết mắt cho đến ý, các uẩn vô sắc, bốn đại tạo sắc thành thân sĩ phu chỉ có như thế, chỉ có giả gọi tánh “người”. Ở trong chỗ có tướng, hoặc ngã, hoặc hữu tình, duy chỉ có tướng. Ở chỗ chỉ có ngôn thuyết tên gọi “mắt ta thấy sắc”, nói rộng cho đến “ý ta biết pháp”, cũng chỉ có ngôn thuyết tên gọi. Ở trong chỗ có lời nói thế tục, đó là người đây có tên như vậy, chủng loại như vậy, dòng tộc như vậy, ăn uống như vậy, lãnh thọ hoặc vui hoặc khổ như vậy, trường thọ như vậy, sống lâu như vậy, giới hạn thọ mạng tận hết như vậy, cũng chỉ có ngôn thuyết thế tục. Bồ-tát đều như thật biết các sự đây.

Do chư Bồ-tát như thật rõ biết, hoặc hữu tình thế gian lưu chuyển sai biệt, hoặc khí thể gian lưu chuyển sai biệt, hoặc quán xét nghĩa của tám chủng

tướng thế gian, hoặc các thế gian chỗ có thắng nghĩa, cho nên nói là “Khéo biết thế gian”.

Lại chư Bồ-tát nếu thấy người có niên đức, những bậc tôn quý, năng tiếp đón mời ngồi, thưa hỏi lễ bái, chấp tay ân cần, tu nghiệp hòa kính. Nếu thấy người có đức, hoặc những bậc ngang hàng, thì hoan hỷ thăm hỏi, dùng lời nhu nhuyễn cùng nhau đàm luận, không nương mạn... để so lường chống đối. Nếu thấy những người kém đức, thì tùy lực, tùy khả năng khuyên tu đức thù thắng, ẩn che thật đức, hoặc chỉ hiển chút ít, trọn không cao cử khiến người kia hổ thẹn, cũng không khinh chê khiến kia buồn bã thối lui; biết kia có mong cầu hoặc tiền của, hoặc pháp, thì không xoay lưng, cũng không nhăn nhó khó chịu; không giấu cợt lỗi lầm, cũng không khinh miệt làm mất danh dự của kia. Bồ-tát đối với tất cả hữu tình hoặc kém, hoặc bằng, hoặc hơn như vậy, nếu khi gặp họ, trước ý thăm hỏi vấn an “Thiện lai!”. Bồ-tát sống ở nơi yên ổn thì tùy sức mà chân chánh nắm giữ pháp tài bảo. Tuy ở nơi tôn quý có nhiều tài bảo, mà đối với hữu tình trọn không ngang ngược, lộng hành. Nhiếp lấy hữu tình, cung cấp tài vật. Người có tật

bệnh hay không có tật bệnh, trọn không xả bỏ. Thân nghiệp, ngữ nghiệp không gì chẳng tùy thuận.

Bồ-tát đối với người hoặc quen, hoặc không quen, tâm đều bình đẳng, không oán không hiềm, cùng làm bạn hữu. Đối với hữu tình không nơi nương tựa, tùy lực tùy khả năng làm nơi nương tựa, không dùng cách thức khiến người phát sanh ưu khổ, khiến người không được an lạc, dầu chỉ trong thoáng chốc. Nếu có nhân duyên nói chuyện vui cười, thì hợp lý xứng lý mà nói, không được không như lý. Tuy thâm tình thân mật không ngăn cách, cũng không được bàn luận chuyện thế sự... Bồ-tát đối với người, trọn không ôm lòng hiềm hận lâu, giả sử tạm thời khởi cũng không được chê trách. Hoặc thân ngữ của người có lỗi thiếu sót, thì hoặc khéo tư trạch, hoặc nương chánh pháp, hoặc kiếm điểm lỗi trái vượt để giải mở cho chính mình, không được khiến trách người. Nơi tâm an tĩnh, không vội bạo khinh suất, phát khởi nghiệp thân ngữ ý thủy đều kỹ lưỡng sâu xa. Khấp năng xa lìa mười bốn cấu nghiệp, ẩn tàng sáu phương, xa lìa bốn bạn ác, gần bốn bạn lành. Nên biết tất cả việc như vậy đầy đủ trong Khế kinh Thi-Khư-Cấp-Ca

đã thuyết: “Hoặc vì sự nghĩa lợi ích hiện pháp, tương ưng tiền tài địa vị, phát khởi khích lệ đầy đủ, giữ gìn đầy đủ, bình đẳng dưỡng mạng”. Đối với lĩnh vực nghề nghiệp công xảo của thế gian, đều được thiện xảo. Tánh không siểm, không dối, không lường gạt. Đối với lỗi hiện hành, lòng hổ thẹn sâu. Đầy đủ chánh hạnh, tôn trọng chánh hạnh, thủ hộ chánh hạnh. Có vật giao phó cho người, sanh tin tưởng sâu. Đối với tài vật của người, không trù tính so lường. Cho người mượn vật, trọn không trái ngăn. Phân chia tài vật chung có, trọn không dối trá. Biết rành về chân bảo, người chẳng biết rành, khi mua bán định giá tương xứng với chân bảo. Đối với các việc đời, làm khuôn mẫu quý tắc lợi ích cho thế gian, chân chánh biện biệt một cách nhanh nhẹn, nhạy bén. Đối với các sự việc nên làm của người, người đến xin cầu giúp, đều làm trợ bạn. Thật thà thuần hậu không đời chuyển, không theo duyên khác. Khéo kinh doanh sự nghiệp, chẳng làm điều bất thiện. Nếu làm đế vương, dùng pháp để trị vì thế gian, chẳng dùng phi pháp, chẳng dùng trị phạt chẳng lành. Nếu lãnh đạo đại chúng, thì khuyến khích xả ác giới, khiến tu tập thiện

giới, thành tựu tám chủng ngôn ngữ Thánh hiền, đó là: ở nơi điều đã thấy, khi được hỏi thì đáp thấy; ở nơi điều đã nghe, hiểu, biết, khi được hỏi thì đáp nghe, hiểu, biết; ở nơi điều chẳng thấy, khi được hỏi thì đáp chẳng thấy; ở nơi điều chẳng nghe, chẳng hiểu, chẳng biết, khi được hỏi thì đáp chẳng nghe, chẳng hiểu, chẳng biết.

Bồ-tát thành tựu hết thấy pháp như vậy, như điều nên biết ở thế gian, như điều nên chuyển ở thế gian, Bồ-tát đều như thật biết tất cả, cho nên gọi là Bồ-tát khéo biết thế gian.



Quyển 45

Thứ 15. BỒ TÁT ĐỊA

Phần đầu TRÌ DU GIÀ XỬ

Phẩm 17. BỒ ĐỀ PHẦN - 2

Bồ-tát tu bốn chánh y:

Bồ-tát vì cầu nghĩa, chẳng vì cầu văn từ hoa mỹ bóng bẩy của thế gian, nên từ người lắng nghe pháp. Khi cầu nghĩa chẳng vì cầu văn mà lắng nghe pháp như vậy, tuy gặp người thuyết pháp dùng ngôn âm lưu loát hay bình thường, Bồ-tát chỉ nương nghĩa cung kính nghe thọ.

Lại chư Bồ-tát như thật rõ biết thuyết pháp tối nghĩa và thuyết pháp hiển nghĩa. Như thật biết rồi, chỉ lấy chánh lý làm chỗ nương, tức liền tín thọ, chẳng do những bậc kỳ lão, những người tri thức, hoặc Phật, hoặc Tăng thuyết pháp. Cho nên chẳng y bổ-đặc-già-la. Như vậy, vì Bồ-tát dùng chánh lý làm chỗ nương, chẳng phải bổ-đặc-già-la, nên ở nơi nghĩa chân thật tâm không lay động, ở trong chánh pháp không bị duyên khác lôi kéo dẫn đoạt.

Lại, chư Bồ-tát ở chỗ Như Lai phát khởi vun trồng chánh tín sâu xa, vun trồng thanh tịnh sâu xa, một hướng chứng tịnh. Chỉ y kinh liễu nghĩa của Như Lai, chẳng y kinh bất liễu nghĩa. Vì kinh liễu nghĩa làm chỗ nương, nên ở nơi pháp Tỳ-nại-da của Phật thuyết không bị điều khác dẫn đoạt. Vì có sao? Vì dụng kinh bất liễu nghĩa mà Phật thuyết, nương chủng chủng môn biện nghĩa bản tánh, Bồ-tát vẫn chưa quyết chắc, còn sanh nghi hoặc, vì chẳng phải liễu nghĩa. Nếu chư Bồ-tát đối với kinh liễu nghĩa mà không xác quyết, thì ở nơi pháp Tỳ-nại-da mà Phật thuyết vẫn có thể bị dẫn đoạt.

Lại, chư Bồ-tát ở nơi chân thật trí kiến thấy là chân thật, chẳng phải ở nơi văn, tư mà nhận biết pháp nghĩa, chẳng phải ở nơi văn, tư mà chứng trí chân thật. Chư Bồ-tát đây như thật rõ biết sự tu thành tựu trí là chỗ nên biết, chẳng phải do văn, tư mà thành các thức là chỗ năng liễu đạt. Như thật biết rồi, nghe sở hữu pháp nghĩa tối cực thậm thâm Như Lai thuyết, trọn không hủy báng.

Đây gọi là Bồ-tát tu bốn chánh y. Vì nương bốn chánh y khéo tu tập, nên lược hiển có bốn lượng, đó là nghĩa sở thuyết, chánh lý, đại sư, tu

thành tựu tuệ chân thật chứng trí. Lại chư Bồ-tát vì lấy tất cả bốn y làm chỗ nương, mà tinh cần phát khởi chánh gia hạnh; ở nơi đạo xuất yếu, khai thị rõ ràng, không mê lầm hoặc loạn.

Bồ-tát tu bốn vô ngại giải:

Chư Bồ-tát ở nơi tất cả pháp, tất cả môn sai khác, tánh tận sở hữu, tánh như sở hữu, nương tu thành tựu trí không trệ ngại, trí không thối chuyển. Đây gọi là Pháp vô ngại giải của Bồ-tát.

Lại chư Bồ-tát ở nơi tất cả pháp, tất cả tướng sai khác, tận tánh sở hữu, như tánh sở hữu, nương tu thành tựu trí không trệ ngại, trí không thối chuyển. Đây gọi là Nghĩa vô ngại giải của Bồ-tát.

Lại chư Bồ-tát ở nơi tất cả pháp, tất cả tướng tận từ ngữ, tận tánh sở hữu, như tánh sở hữu, nương tu thành tựu trí không trệ ngại, trí không thối chuyển. Đây gọi là Từ vô ngại giải của Bồ-tát.

Lại chư Bồ-tát ở nơi tất cả pháp, tất cả phẩm sai khác, tận sở hữu, tánh như sở hữu, nương tu thành tựu trí không trệ ngại, trí không thối chuyển. Đây gọi là Biện vô ngại giải của Bồ-tát.

Nếu chư Bồ-tát nương bốn vô ngại giải của Bồ-

tát như vậy, sẽ thành tựu năm thiện xảo rất thù thắng vô lượng: 1. Uẩn thiện xảo; 2. Giới thiện xảo; 3. Xứ thiện xảo; 4. Duyên khởi thiện xảo; 5. Xứ, phi xứ thiện xảo.

Do bốn hành tướng đây, ở nơi tất cả pháp, Bồ-tát tự khéo diệu hiện Chánh Đẳng Giác, cũng khéo vì người khai thị không điên đảo. Bỏ qua bốn chủng hành tướng đây, còn không tự năng khéo diệu hiện Chánh Đẳng Giác, hướng chi vì người khai thị không điên đảo.

Tư lương Bồ-đề của Bồ-tát:

Lược có 2 chủng: 1. Tư lương phước đức; 2. Tư lương trí huệ. Nghĩa của hai tư lương đây trong phẩm *Tự Lợi-Lợi Tha* ở trước đã phân biệt rộng.

Lại hai tư lương phước đức và trí huệ đây, Bồ-tát nếu tu tập trong vô số kiếp đầu tiên, gọi là hạ; nếu tu tập trong vô số kiếp thứ hai, gọi là trung; nếu tu tập trong vô số kiếp thứ ba, gọi là thượng.

Bồ-tát tinh cần tu tập ba mươi bảy phẩm pháp Bồ-đề phần:

Chư Bồ-tát nương vào bốn vô ngại giải của Bồ-

tát, do khéo phương tiện nhiếp lấy diệu trí ba mươi bảy phẩm pháp Bồ-đề phần, nên như thật rõ biết mà không tác chứng. Đây gọi là Bồ-tát rộng khắp tất cả lý thú ba mươi bảy phần pháp Bồ-đề của hai thừa đều như thật biết, đó là lý thú Thanh văn thừa và lý thú Đại thừa. Ở nơi lý thú ba mươi bảy phần pháp Bồ-đề của Đại thừa, đều năng như thật rõ biết. Ở nơi lý thú ba mươi bảy phần pháp Bồ-đề của Thanh văn thừa, đều như thật rõ biết, như trong phần *Thanh văn địa* đã nói ở trước.

Sao gọi là Bồ-tát ở nơi lý thú ba mươi bảy phần pháp Bồ-đề của Đại thừa như thật rõ biết? Chư Bồ-tát năng ở nơi thân trụ quán tuần thân, không ở nơi thân phân biệt có tánh, cũng không phân biệt tất cả chủng loại đều không có tánh.

Lại nữa, ở nơi thân, pháp tánh tự tánh xa lìa nói năng, như thật rõ biết. Đây gọi là nương lý thú thắng nghĩa, năng tu tập niệm trụ ở nơi thân, trụ quán tuần thân.

Hoặc chư Bồ-tát có diệu trí triển chuyển theo lý thú an lập vô lượng, gọi là nương lý thú thế tục năng tu tập niệm trụ ở nơi thân, trụ quán tuần thân. Như tu tập niệm trụ ở nơi thân, trụ quán

tuần thân, thì tất cả niệm trụ khác, tất cả pháp Bồ-đề phần khác nên biết cũng vậy.

Như vậy, Bồ-tát ở nơi thân, thọ, tâm, pháp, không phân biệt *khổ*, không phân biệt *tập*, không phân biệt sở tác đây đoạn *diệt*, không phân biệt đắc diệt đây là nhân của *đạo*. Lại tức ở nơi pháp tánh tự tánh xa lìa nói năng đây, như thật rõ biết hoặc pháp tánh *khổ*, hoặc pháp tánh *tập*, hoặc pháp tánh *diệt*, hoặc pháp tánh *đạo*. Đây gọi là nương vào lý thú thắng nghĩa, tu pháp Bồ-đề phần làm chỗ nương, duyên để tu tập. Hoặc chư Bồ-tát có diệu trí thuận chuyển theo lý thú an lập vô lượng, gọi là nương lý thú thế tục, duyên để tu tập.

Trong đây, Bồ-tát không chỗ phân biệt ở nơi tất cả pháp đây, nên biết gọi là *Chỉ*. Lược có bốn hành của Bồ-tát gọi là *Chỉ*: 1. Trí thắng nghĩa thế tục hành dẫn đầu; 2. Quả trí thắng nghĩa thế tục; 3. Rộng khắp tất cả tướng hý luận, không dụng công mà chuyển; 4. Tức ở nơi lìa lời như vậy, duy chỉ có sự. Do không có tướng, không chỗ phân biệt, nên tâm tịch tĩnh, hướng đến tất cả pháp tánh bình đẳng, chỉ một vị Thật Tánh. Do bốn hành đây, chư Bồ-tát chuyển vận đạo *Chỉ* dần dần cho

đến viên mãn trí kiến, năng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Hoặc sở hữu chân trí như thật ở nơi lý thú thắng nghĩa của các pháp và sở hữu diệu trí ở nơi lý thú thế tục, an lập vô lượng, nên biết gọi là Quán. Trong đây lược có bốn hành của Bồ-tát gọi là Quán: thực hành bốn hành đạo Chỉ làm hành dẫn đầu; ở nơi tất cả pháp, xa lìa biên chấp tăng ích không chân chánh; xa lìa biên chấp tổn giảm không chân chánh, cùng với thuận theo các pháp vô lượng; diệu quán lý thú an lập sai biệt. Do bốn hành đây là chuyển vận đạo Quán của chư Bồ-tát, dần dần cho đến viên mãn trí kiến năng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Đây gọi là lược nói Chỉ, Quán của chư Bồ-tát.

Phương tiện thiện xảo của Bồ-tát:

Lược thuyết có 12 chủng: nương bên trong có sáu chủng phương tiện thiện xảo năng tu chứng tất cả Phật pháp và nương bên ngoài có sáu chủng phương tiện thiện xảo năng thành thực tất cả hữu tình.

Nương bên trong có sáu chủng phương tiện

thiện xảo, năng tu chứng tất cả Phật pháp: 1. Chư Bồ-tát đối với tất cả hữu tình, tâm bi đồng hành đoái thương chẳng xả; 2. Chư Bồ-tát như thật biết khắp tất cả các hành; 3. Chư Bồ-tát hằng ở nơi sở hữu diệu trí của Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, thâm tâm hân lạc; 4. Vì chư Bồ-tát đoái thương hữu tình làm chỗ nương, nên không xả sanh tử; 5. Vì chư Bồ-tát như thật biết khắp tất cả các hành làm chỗ nương, nên luân chuyển trong sanh tử mà tâm không nhiễm; 6. Vì chư Bồ-tát vui thích Phật trí làm chỗ nương, nên tinh tấn mãnh liệt.

Nương bên ngoài có sáu chủng phương tiện thiện xảo, năng thành thực tất cả hữu tình: 1. Phương tiện thiện xảo của Bồ-tát năng khiến tất cả hữu tình dùng ít thiện căn mà chiêu cảm quả vô lượng; 2. Phương tiện thiện xảo của Bồ-tát năng khiến hữu tình ít tổn công lực, nhưng dẫn nhiếp vô lượng thiện căn rộng lớn; 3. Phương tiện thiện xảo của Bồ-tát năng khiến đoạn trừ khuể não đối với hữu tình phỉ báng trái ghét Thánh giáo Phật; 4. Phương tiện thiện xảo của Bồ-tát đối với hữu tình hủy báng trái ghét bậc trung, khiến khéo thú nhập; 5. Phương tiện thiện xảo của Bồ-tát đối với

hữu tình đã nhập vào, năng khiến thành thực; 6. Phương tiện thiện xảo của Bồ-tát năng khiến được giải thoát đối với hữu tình đã thành thực.

1. Sao gọi là phương tiện thiện xảo của Bồ-tát khiến các hữu tình dùng ít thiện căn mà cảm quả vô lượng? Chư Bồ-tát phương tiện thiện xảo khích lệ các hữu tình xả vật nhỏ bé, xấu kém, cho đến thấp nhất chỉ bằng một hạt lúa để thí ruộng xấu dở, cho đến thí cho các loài bàng sanh xuẩn động. Làm thí như vậy rồi, hồi hướng cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Như vậy thiện căn vật, ruộng tuy thấp, nhưng do lực hồi hướng nên cảm quả vô lượng.

2. Sao gọi là phương tiện thiện xảo của Bồ-tát khiến các hữu tình dùng ít công lực, nhưng dẫn nhiếp thiện căn rộng lớn vô lượng? Chư Bồ-tát phương tiện thiện xảo, thấy các hữu tình tin hiểu thọ tà trai giới, như một tháng không ăn... Bồ-tát phương tiện thiện xảo nói pháp tám chi Thánh trai giới, khiến họ xả bỏ thọ tà trai giới vốn tốn nhiều công lực cực khổ lại cảm quả không đáng ưa thích. Lại khuyến khích họ siêng tu học trai giới chân chánh không tốn công lực, nhưng thành tựu

quả khả ái rộng lớn.

Hoặc các hữu tình muốn cầu giải thoát, nhưng lại khởi tà phương tiện, tinh cần không giải đãi tự tu khổ hạnh. Bồ-tát phương tiện thiện xảo thuyết pháp trung đạo, khiến lìa hai biên, khiến nhập trung đạo.

Hoặc các hữu tình muốn cầu sanh thiên, nhưng lại khởi tà phương tiện như lên núi cao hiểm trở, thờ lửa, đoạn việc ăn uống... Bồ-tát phương tiện thiện xảo tuyên nói tinh lự không điên đảo, khiến kia thu được hiện pháp lạc trú, đương lai chứng đắc không các nạn khổ, thành tựu quả sanh thiên thù thắng đồng hành hỷ lạc.

Hoặc các hữu tình tin chú Phệ-địa-già của Bà-la-môn, vọng chấp cho là tinh cần thọ trì đọc tụng chú đây sẽ được thanh tịnh rốt ráo. Bồ-tát phương tiện khuyến khích khiến kia thọ trì đọc tụng tư duy nghĩa của Phật, Thánh dạy. Bồ-tát lại chân chánh vì họ tuyên dương khai thị diệu pháp Như Lai thuyết tương ưng tánh Không thẳm sâu, khiến kia phát sanh vui thích quyết định xa lìa tà chú, khởi tâm tịnh tín mạnh mẽ chỉ cần một sát-na nhằm lìa đồng hành tâm thiện, vẫn năng nhiếp

thọ thiện căn rộng lớn không thể tính kể số lượng, hà huống tương tục.

Lại chư Bồ-tát sở hữu chủng chủng thượng diệu trân bảo, hương hoa tốt đẹp, các thứ cúng dường của thế gian, sanh khởi ý lạc tăng thượng đồng hành tịnh tín thắng giải cúng dường Phật, Pháp, Tăng. Lại cũng khuyến dẫn người hành thắng giải cúng dường như vậy. Lại cúng dường tất cả Phật, Pháp, Tăng ở mười phương thế giới. Tức dùng ý lạc tăng thượng đồng hành tịnh tín như vậy, tích tập, phân bố, sanh sâu tùy hỷ quán tưởng giáp vòng. Lại cũng khuyến dẫn người hành tùy hỷ như vậy.

Lại chư Bồ-tát hằng thường tu tập niệm Phật, niệm Pháp, cho đến niệm Thiên, cũng khuyến dẫn người khiến tu tập sáu niệm. Lại chư Bồ-tát ý lời phân minh rõ ràng mà lễ Phật, Pháp, Tăng, đến lúc mạng chung cũng không từ bỏ, cũng khuyến dẫn người hành trì nghiệp lễ như vậy.

Lại chư Bồ-tát đều tùy hỷ tất cả phước nghiệp hữu tình rộng khắp mười phương, cũng khuyến dẫn người hành trì tùy hỷ như vậy.

Lại chư Bồ-tát nhập ý lạc đại bi rộng lớn tăng

thượng khắp tất cả hữu tình mười phương, nguyện đem thân mình thay thế thọ nhận tất cả ưu khổ của hữu tình, cũng khuyến dẫn người hưng khởi bi nguyện như vậy.

Lại chư Bồ-tát đem tâm thanh tịnh điều nhu tôn kính thuận theo học giới, đối với tất cả lỗi lầm, tất cả lỗi phạm quá khứ, hiện tại, tương đối trước mười phương chư Phật Thế Tôn chí thành phát lồ sám hối từ quá khứ cho đến vị lai, cũng khuyến dẫn người hành như vậy. Luôn luôn phát lồ lỗi phạm như vậy, ít dụng công lực, nhưng tất cả nghiệp chướng đều được giải thoát.

Lại chư Bồ-tát tâm đã được tự tại, tâm đã đầy đủ thân thông, hóa làm chủng chủng hóa sự khắp mười phương Phật, Pháp, Tăng và các hữu tình, nhiếp thọ vô lượng tụ đại phước đức rộng lớn. Lại chư Bồ-tát hằng thường tu tập từ, bi, hỷ, xả. Cũng khuyến dẫn người tu tập hành trì như vậy.

Như vậy, phương tiện thiện xảo của Bồ-tát khiến các hữu tình tốn ít công lực, nhưng dẫn nhiếp các quả thiện căn thắng diệu rộng lớn vô lượng.

3, 4, 5 và 6. Sao gọi là phương tiện thiện xảo

của Bồ-tát năng khiến đoạn trừ khuể não đối với hữu tình phỉ báng trái ghét Thánh giáo Phật; đối với hữu tình phỉ báng trái ghét bậc trung, năng khiến thú nhập; đối với hữu tình đã nhập vào, năng khiến được thành thực; đối với hữu tình đã thành thực, năng khiến giải thoát? Chư Bồ-tát vì muốn thành tựu viên mãn nghĩa lợi ích cho bốn chủng hữu tình như vậy, nên lược nói 6 chủng phương tiện thiện xảo: **a.** Phương tiện thiện xảo tùy thuận khai thông; **b.** Phương tiện thiện xảo cùng lập giao ước; **c.** Phương tiện thiện xảo ý lạc riêng khác; **d.** Phương tiện thiện xảo thiết lập sự cưỡng ép; **e.** Phương tiện thiện xảo thi ân, báo ân; **f.** Phương tiện thiện xảo rốt ráo thanh tịnh.

a. Sao gọi là phương tiện thiện xảo tùy thuận khai thông của Bồ-tát? Chư Bồ-tát sắp vì hữu tình thuyết pháp, trước nên phương tiện tùy thuận hiện hành thân ngữ nhu nhuyễn mỹ diệu, cũng lại hiện hành thân cận tùy chuyển thí để trừ sự sanh khởi khuể não của kia. Kẻ kia đoạn trừ khuể não sanh khởi, liền sanh thương kính Bồ-tát. Thương kính đã sanh, nên sanh khởi vui với pháp. Bồ-tát lại tùy căn cơ của kia mà tuyên thuyết chánh pháp dễ

hiểu dễ nhập, thứ lớp đúng thời, không điên đảo. Năng dẫn nghĩa lợi, kham nhiệm chỗ khó kham nhiệm. Đối với việc điều phục hữu tình kia, Bồ-tát tâm ai mãn hiển hiện thần thông, hiển thuyết chánh pháp như lý. Bồ-tát hoặc khuyến thỉnh người khác, hoặc làm chủng chủng việc hóa hiện thù đặc, khiến hữu tình kia thấy đều được điều phục. Hoặc đối với các luận tóm lược, cô đọng, dẫn nghĩa lợi thì năng khiến kia biện rộng. Hoặc đối với các luận quá rộng, dẫn nghĩa lợi, thì năng khiến kia tóm lược, thọ trì. Lại vì muốn kia nhớ nghĩ, nên tiếp tục nạn hỏi. Bồ-tát thấy kia nơi pháp đã năng thọ, năng trì, lại vì kia rộng khai chánh nghĩa sâu hơn. Khi kia đã thú nhập, lại khiến kia duyên khắp tất cả Tam-ma-địa môn. Lại năng tùy thuận mà dạy trao dạy răn, khiến kia tu lợi hành nhiều ích hữu tình.

Hoặc các hữu tình đối với kinh điển thậm thâm tương ưng tánh Không mà Phật đã thuyết, không hiểu nghĩa thú mật ý Như Lai. Trong kinh đây thuyết: “Tất cả pháp đều vô tự tánh, đều không có sự, không sanh không diệt. Tất cả pháp ngang đồng hư không, đều như mộng huyễn”. Kia nghe

như vậy, chẳng thể hiểu rõ nghĩa thú đây, tâm sanh kinh sợ, phỉ báng tất cả kinh điển như thế cho là chẳng phải Phật thuyết. Bồ-tát vì tất cả loại hữu tình kia, phương tiện thiện xảo như lý khai thông “trong kinh như vậy là nghĩa thú mật ý thâm sâu của Như Lai”, như thật khai hóa nhiếp hữu tình kia. Khi Bồ-tát chánh khai thông như vậy, vì kia nói rằng: “Kinh đây chẳng nói tất cả các pháp đều không chỗ có, chỉ nói tự tánh các pháp vốn là không”, cho nên thuyết: “Tất cả các pháp đều vô tự tánh”. Vì nương theo kia, các ngôn thuyết chuyển, đều có tất cả ngôn thuyết về sự, nhưng ngôn thuyết kia khá nói tự tánh, còn nương đệ nhất nghĩa thì phi tự tánh, cho nên thuyết: “Tất cả các pháp đều không có sự”. Tất cả các pháp chỗ nói tự tánh, lý đã như thế, từ xưa đến nay đều không chỗ có, vậy gì sanh, gì diệt? Cho nên thuyết: “Tất cả các pháp không sanh, không diệt”. Ví như trong không, có nhiều nghiệp sắc của nhóm sắc khá được, dung thọ tất cả nghiệp sắc của các sắc. Tức trong hư không, hiện có chủng chủng sự hoặc qua hoặc lại, hoặc đến hoặc đi, hoặc đứng hoặc ngồi, hoặc co hoặc duỗi. Nếu ngay lúc đó thấy đều

trừ diệt, tức bấy giờ chỉ còn tánh vô sắc, tướng hư không thanh tịnh hiển hiện. Như vậy, giống như hư không lia ngôn thuyết sự, mà có chủng chủng ngôn thuyết do tà tướng phân biệt tham đắm hý luận tạo ra, tợ nghiệp sắc chuyển. Lại tất cả ngôn thuyết do tà tướng phân biệt tham đắm hý luận như vậy, đều là chỗ dung thọ của hư không lia ngôn thuyết sự. Nếu lúc Bồ-tát dùng diệu thánh trí khiến trừ tất cả chỗ khởi ngôn thuyết do tà tướng phân biệt tham đắm hý luận, bấy giờ Bồ-tát, bậc Thánh tối thắng, dùng diệu thánh trí chứng tất cả các pháp lia ngôn thuyết sự. Chỉ có tất cả ngôn thuyết tự tánh, chỗ hiển phi tánh, ví như tướng hư không thanh tịnh hiện ra; cũng chẳng thể vượt quá đây mà có tự tánh khác để tìm cầu. Cho nên thuyết: “Tất cả các pháp ngang đồng hư không”. Lại như huyền mộng, chẳng phải *như* hiển hiện, *như* đây thật có; cũng chẳng phải tất cả hình chất huyền mộng đều không chỗ có. Các pháp như vậy chẳng phải như thế lực xuyên xuyên tập của ngu phu, chỗ hiện như thật là có; cũng chẳng phải thắng nghĩa tất cả pháp tự tánh lia lời đều không chỗ có. Do phương tiện đây, ngộ nhập đạo lý “tất

cả các pháp chẳng phải có, chẳng phải không; giống như huyền mộng, tánh ấy không hai”, cho nên thuyết: “Tất cả các pháp đều như huyền mộng”. Như vậy, Bồ-tát đối với tất cả pháp trong khắp pháp giới, chẳng lấy chút phần, chẳng xả chút phần, chẳng làm tổn giảm, chẳng làm tăng thêm, chẳng làm hoại mất, nếu pháp thật có biết là thật có, nếu pháp thật không biết là thật không. Bồ-tát như điều đã biết mà khai thị. Đây gọi là phương tiện thiện xảo tùy thuận khai thông của Bồ-tát.

b. Sao gọi là phương tiện thiện xảo cùng lập giao ước của Bồ-tát? Hoặc chư Bồ-tát thấy hữu tình đến cầu thức ăn uống... cùng hết thảy vật dụng nuôi thân, liền cùng kia lập giao ước rằng: “Các ông nếu đối với cha mẹ thường biết ân, cung kính cúng dường...; đối với các Sa-môn, Bà-la-môn cũng vậy, cho đến năng thọ trì tịnh giới. Như vậy tôi sẽ thuận theo sự mong cầu của các ông, sẽ thí hết thảy các thức ăn uống, cùng vật dụng nuôi thân. Nếu các ông không làm như vậy, tôi chẳng cấp thí”. Như vậy, Bồ-tát thấy hữu tình đến cầu chủng chủng thứ như nhà, ruộng, chợ, đất nước, tiền của, các sự tốt lành; hoặc đến cầu các công nghiệp xứ

và các minh xứ, hoặc đến cầu cùng làm bạn hữu, hoặc đến cầu kết hôn, hoặc đến cầu làm ấp hội, hoặc đến cầu trợ giúp kinh doanh sự nghiệp, Bồ-tát cùng kia lập giao ước rằng: “Nếu ông đối với cha mẹ biết ân, cung kính cúng dường... nói rộng như trước. Được như vậy, tôi sẽ bố thí ruộng nhà, cho đến trợ giúp kinh doanh sự nghiệp”.

Lại, chư Bồ-tát thấy hữu tình hoặc phạm tội, hoặc bị thưa kiện, hoặc làm chũng chũng việc không lợi ích nên bị người bắt, trói buộc, gia hình, hoặc bị người sắp đánh đập, trói buộc, đem bán. Bấy giờ Bồ-tát tùy sức, tùy khả năng lập giao ước rằng: “Nếu các ông đối với cha mẹ biết ân, cung kính cúng dường... nói rộng như trước. Như vậy tôi sẽ phương tiện cứu ông thoát nạn”.

Lại chư Bồ-tát thấy hữu tình mắc phải chũng chũng nạn giặc cướp, nước lửa hoặc các việc khiến kinh sợ do người và phi nhân gây ra, khó bảo toàn mạng sống. Bấy giờ Bồ-tát lập giao ước rằng: “Nếu các người đối với cha mẹ biết ân, cung kính cúng dường... nói rộng như trước. Như vậy tôi sẽ giúp các người thoát khỏi nạn và sợ hãi kia”.

Hoặc chư Bồ-tát thấy hữu tình thương yêu nhau,

cầu chẳng xa lia. Bấy giờ Bồ-tát lập giao ước rằng: “Nếu các người đối với cha mẹ biết ân, cung kính cúng dường... nói rộng như trước. Như vậy tôi sẽ giúp các người toại nguyện, khiến yêu thương không chia lìa”

Lại chư Bồ-tát thấy hữu tình bị các bệnh khổ, nên lập giao ước rằng: “Nếu các ông đối với cha mẹ biết ân, cung kính cúng dường... nói rộng như trước. Như vậy tôi sẽ cứu các ông thoát khỏi bệnh khổ, được an vui”. Các hữu tình kia đã cùng Bồ-tát lập giao ước rồi, phải nên nhanh chóng thọ học các thiện pháp, nhanh chóng đoạn trừ các ác pháp. Bồ-tát đều năng thỏa mãn mong cầu của kia. Đây gọi là phương tiện thiện xảo cùng lập giao ước của Bồ-tát.

c. Sao gọi là phương tiện thiện xảo ý vui riêng khác của Bồ-tát? Chư Bồ-tát cùng các hữu tình lập giao ước rồi, các hữu tình kia chẳng nhanh chóng tu hành như điều đã giao ước. Bồ-tát đều chẳng thí cho như mong cầu của kia, chỉ vì Bồ-tát đây muốn kia được lợi ích, không phải vì ý vui riêng khác mà chẳng thí.

Như vậy, đối với các hữu tình gặp tai nạn, gặp

khiếp sợ, thương yêu mong muốn chẳng lìa, bệnh khổ bức não, chư Bồ-tát quyền thời xả bỏ không cứu giúp chỉ vì muốn kia được lợi ích, không vì ý vui riêng khác mà xả bỏ không cứu vớt.

Như vậy, Bồ-tát đối với hữu tình chỉ vì muốn kia được lợi ích, không vì ý vui riêng khác, phương tiện hiện hành nghiệp kiên quyết ngăn cản, dần khiến hữu tình kia ở thời gian khác đoạn trừ các điều ác, tu học các việc thiện. Cho nên Bồ-tát phương tiện tạm thời xả bỏ.

Hoặc có hữu tình đối với Bồ-tát tuy không có điều mong cầu, cũng không gặp các nạn, nói rộng cho đến không mắc phải các bệnh khổ; nhưng trước kia đã từng rất gần gũi Bồ-tát. Bấy giờ Bồ-tát tùy nghi khuyến dẫn kia, khiến kia đoạn trừ các pháp ác, tu tập các pháp thiện, khiến kia biết ân cha mẹ, cung kính cúng dường... nói rộng như trước, cho đến khiến kia tùy thuận thọ học tịnh giới. Nếu các hữu tình kia, dầu được Bồ-tát dẫn dắt như vậy mà cố ý khinh khi, phóng túng buông lung chẳng phụng hành; bấy giờ Bồ-tát hoặc tự biểu hiện hành động khiển trách, chỉ vì muốn kia được lợi ích, không vì ý vui riêng khác mà giận dữ; hoặc biểu hiện hành

động xa lìa, xoay lưng, chỉ vì muốn kia được lợi ích, chẳng vì ý vui riêng khác. Hoặc đối với hữu tình làm việc không nhiều ích ở thế gian, Bồ-tát cũng biểu hiện hành động tổn não, chỉ vì lợi ích cho kia, không vì ý vui riêng khác mà tổn não. Như vậy Bồ-tát đối với các hữu tình, bên ngoài biểu hiện hành động như thế nhưng bên trong ý vui riêng khác, hai tướng không tương ưng nhau. Do nhân duyên đây, Bồ-tát phương tiện an lập khiến hữu tình kia dần dần đoạn trừ các pháp ác, tu tập các pháp thiện. Bồ-tát phương tiện điều phục hữu tình như vậy, gọi là phương tiện thiện xảo ý riêng khác của Bồ-tát.

d. Sao gọi là phương tiện thiện xảo thiết lập các sự cưỡng ép của Bồ-tát? Chư Bồ-tát hoặc là gia chủ, hoặc là quốc vương có thế lực mạnh, thường chánh dạy răn đối với những người thân và thần dân, bảo rằng: “Các người thân của ta! Các thần dân của ta! Nếu các người chẳng biết báo ân cha mẹ... nói rộng cho đến hủy phạm giới, ta sẽ chấm dứt cung cấp tặng phẩm, dứt cung cấp y phục cùng các thức ăn uống, hoặc ta sẽ trị phạt. Nếu là người thân, ta sẽ đuổi bỏ xa lìa. Nếu là thần dân, ta sẽ

vĩnh viễn đuổi đi. Ta sẽ lập một hệ thống toàn người khéo léo tài giỏi, thường giám sát sự nghiệp này”. Do nhân đây, các hữu tình kia vì sợ trị phạt, nên siêng năng dứt bỏ các việc ác, làm các việc lành. Kia tuy chẳng vui muốn làm việc thiện, nhưng Bồ-tát phương tiện cưỡng ép khiến kia tu tập. Đây gọi là phương tiện thiện xảo thiết lập sự cưỡng ép của Bồ-tát.

e. Sao gọi là phương tiện thiện xảo thi ân báo ân của Bồ-tát? Chư Bồ-tát tùy khả năng nhiều ít mà thí ân huệ cho các hữu tình, hoặc thí theo mong cầu, hoặc cứu giúp thoát khỏi tai nạn, hoặc khiển trừ các sự khiếp sợ, hoặc khiến thương nhau được gần nhau, hoặc khiến ghét nhau được xa lìa, hoặc khiến thoát khỏi bệnh khổ được an lạc. Do đây hữu tình kia biết ân huệ, muốn báo ân đức Bồ-tát. Bấy giờ Bồ-tát khuyến khích kia tu thiện để trả ân, bảo rằng: “Tài bảo các ông chẳng dư dả gì, lại muốn báo đáp ân lớn. Nếu các ông năng biết ân cha mẹ, cung kính cúng dường... nói rộng cho đến thọ trì tịnh giới; đây mới gọi là báo ân đức lớn”. Như vậy, Bồ-tát đối với các hữu tình, trước bố thí ân huệ, sau khuyến khích tu thiện gọi là báo ân

lớn. Do phương tiện đây khiến người tinh cần tu học các thiện, cho nên gọi là phương tiện thiện xảo thi ân báo ân của Bồ-tát.

f. Sao gọi là phương tiện thiện xảo rất ráo thanh tịnh của Bồ-tát? Chư Bồ-tát đã an trụ Đốn cứu cánh địa, được thiện thanh tịnh ở nơi đạo Bồ-tát. Trước, Bồ-tát hiện sanh trong chúng đồng phạm ở cõi trời Đĩ-sử-đa. Vô lượng hữu tình nhớ nghĩ nói rằng: “Bồ-tát danh hiệu như thế, nay đã sanh trong chúng đồng phạm ở cõi trời Đĩ-sử-đa, không lâu sẽ hạ sanh ở Thiệm-bộ châu, chúng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Chúng ta nguyện sẽ được gặp gỡ thân cận với Bồ-tát. Bồ-tát ấy hạ sanh chỗ nào, chúng ta cũng nguyện sanh nơi đó”. Như vậy, vì khiến vô lượng hữu tình phát sanh vui muốn chân chánh, theo đó nhiều tu tập. Lại, Bồ-tát bỏ thân ở cõi trời Đĩ-sử-đa hạ sanh trong nhân gian, hoặc ở dòng họ cao quý, hoặc ở dòng vương gia, hoặc vào nhà quốc sư. Xả bỏ đục lạc thượng diệu của thế gian, không đoái luyến, thanh tịnh xuất gia, vì khiến các hữu tình khởi tâm tôn kính. Lại hiện phát thệ nguyện tu những khổ hạnh khó hành, vì muốn hữu tình tin hiểu khổ hạnh, xả bỏ thú vui.

Lại chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, vì khiến hữu tình cùng hướng đến Bồ-đề giải thoát hân lạc thù thắng. Lại chứng Vô thượng Chánh đẳng giác rồi, nhưng chưa vì hữu tình thuyết chánh pháp, đợi Phạm thiên vương đến khái thỉnh mới vì các hữu tình thuyết chánh pháp. Vì khiến hữu tình phát khởi sự tôn kính, tác suy nghĩ: “Pháp được thuyết đây nhất định thù thắng vi diệu, nên nay Phạm vương tự thân đến thỉnh, mong cầu Thế Tôn thuyết pháp”. Lại dùng Phật nhãn quán sát thế gian, không để hữu tình khởi nghi ngờ: Bồ-tát chỉ do Phạm vương đến thỉnh, vì tôn kính Phạm vương nên tuyên thuyết chánh pháp, chẳng phải Bồ-tát phát khởi tâm bi đối với hữu tình... cho đến vì có người kích phát, chẳng phải Bồ-tát tự có khả năng rõ biết căn cơ, tùy nghi thuyết pháp. Vì muốn hoại tà chấp của hữu tình như vậy, nên trước dùng Phật nhãn quán sát thế gian, sau mới chuyển pháp luân vô thượng chưa từng chuyển trong tất cả thế gian. Do vậy, Bồ-tát tuyên thuyết chánh pháp, chế lập học xứ. Đây gọi là phương tiện thiện xảo rất ráo thanh tịnh của Bồ-tát. Ngoài đây ra, không có phương tiện thiện xảo nào hoặc kỳ diệu hơn, hoặc

thắng vượt hơn, cho nên gọi là rốt ráo thanh tịnh.

Như vậy đã thuyết, hoặc lược hoặc rộng, sáu chủng phương tiện thiện xảo của Bồ-tát, năng trừ khuể não của hữu tình phỉ báng, trái ghét Thánh giáo Phật; năng khiến hữu tình phỉ báng trái ghét bậc trung, thú nhập Thánh giáo Phật; năng khiến hữu tình đã thú nhập, được thành thực; năng khiến hữu tình đã thành thực, được giải thoát.

Diệu đà-la-ni của Bồ-tát:

Lược có 4 chủng: 1. Pháp đà-la-ni; 2. Nghĩa đà-la-ni; 3. Chú đà-la-ni; 4. Năng đắc nhãn đà-la-ni của Bồ-tát.

Sao gọi là Pháp đà-la-ni của Bồ-tát? Chư Bồ-tát thành tựu lực trì giữ niệm tuệ, do lực trì giữ đây nên nghe được những điều chưa từng nghe. Lời nói chưa nhu nhuyễn diệu hòa, chưa khéo thông lợi, thì chọn lọc khéo nhiếp danh, cú, văn thân. Vô lượng kinh điển, thứ tự còn lẫn lộn, thì kết tập thứ lớp, trải qua vô lượng thời năng thọ trì chẳng quên. Đây gọi là Pháp đà-la-ni của Bồ-tát.

Sao gọi là Nghĩa đà-la-ni của Bồ-tát? Như trước đã nói, nhưng ở đây có sự sai khác. Tức là ở nơi vô

lượng nghĩa thú của pháp kia, tâm chưa nhu nhuyễn diệu hòa, chưa khéo thông lợi, trải qua vô lượng thời năng trì chẳng quên. Đây gọi là Nghĩa đà-la-ni của Bồ-tát.

Sao gọi là Chú đà-la-ni của Bồ-tát? Chư Bồ-tát thành tựu đẳng trì tự tại như thế. Do đẳng trì tự tại đây gia bị, nên các chương cú của chú năng trừ tai hoạn cho các hữu tình, khiến các chương cú của chú kia thấy đều linh nghiệm. Không có tai họa nào mà chẳng trừ lành, không chỉ trừ một mà trừ chủng chủng tai họa, linh nghiệm bậc nhất, không hư vọng. Đây gọi là Chú đà-la-ni của Bồ-tát.

Sao gọi là năng đắc Nhẫn đà-la-ni của Bồ-tát? Chư Bồ-tát thành tựu nhân hành tự nhiên bền chắc, đầy đủ diệu tuệ. Một mình sống ở chốn không nhân, yên lặng không lời nói, mặc cho thiếu thốn vật chất, chỉ hành trì theo chánh kiến. Biết lượng mà ăn, không ăn tạp, ăn một loại là cực tinh lự. Đêm ngủ ít thức nhiều. Đối với sở thuyết của Phật về các chương cú Nhẫn đà-la-ni của Bồ-tát, năng tư duy sâu kỹ, như chú “Nhất chi, mật chi, cát chi tỳ, sạn để, bát đà nhị, tóa ha”. Đối với nghĩa chương cú chú như vậy, Bồ-tát tư duy quán xét sâu, thọ trì

so lường, theo đó chánh hành, chẳng do từ người được nghe mà tự nhiên thông đạt. Rõ biết các chương cú đà-la-ni như vậy đều không có nghĩa, chỉ là viên thành thật, chỉ là nghĩa Không. Như thật rõ biết nghĩa chương cú đây chỗ gọi nghĩa Không, cho nên quá đây chẳng cầu nghĩa khác. Ngang đây gọi là Bồ-tát diệu khéo thông đạt nghĩa chương cú của đà-la-ni. Bồ-tát đã chánh thông đạt như vậy, tức thuận nghĩa đây, không theo người nghe, chánh thông đạt nghĩa tất cả pháp, đó là: “Tất cả ngôn thuyết nói về nghĩa tự tánh các pháp đều không thành thật, chỉ có tự tánh các pháp lìa lời là nghĩa tự tánh”. Bồ-tát đã chánh thông đạt nghĩa tự tánh các pháp đây, biết rằng quá đây không có nghĩa khác khác cầu, do đây thu được hoan hỷ rộng lớn tối thắng. Bồ-tát thành tựu đà-la-ni đây, nên nói đã đắc chương cú đà-la-ni, lập nên thắng nhãn đà-la-ni của Bồ-tát. Bồ-tát đã đắc nhãn đây, chẳng lâu sẽ đắc ý lạc thanh tịnh thù thắng, nương nhãn thù thắng của Thắng giải hành địa bậc thượng mà chuyển. Đây gọi là Bồ-tát sở hữu năng đắc Nhãn đà-la-ni của Bồ-tát.

Trong đây, Bồ-tát ở nơi Pháp đà-la-ni, ở nơi

Nghĩa đà-la-ni, nếu trải qua vô số đại kiếp thứ nhất, tự mình đã nhập Ý lạc thanh tịnh thù thắng địa, thì chỗ chúng đắc đã chắc chắn, an trụ bền vững rộng lớn. Từ đây trở xuống, hoặc dùng nguyện lực, hoặc nương tinh lực, dầu có thu được nhưng không chắc chắn, cũng không an trụ bền vững rộng lớn. Như đã nói về Pháp và Nghĩa đà-la-ni, thì Chú đà-la-ni phải biết cũng vậy. Nếu chư Bồ-tát đầy đủ bốn công đức mới năng thành tựu đà-la-ni như vậy, chẳng thể tùy khuyết một chủng.

Những gì gọi là bốn chủng công đức? 1. Ở trong các dục, không tham đắm; 2. Đối với sự việc người vượt hơn, không sanh đố kỵ, không ganh ghét vinh quang của người; 3. Đối với tất cả sự mong cầu, bình đẳng bố thí không hối tiếc; 4. Ở trong chánh pháp, sanh sâu hân lạc, tức là ở nơi tạng Bồ-tát và Ma-đát-ly-ca của tạng Bồ-tát, sanh sâu vui thích.

Sự tu tập chánh nguyện của Bồ-tát:

Lược có 5 chủng: 1. Nguyện phát tâm; 2. Nguyện thọ sanh; 3. Nguyện sở hành; 4. Chánh nguyện; 5. Đại nguyện.

Hoặc chư Bồ-tát sơ phát tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, gọi là nguyện phát tâm của Bồ-tát.

Hoặc chư Bồ-tát nguyện đời sau tùy thuận sanh trong các đường thiện, nhiều ích hữu tình, gọi là nguyện thọ sanh của Bồ-tát.

Hoặc chư Bồ-tát nguyện năng tư trạch các pháp không điên đảo; nguyện ở nơi các cảnh giới, tu tập thiện pháp thù thắng như vô lượng... gọi là nguyện sở hành của Bồ-tát.

Hoặc chư Bồ-tát nguyện đời đương lai nhiếp thọ tất cả thiện pháp, nhiếp thọ tất cả sở hữu công đức, sở hữu chánh nguyện hoặc chung hoặc riêng của Bồ-tát. Đây gọi là chánh nguyện của Bồ-tát.

Đại nguyện của Bồ-tát tức từ chánh nguyện mà lưu xuất. Đại nguyện đây lại có 10 chủng:

Hoặc chư Bồ-tát nguyện ở đời đương lai dùng tất cả chủng thượng diệu, các thứ vật dụng cúng dường vô lượng vô biên Như Lai. Đây gọi là đại nguyện thứ nhất.

Hoặc chư Bồ-tát nguyện ở đời đương lai nhiếp thọ giữ gìn tất cả chánh pháp của chư Phật Thế

Tôn, hành trì truyền trao khiến pháp nhân không hoại mất. Đây gọi là đại nguyện thứ hai.

Hoặc chư Bồ-tát nguyện ở đời đương lai từ cung trời Đổ-sử-đa hạ sanh, cho đến nhập Đại Niết-bàn. Đây gọi là đại nguyện thứ ba.

Hoặc chư Bồ-tát nguyện ở đời đương lai hành tất cả chủng chánh hạnh của Bồ-tát. Đây gọi là đại nguyện thứ tư.

Hoặc chư Bồ-tát nguyện ở đời đương lai rộng năng thành thực tất cả hữu tình. Đây gọi là đại nguyện thứ năm.

Hoặc chư Bồ-tát nguyện ở đời đương lai đều năng thị hiện khắp tất cả thế giới. Đây gọi là đại nguyện thứ sáu.

Hoặc chư Bồ-tát nguyện ở đời đương lai rộng năng tịnh tu tất cả cõi Phật. Đây gọi là đại nguyện thứ bảy.

Hoặc chư Bồ-tát nguyện ở đời đương lai tất cả Bồ-tát đều có cùng một chủng là ý lạc gia hạnh, thú nhập Đại thừa. Đây gọi là đại nguyện thứ tám.

Hoặc chư Bồ-tát nguyện ở đời đương lai sở hữu tất cả gia hạnh không điên đảo, không hư vọng. Đây gọi là đại nguyện thứ chín.

Hoặc chư Bồ-tát nguyện ở đời đương lai nhanh chóng chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Đây gọi là đại nguyện thứ mười.

Ba Tam-ma-địa của Bồ-tát:

Đó là: 1. Không tam-ma-địa; 2. Vô nguyện tam-ma-địa; 3. Vô tướng tam-ma-địa.

Sao gọi là Không tam-ma-địa của Bồ-tát? Chư Bồ-tát quán: “Tất cả mọi sự, tự tánh xa lìa tất cả ngôn thuyết, duy chỉ có tự tánh các pháp lìa lời, tâm chánh an trụ”. Đây gọi là Không tam-ma-địa của Bồ-tát.

Sao gọi là Vô nguyện tam-ma-địa của Bồ-tát? Chư Bồ-tát tùy quán: “Hết thấy sở hữu các sự tự tánh lìa lời, do vì tà phân biệt nên sanh khởi phiền não và nhiếp thọ các thứ khổ. Đây đều là vô lượng ‘quá thất’ nhiễm ô. Ở đời đương lai Vô nguyện làm tiền dẫn, tâm chánh an trụ”. Đây gọi là Vô nguyện tam-ma-địa của Bồ-tát.

Sao gọi là Vô tướng tam-ma-địa của Bồ-tát? Chư Bồ-tát chánh tư duy: “Sở hữu các sự, tự tánh lìa lời. Tất cả các tướng hý luận phân biệt diệt hẳn, vắng lặng, như thật rõ biết tâm chánh an

trụ”. Đây gọi là Vô tướng tam-ma-địa của Bồ-tát.

Hỏi: Có gì chỉ giả lập ba Tam-ma-địa không hơn không thêm?

Đáp: Pháp có hai chủng là *có* và *chẳng phải có*. Hữu vi, vô vi gọi là có. Ngã và ngã sở gọi là chẳng phải có. Ở trong hữu vi, vì có vô nguyện, vì đáng nhàm chán trái nghịch, nương đây kiến lập Vô nguyện tam-ma-địa. Ở trong vô vi, vì nguyện Niết-bàn, vì nhiếp chánh lạc, nương đây kiến lập Vô tướng tam-ma-địa. Ở nơi sự chẳng phải có, Bồ-tát không nguyện, cũng không phải không nguyện. Nhưng ở nơi chẳng phải có, Bồ-tát thật thấy là chẳng phải có. Nương thấy đây kiến lập Không tam-ma-địa.

Như vậy, Bồ-tát ở nơi ba Tam-ma-địa đây tinh siêng tu học. Đối với những gì đã kiến lập, như thật rõ biết. Đối với hành tướng khác của ba Tam-ma-địa, như thật ngộ nhập. Đối với lý thú được an lập, như thật ngộ nhập. Đối với lý thú cần tu tập, như thật rõ biết. Đối với các pháp trên, các chúng Thanh văn cũng tinh cần tu học và chứng đắc viên mãn.

